

Chủ trì biên soạn tài liệu

VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Tham gia biên soạn tài liệu: PGS.TS . Trần Thị Hiền Lương

Mục lục

Nội dung	Trang
A. Một số vấn đề chung về Chương trình xoá mù chữ môn Tiếng Việt	2
I. Mục tiêu môn Tiếng Việt	2
II. Yêu cầu cần đạt	2
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	2
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù	3
III. Phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục	4
1. Phương pháp giáo dục	4
2. Đánh giá kết quả giáo dục	6
B. Chương trình và tài liệu học môn Tiếng Việt – kì 1	7
I. Chương trình môn Tiếng Việt kì 1	7
II. Tài liệu học môn Tiếng Việt kì 1	10
1. Cấu trúc tài liệu	10
2. Cấu trúc bài học	10
3. Một số lưu ý về dạy học văn	12
4. Gợi ý về cách thức tổ chức dạy học	13
C. Chương trình và tài liệu học môn Tiếng Việt – kì 2	14
I. Chương trình môn Tiếng Việt kì 2	14
II. Tài liệu học môn Tiếng Việt kì 2	17
1. Cấu trúc tài liệu	17
2. Cấu trúc bài học	17
3. Gợi ý về cách thức tổ chức dạy học	18
D. Chương trình và tài liệu học môn Tiếng Việt – kì 3	20
I. Chương trình môn Tiếng Việt kì 3	20
II. Tài liệu học môn Tiếng Việt kì 3	23
1. Cấu trúc tài liệu	23
2. Cấu trúc bài học	23
3. Gợi ý về cách thức tổ chức dạy học	24
E. Tài liệu hướng dẫn giáo viên	26
G. Giới thiệu một số bài học và hướng dẫn dạy học kì 1, 2, 3	27

TÀI LIỆU TẬP HUẤN MÔN TIẾNG VIỆT

A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH XOÁ MÙ CHỮ MÔN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU MÔN TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu chung

1.1. Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Tiếng Việt giúp học viên bước đầu khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và bước đầu có khả năng hội nhập quốc tế.

1.2. Giúp học viên phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt môn Tiếng Việt giúp học viên phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có tình yêu tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt; có ý thức đối với cội nguồn; có hứng thú học tập, có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và xã hội; góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2. Giúp học viên bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ, so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả); phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói.

Bước đầu hình thành và phát triển năng lực văn học với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; hiểu và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản văn học.

1.3. Giúp học viên hình thành phương pháp học tập, phương pháp tư duy, cách thức vận dụng các kiến thức, kĩ năng thu nhận được làm cơ sở cho việc học tập suốt đời.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Tiếng Việt góp phần hình thành, phát triển ở học viên những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Phần thứ nhất.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

2.1. Năng lực ngôn ngữ

- Đọc đúng, trôi chảy và diễn cảm văn bản; hiểu được nội dung chính của văn bản, chủ yếu là nội dung tường minh; bước đầu hiểu được nội dung hàm ẩn như chủ đề, bài học rút ra từ văn bản đã đọc.

Yêu cầu đọc gồm về kĩ thuật đọc và kĩ năng đọc hiểu. Đối với kỳ 1 và kỳ 2, chú trọng yêu cầu đọc đúng với tốc độ phù hợp và đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản. Đối với kỳ 3, kỳ 4 và kỳ 5, chú trọng nhiều hơn đến yêu cầu đọc hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản.

- Từ kỳ 1 đến kỳ 3, viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn văn ngắn; ở kỳ 4 và kỳ 5 bước đầu viết được bài văn ngắn hoàn chỉnh, chủ yếu là bài văn kể, tả và bài giới thiệu đơn giản.

Viết được văn bản kể lại những câu chuyện đã đọc, những sự việc đã chứng kiến, tham gia, những câu chuyện do học viên liên tưởng, tưởng tượng; miêu tả những sự vật, hiện tượng quen thuộc; giới thiệu về những sự vật và hoạt động gắn gũi với cuộc sống của học viên. Viết đoạn văn nêu những cảm xúc, suy nghĩ của học viên khi đọc một câu chuyện, bài thơ, khi chứng kiến một sự việc gọi cho học viên nhiều cảm xúc; nêu ý kiến về một vấn đề đơn giản trong học tập và đời sống; viết một số kiểu văn bản như: bản tự thuật, tin nhắn, giấy mời, thời gian biểu, đơn từ,...; bước đầu biết viết theo quy trình; bài viết cần có đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài).

- Trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; bước đầu biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách rõ ràng câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ, trao đổi những cảm xúc, thái độ, suy nghĩ của mình đối với những vấn đề được nói đến; biết thuyết minh về một đối tượng hay quy trình đơn giản.

- Nghe hiểu với thái độ phù hợp và nắm được nội dung cơ bản; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe.

2.2. Năng lực văn học

Phân biệt văn bản truyện và thơ (đoạn, bài văn xuôi và đoạn, bài văn vắn); nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết; bước đầu hiểu được tác dụng của một số yếu tố hình thức của văn bản văn học (ngôn từ, nhân vật, cốt truyện, văn thơ, so sánh, nhân hoá). Biết liên tưởng, tưởng tượng và diễn đạt có tính văn học trong viết và nói.

Đối với kỳ 1, kỳ 2: nhận biết được văn bản nói về ai, về cái gì; nhận biết được nhân vật trong các câu chuyện, văn trong thơ; nhận biết được truyện và thơ.

Đối với kỳ 3, kỳ 4 và kỳ 5: biết cách đọc diễn cảm văn bản văn học; kể lại, tóm tắt được nội dung chính của câu chuyện, bài thơ; nhận xét được các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản; nhận biết được thời gian và địa điểm, một số kiểu văn thơ, nhịp thơ, từ ngữ, hình ảnh đẹp, độc đáo và tác dụng của các biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh. Hiểu được ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản. Viết được đoạn, bài văn kể chuyện, miêu tả thể hiện cảm xúc và khả năng liên tưởng, tưởng tượng.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp giáo dục

1.1. Định hướng chung

- Chương trình lấy tư tưởng dạy học tập trung vào người học, phát huy tính tích cực, chủ động của học viên trong học tập làm phương châm trong việc thực hiện phương pháp dạy học.

- Đối với người lớn, cần chú trọng việc học qua thực hành, trải nghiệm, rèn luyện theo mẫu và thảo luận. Người lớn đã tiếp nhận tiếng Việt một cách tự nhiên trong môi trường xã hội qua các giai đoạn trưởng thành cho nên dạy học tiếng cho người lớn là cố gắng giúp họ ý thức được cách tổ chức của tiếng nói đó và cách sử dụng nó một cách có ý thức (không chỉ hoàn toàn tự nhiên). Việc này được thực hiện chủ yếu bằng cách phân tích ngữ liệu và đối chiếu những hiện tượng giống nhau (hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa), những hiện tượng khác nhau (hiện tượng trái nghĩa, nhiều nghĩa) của bản thân hệ thống tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt trong những tình huống khác nhau.

1.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

a) Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc là giúp học viên biết đọc và tự đọc được văn bản; thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách của học viên. Đối tượng đọc gồm văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Mỗi kiểu văn bản có những đặc điểm riêng, vì thế cần có cách dạy đọc hiểu văn bản phù hợp.

- Dạy đọc hiểu văn bản nói chung: Yêu cầu học viên đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn bản, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho học viên tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin chính trong văn bản; hướng dẫn học viên liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân học viên,... để hiểu giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyên hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.

- Dạy đọc hiểu văn bản văn học: Văn bản văn học cũng là một loại văn bản, nên dạy đọc hiểu văn bản văn học cũng cần tuân thủ cách đọc hiểu văn

bản nói chung. Tuy nhiên, văn bản văn học có những đặc điểm riêng vì thế giáo viên tổ chức cho học viên tìm hiểu, giải mã văn bản văn học theo một quy trình phù hợp với đặc trưng của văn bản nghệ thuật.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc. Hướng dẫn và khích lệ học viên chủ động, tự tin trong tiếp nhận tác phẩm; biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyển hoá thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, giáo viên có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của học viên; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn học viên đọc hiểu văn bản, hình thành kĩ năng đọc.

Tuỳ vào đối tượng học viên ở từng giai đoạn và thể loại của văn bản văn học mà vận dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, sử dụng câu hỏi, hướng dẫn ghi chép trong tiến trình đọc bằng các phiếu ghi chép, phiếu học tập, nhật kí đọc sách, tổ chức cho học viên thảo luận về văn bản,... Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho học viên.

b) Phương pháp dạy viết

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó mà giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách của học viên. Vì thế khi dạy viết, giáo viên chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

Giáo viên tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học viên các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, giáo viên hướng dẫn học viên phân tích các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu văn bản, quy trình tạo lập văn bản; sử dụng các câu hỏi giúp học viên xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; hướng dẫn học viên viết văn bản; tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết.

Nội dung dạy viết có hai yêu cầu: dạy kĩ thuật viết và dạy viết đoạn văn, văn bản. Dạy kĩ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn văn, bài văn một cách linh hoạt, có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,...

Giáo viên sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn học viên hình thành dàn ý, lựa chọn cách

triển khai, diễn đạt; tổ chức cho học viên thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà học viên cần thực hiện; yêu cầu học viên làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, học viên cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

c) Phương pháp dạy nói và nghe

Mục đích của dạy nói và nghe là giúp học viên có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách học viên.

Trong dạy nói, giáo viên tổ chức cho học viên thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, giáo viên hướng dẫn học viên cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kỹ năng nói nghe tương tác, giáo viên hướng dẫn học viên biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kỹ năng nghe nói cho học viên. Để tạo điều kiện cho mọi học viên được thực hành nói, giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp học viên nói cho nhau nghe hoặc học viên trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho học viên thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà giáo viên cung cấp.

2. Đánh giá kết quả giáo dục

2.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của học viên nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của học viên trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập,

điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học viên và nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2. Yêu cầu đánh giá

Đánh giá học viên thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về kỹ năng đọc, viết, nói, nghe được quy định trong Chương trình xóa mù chữ môn Tiếng Việt. Việc đánh giá thái độ đối với môn học của học viên được tích hợp vào việc đánh giá 4 kỹ năng: đọc, viết, nói, nghe.

Đánh giá thường xuyên là đánh giá các kỹ năng đọc, viết, nói nghe của học viên; Đánh giá định kỳ bằng bài kiểm tra viết, tích hợp đọc hiểu những kiến thức cần yếu về Tiếng Việt. Đánh giá viết ở mức độ 1 gồm có 2 phần: viết chính tả và viết đoạn văn 4-5 câu; mức độ 2: viết bài văn ngắn.

Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học viên; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của học viên; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh kết quả học tập giữa các học viên, không tạo áp lực cho học viên.

2.3. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn Tiếng Việt được thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học viên, học viên đánh giá lẫn nhau, học viên tự đánh giá.

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm cuối một mức do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra viết. Đề kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu).

B. CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT KÌ 1

I. CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT KÌ 1

KỲ 1 (260 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KỸ THUẬT ĐỌC - Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách, vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay). Giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm. - Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng), chữ số (từ 0 đến 9) và các số thường gặp.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Bảng chữ cái tiếng Việt, âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh, chữ số; Quy tắc chính tả phân biệt: c và k,

- Thuộc bảng chữ cái tiếng Việt. - Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 30 – 50 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ. - Bước đầu biết đọc thầm. - Nhận biết được bìa sách và tên sách. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học <i>Đọc hiểu nội dung</i> - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. - Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ. <i>Đọc hiểu hình thức</i> - Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của giáo viên. - Nhận biết được lời nhân vật trong truyện dựa vào gợi ý của giáo viên. <i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i> - Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao. Văn bản thông tin <i>Đọc hiểu nội dung</i> - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về các chi tiết nổi bật trong văn bản. - Trả lời được câu hỏi: “Văn bản này viết về điều gì?” với sự gợi ý, hỗ trợ của giáo viên. <i>Đọc hiểu hình thức</i> - Nhận biết được trình tự của các sự việc trong văn bản.	<i>g và gh, ng và ngh;</i> Quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng 2. Vốn từ theo chủ điểm: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gần gũi 3. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu 4. Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường; Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Câu chuyện, bài thơ 2. Nhân vật trong truyện NGŨ LIỆU 1. Văn bản văn học - Truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện ngắn, đoạn văn miêu tả, tục ngữ, ca dao dân ca về gia đình, sức khỏe, lao động sản xuất, môi trường,
VIẾT KĨ THUẬT VIẾT - Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa	

mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa). - Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa. - Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ <i>c, k, g, gh, ng, ngh</i>. - Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 - 35 chữ theo các hình thức nhìn - viết (tập chép), nghe - viết. VIẾT CÂU, ĐOẠN VĂN NGẮN <i>Quy trình viết</i> Bước đầu trả lời được những câu hỏi như: Viết về ai? Viết về cái gì, việc gì? <i>Thực hành viết</i> - Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. - Điền được phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.	thiên nhiên, đất nước. - Đoạn thơ, bài thơ (gồm cả đồng dao). Độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 - 130 chữ, thơ khoảng 50 - 70 chữ. 2. Văn bản thông tin: giới thiệu những sự vật, sự việc gắn gũi với học viên. Độ dài của văn bản: khoảng 90 chữ. 3. Gợi ý chọn văn bản: lựa chọn những văn bản có nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng nước, bảo vệ tổ quốc. 4. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực, phù hợp với học viên.
NÓI VÀ NGHE <i>Nói</i> - Nói rõ ràng, nói liền mạch cả câu. Có ý thức khắc phục lỗi phát âm (nếu có). - Trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. - Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. - Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý. <i>Nghe</i> - Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. - Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học. - Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu?	

<i>Nói nghe tương tác</i> - Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. - Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản.	
--	--

II. TÀI LIỆU HỌC MÔN TIẾNG VIỆT KÌ 1

1. Cấu trúc tài liệu

Tài liệu học kì 1 gồm 2 phần:

- Phần 1 (Học vần): 82 bài (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra), mỗi bài học trong 2 tiết (tổng cộng 164 tiết).
- Phần 2 (Luyện tập tổng hợp): 32 bài (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra), mỗi bài học trong 3 tiết (tổng cộng 96 tiết).

2. Cấu trúc bài học

- Phần Học vần gồm các bài học như sau:
 - + 1 bài làm quen với việc học Tiếng Việt.
 - + 19 bài học chữ cái ghi âm (gồm cả bài ôn tập)
 - + 60 bài học vần (gồm cả bài ôn tập)
 - + 2 bài ôn tập, kiểm tra cuối phần Học vần.
- Phần Luyện tập tổng hợp:
 - + 30 bài x 3 tiết = 90 tiết
 - + 2 bài ôn tập, kiểm tra cuối kì 6 tiết
- Các âm, vần được sắp xếp trong các bài học như sau:

Bài	Nội dung
1	Làm quen chữ viết
2	a, b, c; dấu /, dấu \
3	o, ô, ơ dấu ?, dấu ~
4	d, đ ; dấu ●
5	e, ê, i
6	h, g, gh
7	Ôn tập
8	k, kh, l
9	m, n, nh

Bài	Nội dung
22	oi – ôi – ơi
23	ui, ưi
24	uôi, ươi
25	Ôn tập
26	ao eo
27	au, âu
28	êu, iu
29	ưu, ươu
30	iêu, yêu

10	ng, ngh, gi
11	u, ư
12	q-qu ; y
13	p-ph, v
14	Ôn tập
15	r, s
16	t, th,
17	ch, tr, x
18	ua, ưa, ia
19	chữ hoa
20	Ôn tập
21	ai, ay, â – ây

31	Ôn tập
32	Ôn tập
33	an, ă- ăn , ân
34	on – ôn – ơn
35	en – ên – un
36	in- iên – yên
37	uôn – ươn
38	Ôn tập
39	at – ăt – ât
40	ot – ôt – ơt
41	et – êt – it
42	ut – ưt - iêt – yêt

Bài	Nội dung
43	uôt – ươt
44	Ôn tập
45	am- ăm – âm
46	om – ôm – ơm
47	em- êm – im
48	um – uôm
49	ươm – iêm – yêm
50	Ôn tập
51	ap – ăp – ập
52	op – ôp – ơp
53	ep- êp – ip
54	up- ươp – iêp
55	Ôn tập
56	ang – ăng – âng
57	ong – ông
58	ung – ung

Bài	Nội dung
63	oc – ôc
64	uc – ưc
65	iêc – uôc – ươc
66	ach – êch - ich
67	Ôn tập
68	oa – oe
69	oai – oay
70	oan – oăn
71	oang – oăng – oanh
72	oat – oăt
73	oac – oăc – oach
74	Ôn tập
75	uê – uy – ươ
76	uya – uây
77	uân – uât
78	uyên – uyêt – uyt

59	iêng – uông ương
60	43. anh ênh inh
61	Ôn tập
62	ac – ắc – âc

79	Vần ít dùng
80	Vần ít dùng
81	Ôn tập 1
82	Kiểm tra, đánh giá

Phần Luyện tập được thiết kế luân phiên theo 3 chủ điểm *Gia đình, Thiên nhiên đất nước, Cuộc sống quanh ta*. Mỗi chủ điểm có 3 bài học, sau khi hết một vòng 3 chủ điểm thì các bài học tiếp theo sẽ quay vòng lại 3 chủ điểm đó. Chủ điểm cuối cùng là *Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*.

Mỗi chủ điểm gồm 3 bài học với các hoạt động cụ thể như sau:

Chủ điểm	Bài 1	- Đọc (1 tiết) - Kể chuyện (1 tiết) - Viết chữ hoa (1 tiết)
	Bài 2	- Đọc (1 tiết) - Nói theo chủ điểm (1 tiết) - Viết chính tả (1 tiết)
	Bài 3	- Đọc và Luyện tập gắn với văn bản đọc (2 tiết) - Viết câu, đoạn ngắn (1 tiết)

Mỗi bài học được thực hiện trong 3 tiết bao gồm các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe và luyện tập về và câu gắn với luyện các kĩ năng ngôn ngữ.

Ở hoạt động đọc, văn bản được lựa chọn theo chủ đề, gồm có phần Luyện đọc (bao gồm đọc thành tiếng và đọc hiểu) và phần Luyện tập gắn với bài đọc. Ở hoạt động viết, gồm có viết chính tả, viết chữ hoa và viết câu hoặc đoạn văn ngắn. Ở hoạt động nói và nghe, gồm có nói theo chủ đề và kể chuyện.

3. Một số lưu ý về dạy học vần

- Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy nghĩa.

Hầu hết từ, câu, đoạn, bài đọc trong sách đều có tranh ảnh minh họa giúp HV dễ dàng hiểu nghĩa của từ ngữ, hiểu ý của câu, hiểu nội dung của đoạn, bài.

- Dạy các chữ q, qu và p, ph cùng nhau.

Giới thiệu chữ q (đọc là “cu”), sau đó dạy luôn chữ qu (quờ); giới thiệu chữ p (đọc là “pờ”), rồi dạy luôn chữ ph. Việc giới thiệu chữ q, p giúp HV có thể đọc được bảng chữ cái dễ dàng. Cách đọc (đánh vần) tiếng có âm đầu là chữ qu như sau:

+ Tiếng “quả”: quờ - a – qua – hỏi – quả.

+ Tiếng “quét”: quờ - et – quét – sắc – quét.

- Dạy chữ gi là âm đầu trong tiếng có vần chứa chữ i cần phân biệt cách đọc và cách viết. Trường hợp những tiếng có âm đầu là gi và vần chứa chữ i (iêu, iệt, iêng):

+ Cách đọc tiếng “giếng”: gi – iêng – giêng – sắc – giếng.

+ Cách viết tiếng “giếng” (bỏ đi một chữ i): giếng.

- Dạy các chữ ia, ua, ưa ghi các nguyên âm đôi iê, uô, ươ theo giải pháp đơn giản với người mới học chữ. Bài học *ia, ua, ưa* ở bài cuối cùng của phần học âm và đầu phần học các vần tiếng Việt. HV có thể coi *ia, ua, ưa* như là các vần. VD:

+ Tiếng “mía” tách thành âm đầu “m”, vần “ia”, thanh “sắc”.

+ Tiếng “rùa” tách thành âm đầu “r”, vần “ua”, thanh “huyền”.

+ Tiếng “cửa” tách thành âm đầu “c”, vần “ưa”, thanh “hỏi”.

- Dạy một số vần ít dùng theo cách giới thiệu sơ giản. Các vần ít dùng thường là những vần tạo ra rất ít từ, lại thường là những từ rất ít dùng hàng ngày. Do vậy, sách chỉ chọn một số vần ít dùng để dạy. Một số vần khác sẽ kết hợp dạy khi chúng xuất hiện trong các văn bản đọc.

4. Gợi ý về cách thức tổ chức dạy học

4.1. Phần Học vần

- Việc tổ chức hoạt động đọc, viết cho HV cần kết hợp chặt chẽ hài hoà với hoạt động nói và nghe.

- Tăng cường sử dụng phương pháp rèn luyện theo mẫu, bao gồm thao tác phân tích mẫu (tiếng mẫu) và thực hành theo mẫu theo 2 quy trình:

+ Tách tiếng thành âm đầu, vần, thanh.

+ Ghép tiếng từ âm đầu, vần, thanh.

- Kết hợp linh hoạt hoạt động theo nhóm, lớp và học cá nhân.

4.2. Phần Luyện tập tổng hợp

a. Hoạt động đọc

Có thể tổ chức các hoạt động học tập của học viên theo quy trình sau:

- *Ôn bài cũ:*

+ HV đọc từng đoạn hoặc cả bài đọc đã học trước đó và trả lời câu hỏi của GV về bài đọc.

+ HV làm việc theo nhóm, đọc nối tiếp từng đoạn của bài đọc đã học và trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

- *Học bài mới*

+ Luyện đọc hành tiếng: GV hướng dẫn phát âm đúng một số từ khó phát âm trong bài (GV đọc mẫu để HV đọc theo hoặc HV tự đọc và tự góp ý cho nhau); luyện đọc từ, câu, đoạn theo hướng dẫn của GV.

+ Luyện đọc hiểu: Đọc từng yêu cầu hoặc câu hỏi ở phần Đọc - hiểu. Cá nhân HV suy nghĩ để trả lời hoặc trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời câu hỏi (hoặc đáp ứng yêu cầu) nêu trong phần Đọc - hiểu.

- *Luyện tập gắn với văn bản đọc*

Học viên làm việc theo nhóm để thực hiện các yêu cầu.

GV thống nhất đáp án.

b. Hoạt động viết

- Viết chính tả: Bài luyện viết chính tả gồm có 2 yêu cầu: Nghe – viết đoạn văn hoặc đoạn thơ; Làm bài tập chính tả.

- Viết chữ hoa: Quan sát mẫu chữ viết hoa và nghe hướng dẫn viết; Thực hành viết; Chữa lỗi và nghe nhận xét, góp ý.

- Viết câu hoặc đoạn ngắn: Nhận biết yêu cầu, suy nghĩ cá nhân hoặc trao đổi nhóm trước khi viết câu, viết đoạn ; trình bày bài làm của cá nhân, hoặc góp ý cho bài làm của bạn.

c. Hoạt động nói và nghe

- HV đọc yêu cầu (nói theo chủ đề hoặc kể chuyện).

- GV hướng dẫn cách thức, quy trình thực hiện.

- HV chuẩn bị nội dung để kể chuyện hoặc trình bày ý kiến.

- Kể chuyện hoặc trình bày ý kiến trong nhóm hoặc trước lớp.

- Nghe góp ý về nội dung, giọng nói, điệu bộ, cử chỉ khi nói,...

C. CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU HỌC MÔN TIẾNG VIỆT KÌ 2

I. CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT KÌ 2

KỲ 2 (175 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KỸ THUẬT ĐỌC - Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó, ít dùng). - Đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, văn bản thông tin ngắn. Tốc độ đọc khoảng 40 – 60 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. - Biết đọc thầm. - Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tranh minh họa, tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Vốn từ theo chủ điểm: quan hệ gia đình, kinh tế, thu nhập, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn môi trường, ý thức công dân,... 2. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất; Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than: đánh dấu kết thúc câu; dấu phẩy:

- Điền được những thông tin quan trọng vào phiếu đọc sách. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung - Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao? - Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện. - Nhận biết được hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh. - Nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời thoại. - Nhận biết được vần trong thơ. Liên hệ, so sánh, kết nối Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích được vì sao. Văn bản thông tin Đọc hiểu nội dung - Biết nêu và trả lời được câu hỏi về các chi tiết nổi bật của văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao? - Dựa vào gợi ý, trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được một số loại văn bản thông tin đơn giản, thông dụng qua đặc điểm của văn bản: Sơ đồ, biểu bảng đơn giản; mục lục sách, danh sách học viên, thời khoá biểu, thời gian biểu, văn bản giới thiệu loài vật, đồ vật hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động.	tách các bộ phận đồng chức trong câu 3. Hội thoại: lắng nghe, nói theo lượt lời 4. Đoạn văn - Đoạn văn kể lại một sự việc - Đoạn văn miêu tả ngắn, đơn giản theo gợi ý - Đoạn văn nói về tình cảm của mình với những người thân yêu - Đoạn văn giới thiệu loài vật, đồ vật; văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động, bưu thiếp, danh sách, mục lục sách, thời khoá biểu, thời gian biểu 5. Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Đề tài (viết, kể về điều gì) 2. Hình dáng, điệu bộ, lời thoại của nhân vật 3. Tình cảm, thái độ giữa các nhân vật 4. Vần trong thơ NGŨ LIỆU 1. Văn bản văn học - Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả - Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè, tục ngữ. Độ dài của văn bản: truyện khoảng
--	---

- Nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng nêu trong văn bản. - Liên hệ, so sánh, kết nối - Nêu được các thông tin bổ ích đối với bản thân từ văn bản. - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thể hiện qua nhan đề, hình ảnh minh họa và chú thích hình ảnh.	180 - 200 chữ, bài miêu tả khoảng 150 -180 chữ, thơ khoảng 70 - 90 chữ. 2. Văn bản thông tin - Văn bản giới thiệu về loài vật, đồ dùng; văn bản hướng dẫn một hoạt động đơn giản bao gồm cả dạng kí hiệu.
VIẾT KỸ THUẬT VIẾT - Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. - Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương. - Nghe - viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 - 55 chữ. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. VIẾT ĐOẠN VĂN NGẮN Quy trình viết - Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ. Thực hành viết - Viết được 4 - 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý. - Viết được 4 - 5 câu tả/giới thiệu về một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý. - Viết được 4 - 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý - Viết được bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi. NÓI VÀ NGHE Nói - Nói rõ ràng, có thói quen nhìn vào người nghe. - Biết nói và đáp lại lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề nghị, chúc mừng, chia buồn,	- Sơ đồ, biểu bảng đơn giản; danh sách học viên; mục lục sách; thời khoá biểu; thời gian biểu. Độ dài của văn bản: khoảng 110 - 140 chữ. 3. Gợi ý chọn văn bản: nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc,...

an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe. - Kể được một câu chuyện đơn giản (có hình ảnh) đã đọc, nghe, xem. - Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích). Nghe - Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Đặt được câu hỏi về những gì chưa rõ khi nghe. - Nghe một bài thơ hoặc bài hát, dựa vào gợi ý, nói một vài câu nêu cảm nhận của mình về bài thơ hoặc bài hát đó. - Nghe câu chuyện, dựa vào gợi ý, nêu ý kiến về nhân vật chính hoặc một sự việc trong câu chuyện. Nói nghe tương tác - Biết trao đổi trong nhóm về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý. - Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề: chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói.	
--	--

II. TÀI LIỆU HỌC MÔN TIẾNG VIỆT KÌ 2

1. Cấu trúc sách

Sách được thiết kế theo 11 chủ điểm: Tuổi trẻ, trách nhiệm và ước mơ; Chuyện học hành; Nghề nghiệp; Bài học từ cuộc sống; Mái ấm gia đình; Những người quanh ta; Thiên nhiên muôn màu; Thành thị và nông thôn; Bảo vệ môi trường; Quê hương, đất nước; Nhìn ra thế giới.

Phân bố số tiết học:

33 bài học x 5 tiết = 165 tiết

2 bài ôn tập, kiểm tra x 5 tiết = 10 tiết

2. Cấu trúc bài học

Mỗi chủ điểm gồm 3 bài học với các hoạt động cụ thể như sau:

Chủ điểm	Bài 1	- Đọc (2 tiết)
		- Kể chuyện (1 tiết)
		- Viết chính tả (1 tiết)

- Viết đoạn văn (1 tiết)
- Bài 2
 - Đọc (2 tiết)
 - Luyện tập về từ và câu (1 tiết)
 - Viết chữ hoa (1 tiết)
 - Luyện viết đoạn văn (1 tiết)
- Bài 3
 - Đọc (2 tiết)
 - Nói theo chủ điểm (1 tiết)
 - Viết chính tả (1 tiết)
 - Đọc và viết (1 tiết)

Mỗi bài học được thực hiện trong 5 tiết bao gồm các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe và luyện tập các kiến thức về từ và câu theo yêu cầu của chương trình kì II.

Ở hoạt động đọc, văn bản được lựa chọn theo chủ đề, gồm có phần Luyện đọc (bao gồm đọc thành tiếng và đọc hiểu) và phần Luyện tập gắn với bài đọc. Ở hoạt động viết, gồm có viết chính tả, viết chữ hoa, viết đoạn văn. Ở hoạt động nói và nghe, gồm có nói theo chủ đề và kể chuyện. Hoạt động Đọc và viết ở cuối mỗi chủ điểm giúp học viên rèn kỹ năng tự học: tự đọc văn bản theo chủ điểm và viết suy nghĩ, cảm xúc hoặc những thông tin thu nhận được từ văn bản đã đọc.

3. Gợi ý về cách thức tổ chức dạy học

3.1. Hoạt động đọc

Có thể tổ chức các hoạt động học tập của học viên theo quy trình sau:

a. Ôn bài cũ

Có thể thực hiện theo một trong những cách thức sau đây:

- HV đọc từng đoạn hoặc cả bài đọc đã học trước đó và trả lời câu hỏi của GV về bài đọc.

- HV làm việc theo nhóm, đọc nối tiếp từng đoạn của bài đọc đã học và trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

b. Học bài mới

- Luyện đọc hành tiếng:

+ GV hướng dẫn phát âm đúng một số từ khó phát âm trong bài (GV đọc mẫu để HV đọc theo hoặc HV tự đọc và tự góp ý cho nhau).

+ Đọc tron các từ mới kết hợp với hiểu nghĩa từ mới (hiểu nghĩa bằng đọc lời giải nghĩa trong sách hoặc nghe GV giải nghĩa).

+ Đọc trơn câu (chủ yếu tập trung đọc các câu dài cần ngắt hơi đúng chỗ, bước đầu biết đọc phân biệt lời của các nhân vật đối thoại).

+ Đọc trơn đoạn (cá nhân, trong nhóm)

- Luyện đọc hiểu

+ Đọc từng yêu cầu hoặc câu hỏi ở phần Đọc - hiểu.

+ Cá nhân HV suy nghĩ để trả lời hoặc trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời câu hỏi (hoặc đáp ứng yêu cầu) nêu trong phần Đọc - hiểu.

c. Luyện tập gắn với văn bản đọc

Học viên làm việc theo nhóm để thực hiện các yêu cầu.

GV thông nhất đáp án.

d. Củng cố

- Đọc lại toàn bài

- Trả lời câu hỏi về liên hệ nội dung của bài đọc với thực tế để HV biết vận dụng bài học vào thực tế.

3.2. Hoạt động viết

a. Viết chính tả

Bài luyện viết chính tả gồm có 2 yêu cầu: Nghe – viết đoạn văn hoặc đoạn thơ; Làm bài tập chính tả.

Giờ học có thể tiến hành theo quy trình sau:

- *Nghe – viết*

+ Đọc hoặc nghe đọc đoạn văn, đoạn thơ cần viết.

+ Viết ra nháp một số từ dễ mắc lỗi (theo hướng dẫn của GV).

+ Viết bài (HV nghe GV đọc từng câu và viết; đọc lại bài viết để soát lỗi; chữa lỗi trong bài viết ; ...).

- *Làm bài tập chính tả*

+ Đọc yêu cầu của bài tập.

+ Nghe GV hướng dẫn cách làm.

+ Làm bài tập cá nhân hoặc theo cặp.

+ Chữa bài (theo hướng dẫn của GV).

b. Viết chữ hoa

- HV nhận viết yêu cầu, nhiệm vụ.

- Quan sát mẫu chữ viết hoa và nghe hướng dẫn viết.

- Thực hành viết.

- Chữa lỗi và nghe nhận xét, góp ý.

c. Viết đoạn văn

- HV đọc yêu cầu của bài tập, nắm được mục đích của bài tập.
- GV có thể giải thích thêm hoặc gợi ý, hướng dẫn cách làm.
- HV thực hiện bài tập: suy nghĩ cá nhân hoặc trao đổi nhóm trước khi viết, viết bài.
- Tham gia chữa bài tập: trình bày bài làm của cá nhân, hoặc góp ý cho bài làm của bạn.

3.3. Hoạt động nói và nghe

- HV đọc yêu cầu (nói theo chủ đề hoặc kể chuyện).
- GV hướng dẫn cách thức, quy trình thực hiện.
- HV chuẩn bị nội dung để kể chuyện hoặc trình bày ý kiến.
- Kể chuyện hoặc trình bày ý kiến trong nhóm hoặc trước lớp.
- Nghe góp ý về nội dung, giọng nói, điệu bộ, cử chỉ khi nói,...

3. 4. Hoạt động luyện tập về từ và câu

- HV đọc yêu cầu của bài tập.
- Nghe GV giải thích nhiệm vụ cần làm để thực hiện yêu cầu của bài tập (bài tập này giúp HV nhận biết đặc điểm gì về từ ngữ, ngữ pháp tiếng Việt?,...)
- Thực hiện bài tập (cá nhân hoặc trao đổi trong nhóm).
- Tham gia chữa bài tập: trình bày bài làm của cá nhân hoặc trao đổi về bài làm của bạn.
- GV chốt lại những kiến thức tiếng Việt cần nhớ.

D. CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU HỌC MÔN TIẾNG VIỆT KÌ 3

I. CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT KÌ 3

KỲ 3 (170 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KỸ THUẬT ĐỌC - Đọc đúng các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ. Tốc độ đọc khoảng 60 – 70 tiếng trong 1 phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ. - Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. - Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn kỳ 2.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Cách viết nhan đề văn bản 2. Vốn từ theo chủ điểm: quan hệ gia đình, kinh tế, thu nhập, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn môi trường, ý thức công dân,...; Từ

- Đánh dấu được đoạn sách đang đọc. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học <i>Đọc hiểu nội dung</i> - Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. - Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý. - Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. <i>Đọc hiểu hình thức</i> - Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản. - Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện. - Nhận biết được vần trong thơ. <i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i> - Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó. - Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, mô tả được nhân vật, địa điểm đó. Văn bản thông tin <i>Đọc hiểu nội dung</i> - Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý? - Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản. <i>Đọc hiểu hình thức</i> - Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản. - Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian. - Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản.	có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau. 3. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất; Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu; Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê). 4. Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng; Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn: dấu hiệu nhận biết; Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm 5. Kiểu văn bản và thể loại - Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm - Đoạn văn miêu tả đồ vật - Đoạn văn chia sẻ cảm xúc, tình cảm - Đoạn văn nêu lí do vì sao mình thích một nhân vật trong câu chuyện - Đoạn văn giới thiệu về đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc, thông báo hoặc bản tin ngắn, tờ khai in sẵn
---	--

<i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i> Nêu được những điều học được từ văn bản.	6. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)
VIẾT KĨ THUẬT VIẾT - Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. - Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam - Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. - Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe - viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 - 70 chữ, VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN <i>Quy trình viết</i> Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý. <i>Thực hành viết</i> - Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia. - Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật. - Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý. - Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân. - Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè.	KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Bài học rút ra từ văn bản 2. Địa điểm và thời gian 3. Suy nghĩ và hành động của nhân vật NGŨ LIỆU 1. Văn bản văn học - Truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả - Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè Độ dài của văn bản: truyện khoảng 200 - 250 chữ, bài miêu tả khoảng 180 - 200 chữ, thơ khoảng 80 - 100 chữ. 1. Văn bản thông tin - Văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc - Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn Độ dài của văn bản: khoảng 120 - 150 chữ 3. Gợi ý chọn văn bản: nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc,...
NÓI VÀ NGHE <i>Nói</i> - Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá.	

- Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp. - Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý. - Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); Nghe - Chú ý nghe người khác nói. Đặt được những câu hỏi có liên quan để hiểu đúng nội dung đã nghe. Nói nghe tương tác - Chú ý lắng nghe, tập trung vào vấn đề trao đổi, không nói lạc đề. - Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện	
---	--

II. TÀI LIỆU HỌC MÔN TIẾNG VIỆT KÌ 3

1. Cấu trúc sách

Sách được thiết kế theo 11 chủ điểm: Cuộc sống thường ngày, Những bài học trong trang sách, Lao động và việc làm, Ý thức công dân, Gia đình và dòng họ, Tình làng nghĩa xóm, Các mùa trong năm, Phong tục, tập quán, Thắng cảnh đất nước, Việt Nam – Đất nước – Con người, Ngôi nhà chung.

Phân bố số tiết học:

32 bài học x 5 tiết = 160 tiết

2 bài ôn tập, kiểm tra x 5 tiết = 10 tiết

2. Cấu trúc bài học

Mỗi chủ điểm gồm 3 bài học với các hoạt động cụ thể như sau:

Chủ điểm	Bài 1	- Đọc (2 tiết) - Luyện tập về từ và câu (1 tiết) - Viết chính tả (1 tiết) - Luyện viết đoạn văn (1 tiết)
	Bài 2	- Đọc (2 tiết) - Luyện tập về từ và câu (1 tiết) - Viết chữ hoa (1 tiết)

- Bài 3
- Luyện viết đoạn văn (1 tiết)
 - Đọc (2 tiết)
 - Nói và nghe (1 tiết)
 - Viết chính tả (1 tiết)
 - Luyện đọc và viết (1 tiết)

Mỗi bài học được thực hiện trong 5 tiết bao gồm các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe và luyện tập các kiến thức về từ và câu theo yêu cầu của chương trình kì III.

Ở hoạt động đọc, văn bản được lựa chọn theo chủ đề, gồm có phần Luyện đọc (bao gồm đọc thành tiếng và đọc hiểu) và phần Luyện tập gắn với bài đọc. Ở hoạt động viết, gồm có viết chính tả, viết chữ hoa, viết đoạn văn. Ở hoạt động nói và nghe, gồm có nói theo chủ đề và kể chuyện. Hoạt động Đọc và viết ở cuối mỗi chủ điểm giúp học viên rèn kỹ năng tự học: tự đọc văn bản theo chủ điểm và viết suy nghĩ, cảm xúc hoặc những thông tin thu nhận được từ văn bản đã đọc.

3. Gợi ý về cách thức tổ chức dạy học

3.1. Hoạt động đọc

Có thể tổ chức các hoạt động học tập của học viên theo quy trình sau:

a. Ôn bài cũ

Có thể thực hiện theo một trong những cách thức sau đây:

- HV đọc từng đoạn hoặc cả bài đọc đã học trước đó và trả lời câu hỏi của GV bài đọc.

- HV đọc lại bài đọc theo nhóm và các nhóm tự điều hành việc kiểm tra bài cũ hoặc liên hệ thực tiễn.

b. Học bài mới

- Luyện đọc hành tiếng:

- + GV hướng dẫn phát âm đúng một số từ khó phát âm trong bài (GV đọc mẫu để HV đọc theo hoặc HV tự đọc và tự góp ý cho nhau).

- + Đọc trơn các từ mới kết hợp với hiểu nghĩa từ mới (hiểu nghĩa bằng đọc lời giải nghĩa trong sách, bằng lời giải nghĩa của HV hoặc lời giải nghĩa của GV).

- + Đọc trơn câu (chủ yếu tập trung đọc các câu dài cần ngắt hơi đúng chỗ, câu đối thoại có giọng đọc phân biệt lời của các nhân vật đối thoại).

- + Đọc trơn đoạn (cá nhân, trong nhóm)

- Luyện đọc hiểu

- + Đọc từng yêu cầu hoặc câu hỏi ở phần Đọc - hiểu.
- + Cá nhân HV suy nghĩ để trả lời hoặc trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời câu hỏi (hoặc đáp ứng yêu cầu) nêu trong phần Đọc - hiểu.

c. Luyện tập gắn với văn bản đọc

Học viên làm việc theo nhóm để thực hiện các yêu cầu.

GV thông nhất đáp án.

d. Củng cố

- Đọc lại toàn bài
- Trả lời câu hỏi về liên hệ nội dung của bài đọc với thực tế để HV biết vận dụng bài học vào thực tế.

3.2. Hoạt động viết

a. Viết chính tả

Bài luyện viết chính tả gồm có 2 yêu cầu: Nghe – viết hoặc nhớ - viết đoạn văn hoặc đoạn thơ; Làm bài tập chính tả.

Giờ học có thể tiến hành theo quy trình sau:

- *Nghe – viết (hoặc nhớ - viết)*
 - + Đọc hoặc nghe đọc đoạn văn, đoạn thơ cần viết (với bài *Nghe-viết*, HV nghe đọc đoạn văn; với bài *Nhớ – viết*, HV nhắc lại bài theo yêu cầu).
 - + Viết ra nháp một số từ dễ mắc lỗi (theo hướng dẫn của GV).
 - + Viết bài: Với bài nghe-viết, HV nghe GV đọc từng câu và viết. Với bài nhớ – viết, HV tự viết lại đoạn/ bài theo trí nhớ.
 - + Đọc lại bài viết để soát lỗi. (cá nhân, trao đổi với bạn).
 - + Chữa lỗi trong bài viết (nếu có). GV nhận xét một số bài.
- *Làm bài tập chính tả*
 - + Đọc yêu cầu của bài tập.
 - + Nghe GV hướng dẫn cách làm (có thể làm mẫu một phần).
 - + Làm bài tập (làm bài cá nhân hoặc theo cặp, theo nhóm).
 - + Chữa bài.

b. Viết chữ hoa

- HV nhận viết yêu cầu, nhiệm vụ.
- Quan sát mẫu chữ viết hoa và nghe hướng dẫn viết.
- Thực hành viết.
- Chữa lỗi và nghe nhận xét, góp ý.

c. Viết đoạn văn

- HV đọc yêu cầu của bài tập, nắm được mục đích của bài tập.
- GV có thể giải thích thêm hoặc gợi ý, hướng dẫn cách làm.
- HV thực hiện bài tập: suy nghĩ cá nhân hoặc trao đổi nhóm trước khi viết, viết bài.
- Tham gia chữa bài tập: trình bày bài làm của cá nhân, hoặc góp ý cho bài làm của bạn.

3.3. Hoạt động nói và nghe

- HV đọc yêu cầu (nói theo chủ đề hoặc kể chuyện).
- GV hướng dẫn cách thức, quy trình thực hiện.
- HV chuẩn bị nội dung để kể chuyện hoặc trình bày ý kiến.
- Kể chuyện hoặc trình bày ý kiến trong nhóm hoặc trước lớp.
- Nghe góp ý về nội dung, giọng nói, điệu bộ, cử chỉ khi nói,...

3.4. Hoạt động luyện tập về từ và câu

- HV đọc yêu cầu của bài tập.
- Nghe GV giải thích nhiệm vụ cần làm để thực hiện yêu cầu của bài tập (bài tập này giúp HV nhận biết đặc điểm gì về từ ngữ, ngữ pháp tiếng Việt?,...)
- Thực hiện bài tập (cá nhân hoặc trao đổi trong nhóm).
- Tham gia chữa bài tập: trình bày bài làm của cá nhân hoặc trao đổi về bài làm của bạn.
- GV chốt lại những kiến thức tiếng Việt cần nhớ.

E. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Có 3 tài liệu:

- Tài liệu hướng dẫn dạy học xoá mù chữ Tiếng Việt kì 1
- Tài liệu hướng dẫn dạy học xoá mù chữ Tiếng Việt kì 2
- Tài liệu hướng dẫn dạy học xoá mù chữ Tiếng Việt kì 3

Mỗi tài liệu nêu trên được cấu trúc theo 2 phần:

- Phần hướng dẫn chung (về chương trình, nội dung dạy học, phương pháp dạy các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe và kiến thức tiếng Việt)
- Phần hướng dẫn cụ thể (gợi ý dạy học từng bài học, từng hoạt động,...).

G. GIỚI THIỆU MỘT SỐ BÀI HỌC VÀ HƯỚNG DẪN DẠY HỌC
KÌ 1, KÌ 2, KÌ 3
TÀI LIỆU HỌC TIẾNG VIỆT KÌ 1

BÀI 1. LÀM QUEN VỚI CHỮ VIẾT

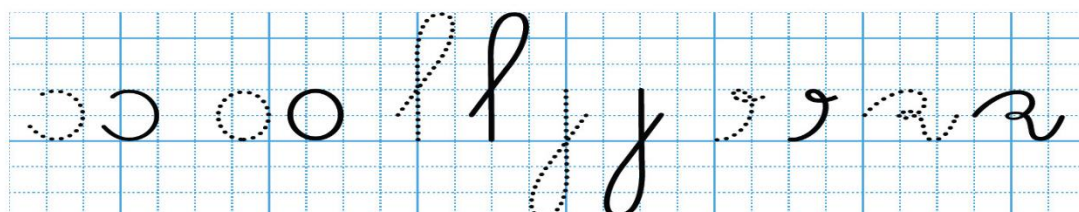
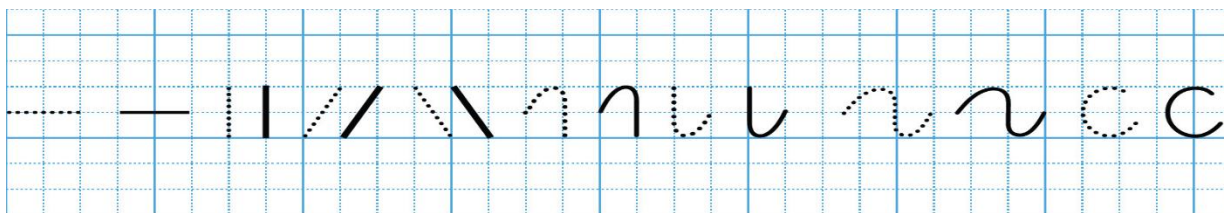
1. Quan sát bảng chữ cái và các nét chữ cơ bản

BẢNG CHỮ CÁI					CÁC NÉT CHỮ
Làm quen với bảng chữ cái					Nét ngang: — Nét sổ: Nét xiên phải: / Nét xiên trái: \ Nét móc xuôi: ˆ Nét móc ngược: ˘ Nét móc hai đầu: ˚ Nét cong hở phải: C Nét cong hở trái: 3 Nét cong kín: O Nét khuyết trên: Ɔ Nét khuyết dưới: Ɔ Nét thắt trên: 9 Nét thắt giữa: 2
 	 	 	 		
 	 		 	 	
 	 		 	 	

2. Nói tên vật, con vật và dấu thanh



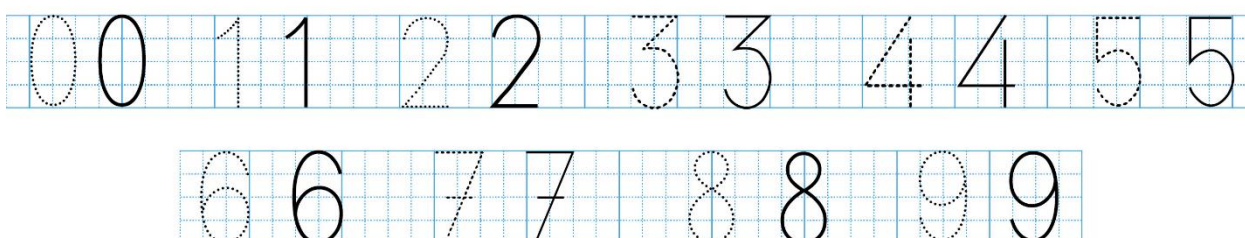
3. Tập tô và viết các nét chữ cơ bản



4. Nói tên các chữ số

0	1	2	3	4
5	6	7	8	9

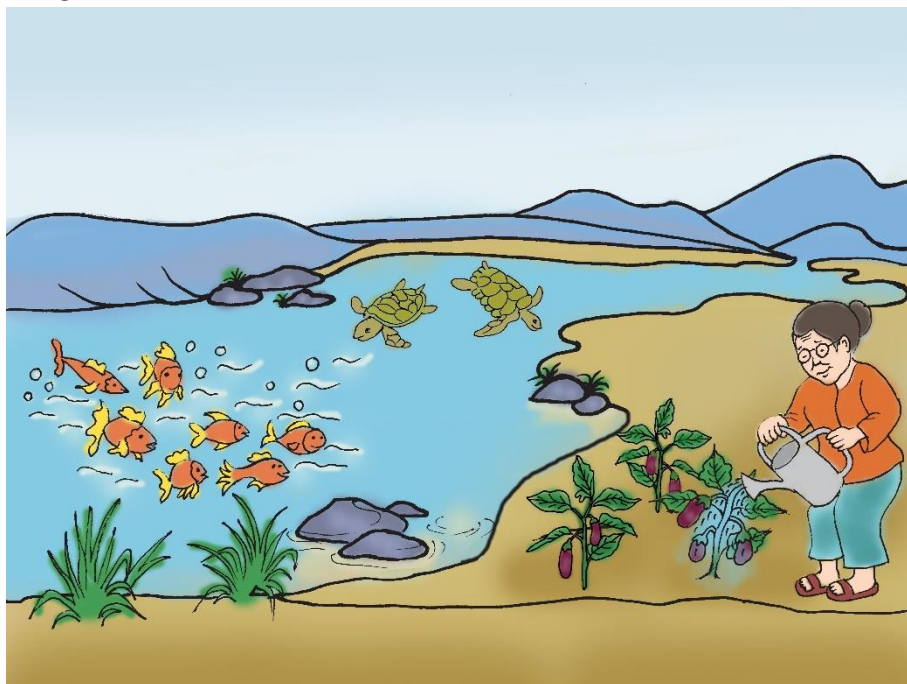
5. Tập tô và viết các chữ số



BÀI 2.

a b c

1. Nghe – nói



2. Đọc

a

b

a

bà

c

a

cá

b

âm đầu	vần	thanh	tiếng
b	a		ba
b	a	'	bá

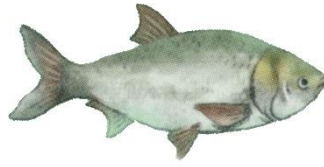
âm đầu	vần	thanh	tiếng
c	a		ca
c	a	'	cà

A a B b C c

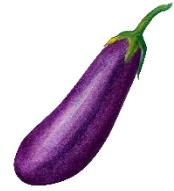
c



ba ba



cá



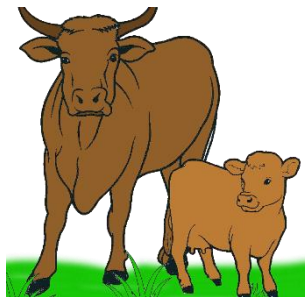
cà

3. Viết

a b c ba ba cá cà

4. Nghe – nói

Nói tiếng chứa **a**, tiếng chứa **b**.



BÀI 3. o ô ơ

1. Nghe – nói



2. Đọc

a

	?		,		~
c	o	c	ơ	c	ô
cỏ		cờ		cỗ	

h

âm đầu	vần	thanh	tiếng	âm đầu	vần	thanh	tiếng	âm đầu	vần	thanh	tiếng
c	o		co	c	ơ		cơ	c	ô		cô
c	o	?	cỏ	c	ơ	,	cờ	c	ô	~	cỗ

O o Ô ô Ơ ơ



bó cỏ



cá cò



cỗ

3. Viết

o ô ơ cỏ cá cò cỗ

4. Đọc



Cò có cá.



Bò có cỏ.



Cô Ba có bơ.

BÀI 4. d đ

1. Nghe – nói



2. Đọc

a

c	o
---	---

cọ

d	a
---	---

da

đ	a
---	---

đa

b

âm đầu	vần	thanh	tiếng
c	o		co
c	o	.	cọ

âm đầu	vần	thanh	tiếng
b	a		ba
d	a		da

âm đầu	vần	thanh	tiếng
d	a		da
đ	a		đa

D d Đ d

c



cọ



đồ



đồ đỏ

3. Viết

d đ đồ đồ đỏ

4. Đọc



Bố dỡ đồ.



Cô Ba có bộ đồ đỏ.

BÀI 5. e ê i

1. Nghe – nói



2. Đọc

a

b	e
---	---

bé

b	ê
---	---

bế

đ	i
---	---

đi

b

âm đầu	vần	thanh	tiếng
b	e		be
b	e	'	bé
b	e	?	bẻ

âm đầu	vần	thanh	tiếng
b	ê	'	bế
d	ê		dê
đ	ê	'	để

âm đầu	vần	thanh	tiếng
đ	i		đi
b	i		bi
b	i	'	bí

E e Ê ê I i

c



bé bé



bờ đê



đi đò

3. Viết

e ê i bé bẻ đi

4. Đọc



Bố có bể cá.



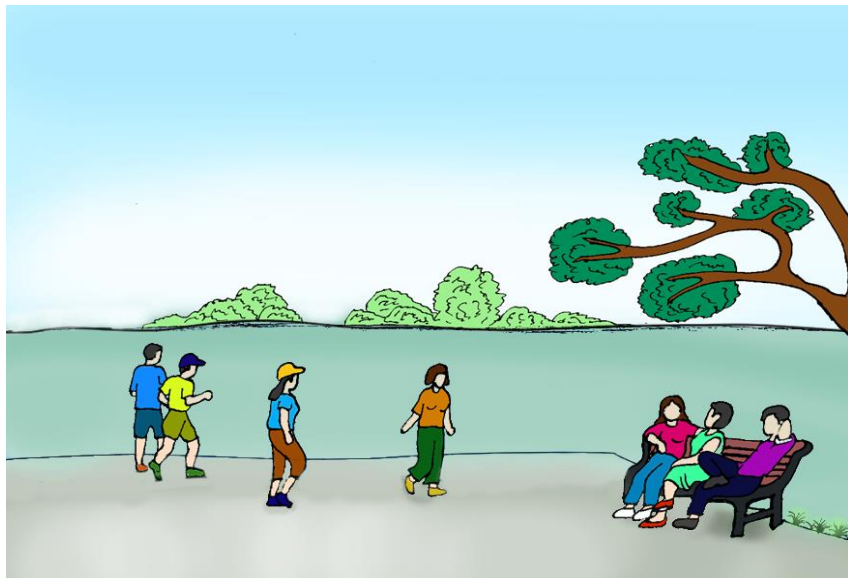
Bà có bí đỏ.



Bé có bi.

BÀI 6. h g gh

1. Nghe – nói



2. Đọc

a

h	e
---	---

hè

g	ô
---	---

gỗ

gh	ê
----	---

ghế

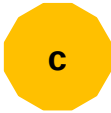
b

âm đầu	vần	thanh	tiếng
h	e	`	hè
h	ô	?	hồ
h	i	'	hí

âm đầu	vần	thanh	tiếng
g	ô	~	gỗ
g	a	`	gà
g	o	~	gõ

âm đầu	vần	thanh	tiếng
gh	ê	'	ghế
gh	e		ghe
gh	i		ghi

H h G g Gh gh



hồ



gà

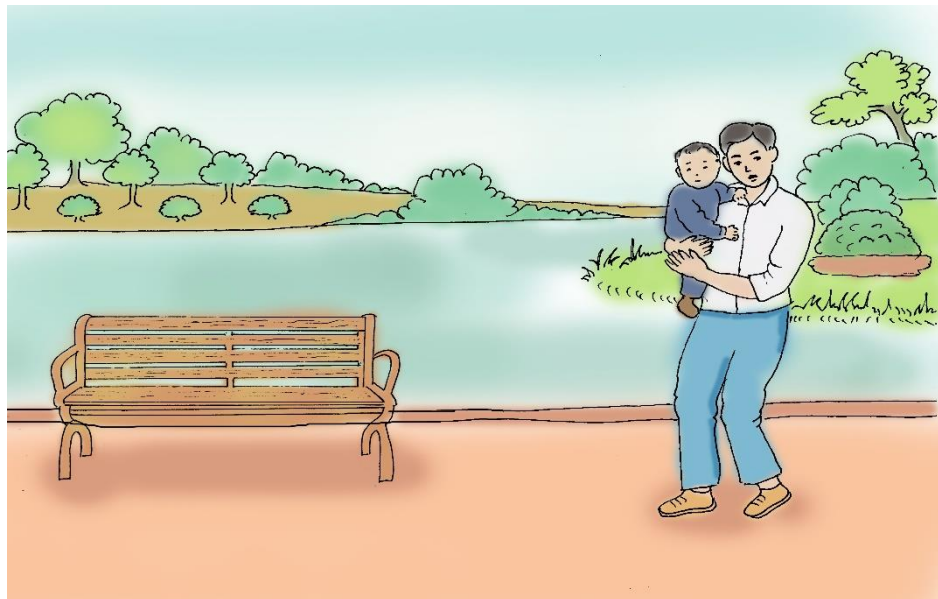


ghẹ

3. Viết

h g gh hồ gà ghẹ

4. Đọc



**Bố bé đi bộ ở bờ hồ.
Bờ hồ có ghế gỗ.**

BÀI 7.

ÔN TẬP

a b c

o ô ơ

d đ

e ê i

h g gh

1. Đọc



ghế gỗ



bể cá



đồ da



da bò

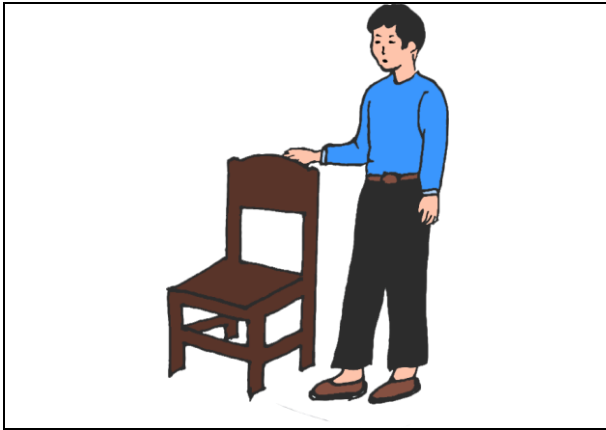


ga



đi ghe

2. Ghép câu với hình thích hợp.



Bà bế bé.



Bố có ghế gỗ.



Bố có bể cá.

3. Viết

ghế gỗ

đi ghe

hồ cá

4. Đọc

Bé có cá cờ.

Bà bế bé Hà.

BÀI 8.**k kh l****1. Nghe – nói****2. Đọc****a**

k	ê
----------	----------

kê

kh	ê
-----------	----------

khế

l	ê
----------	----------

lê**b**

âm đầu	vần	thanh	tiếng
k	ê		kê
kh	a	’	khá
l	ơ	`	lờ

âm đầu	vần	thanh	tiếng
k	ê	’	kế
kh	ô	?	khỏ
l	o		lo

K k Kh kh L l

c



kệ gỗ



kho cá



lá hẹ

3. Viết

k kh l
kệ gỗ kho cá lá hẹ

4. Đọc

Bố có hồ cá.
Bà có lá hẹ.
Hà có bể cá.

BÀI 9.

m n nh

1. Nghe – nói



2. Đọc

a

m	e
me	

n	a
na	

nh	o
nho	

b

âm đầu	vần	thanh	tiếng
m	e	.	mẹ
n	ơ	?	nở
nh	a	`	nhà

âm đầu	vần	thanh	tiếng
m	ơ		mơ
n	ê	?	nê
nh	ơ	'	nhớ

M m N n Nh nh

c



lá me



ca nô

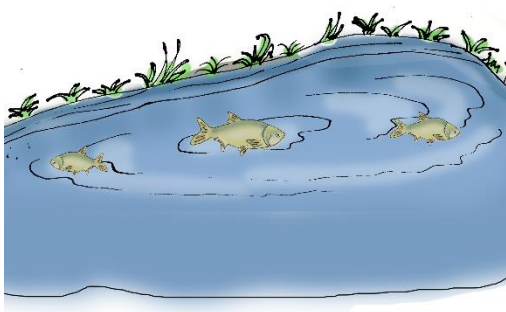


nhà gỗ

3. Viết

m n nh
me na nho

4. Đọc



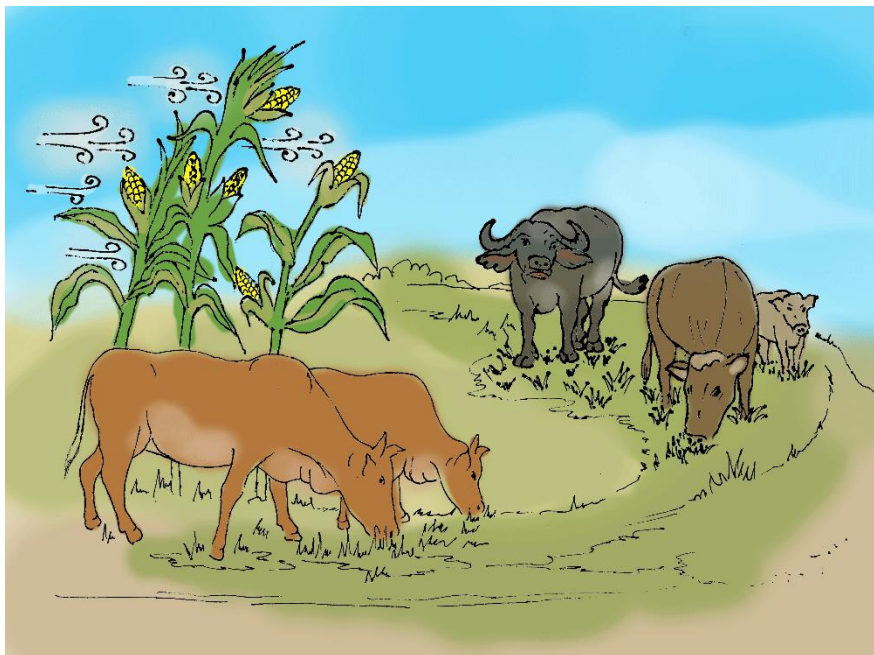
Hồ cá **nhà** Hà có cá **mè**.



Cả nhà Hà đi ca **nô**.

BÀI 10. ng ngh gi

1. Nghe – nói



2. Đọc

a

ng	ô
----	---

ngô

ngh

e

nghe

gi

o

gió

b

âm đầu	vần	thanh	tiếng
ng	a	`	ngà
ngh	e		nghe
gi	a	~	giã

âm đầu	vần	thanh	tiếng
ng	o	~	ngõ
ngh	ê	`	nghe
gi	ơ	`	giờ

Ng ng Ngh ngh Gi gi

c



bí ngô



củ nghệ



giỏ cá

3. Viết

ng ngh gi

ngô nghệ giỏ

4. Đọc



Cô Nghi giã giò.



Nga bị ngã.

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC TIẾNG VIỆT KÌ 1 (BÀI 1 – 10)

BÀI 1. LÀM QUEN CHỮ VIẾT TIẾNG VIỆT (2 tiết)

I. Mục tiêu

- Nhận biết bảng chữ cái, quan sát các nét chữ, tập tô một số nét chữ đơn giản.
- Nói tên các dấu thanh, tên các con vật chứa dấu thanh.
- Nói tên các chữ số, tập tô và viết các chữ số.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng chữ cái tiếng Việt.
- Bảng ghi các nét chữ hoặc ảnh, video giới thiệu các nét chữ.
- Một số mẫu chữ cái, chữ số phóng to .

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

1. Quan sát bảng chữ cái và các nét chữ cơ bản.

a) Bảng chữ cái

- GV cho HV quan sát bảng chữ cái, giới thiệu/ đọc tên một số chữ cái.
- GV yêu cầu HV đếm các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.
- HV chỉ các chữ, nói tên các chữ mình đã biết.

b) Các nét chữ

- GV viết một số chữ cái và giới thiệu tên một số nét chữ.
- GV cho HV quan sát các nét chữ, GV nói tên các nét chữ.
- HV tô hoặc viết một số nét chữ.

2. Nói tên vật, con vật và dấu thanh.

- HV nhìn tranh, nói tên sự vật.
- GV giới thiệu các dấu thanh tiếng Việt.
- HV tìm tiếp tên các sự vật có cùng dấu thanh, VD:

	Huyền	Sắc	Hỏi	Ngã	Nặng
la	là	lá	lả	lã	lạ
be	bè	bé	bẻ	bẽ	bẹ
...	...	...	...	...	...

- HV xếp tên mình vào ô thích hợp trong bảng trên.

3. Tập tô và viết các nét chữ cơ bản

- GV giới thiệu tên các nét chữ, phân tích cách tô, viết các nét (điểm bắt đầu, điểm kết thúc).
- GV giới thiệu cách cầm bút, cách viết dấu thanh.
- HV tô và viết các nét chữ, GV nhận xét.

4. Nói tên các chữ số.

- HV nói các số đếm: 1, 2, 3,...
- GV giới thiệu tên chữ số, kết hợp viết các chữ số trên bảng: 1, 2, 3,...
- GV giới thiệu cách cầm bút, cách viết các chữ số.

5. Tập tô và viết các chữ số.

- GV nêu nhiệm vụ.
- HV tô và viết các nét chữ số, GV nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- GV tổ chức cho HS tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng m, n, nh. (VD: mơ, nấm, nhà...)
- GV nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 10.

BÀI 2. a b c (vẽ dấu sắc và dấu huyền)

I. Mục tiêu

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *a, b, c*; các tiếng, từ ngữ của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *a, b, c*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *a, b, c*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các HĐ của bài học.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2.b.
- Mẫu chữ *a, b, c* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD HS viết chữ *a, b, c*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- GV yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các con vật trong tranh, VD:
+ Tranh vẽ hồ cá/ ao cá.
+ Trong ao/ hồ có mấy con cá, đàn cá,... Tên bờ, bà đang tưới mấy cây cà (cà dứa/ hoặc cà tím)
- GV có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (bà, cá), chỉ rõ âm đầu, vần, thanh.

- HV quan sát các chữ **bà, cá** được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a.

Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ **bà, cá**.

- HV quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn ; GV giải thích trong các tiếng mới có các âm a, b, c và dấu thanh. Âm mới của bài học hôm nay là: a, b, c. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:

+ Tiếng **bà** có âm đầu là b, vần có âm a; thanh huyền; đánh vần: *bờ – a – ba – huyền – bà* ; đọc trơn: bà.

+ Tiếng **cá** có âm đầu là c, vần có âm a, tiếng **cá** có dấu sắc; đánh vần: *cờ – a – ca – sắc – cá*; đọc trơn: cá.

- HV luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- GV mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ viết in thường a, b, c và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b.

- HV nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- HV làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- HV làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- GV hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

b) Bài tập c.

- HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; các đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*ba ba, cá, cà*) rồi góp ý cho nhau.

- GV gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).

- GV mời HS nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

3. Viết

- HV đọc các chữ sẽ viết: **a, b, c; ba ba, cá, cà**

- HV nghe GV nêu cách viết chữ a, b, c và cách nối các nét chữ trong *ba ba, cá, cà*.

- HV nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- HV viết nháp trước khi viết vào vở.
- HV góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- GV nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Nói tiếng chứa a, tiếng chứa b.

- HV làm việc cá nhân: Quan sát tranh vẽ và nói tên các vật.
- HV làm việc nhóm: Từng học nói tên các vật và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- GV tổ chức cho HS tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng a. b. c (VD: ánh, ảnh,...; bố, bàn,...; cây, công,...).
- GV nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 3.

BÀI 3. o ô ơ ? ~ (2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *o, ô, ơ*, các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài .

2. Viết

- Viết được các chữ: *o, ô, ơ, cỏ, cá, cò, cõ.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về trường học, quốc kì (cờ), cô giáo, học trò, một số hoạt động như chào cờ, múa võ,...
- Nói được tên một số sự vật có *o, ô, ơ*, có *thanh hỏi* hoặc *thanh ngã*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các HĐ của bài học.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2b.
- Mẫu chữ *o, ô, ơ* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD HV viết chữ *o, ô, ơ*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- GV yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật, hoạt động trong tranh.

- GV giới thiệu tên các sự vật hoạt động trong tranh (*cờ, cô, trò, múa võ*) trong bức tranh. Đó là các từ ngữ có tiếng chứa âm hoặc thanh mới cần học của Bài 3.

- HV quan sát các chữ *cỏ, cờ, cổ* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng chữ *o / ô / ơ* hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.

- HV quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn ; GV giải thích trong các tiếng mới, âm *c* và *thanh huyền* đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *o, ô, ơ*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:

+ Tiếng *cỏ* có âm đầu *c*, vần có âm *o*; tiếng *cỏ* có dấu *hỏi*; đánh vần: *cờ – o – co – hỏi – cỏ*; đọc trơn: *cỏ*.

+ Tiếng *cờ* có âm đầu *c*, vần có âm *ơ*; tiếng *cờ* có dấu *huyền*; đánh vần: *cờ - ơ – co – huyền cờ*; đọc trơn: *cờ*.

+ Tiếng *cổ* có âm đầu *c*, vần có âm *ô*; tiếng *cổ* có dấu *ngã*; đánh vần: *cờ - ô – cô – ngã – cổ*; đọc trơn: *cổ*.

- HV luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- GV mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ *o, ô, ơ* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b.

- HV nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- HV làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- HV làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- GV hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

b) Bài tập c.

- HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*bó cỏ, cá cờ, cổ*) rồi góp ý cho nhau.

- GV gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- GV mời HV nói trước lớp những điều mình viết về các vật trong 3 tranh.

3. Viết

- HV nghe GV nêu cách viết chữ *o, ô, ơ*; cách nối các nét chữ và dấu thanh trong *cỏ, cá cờ, cõ*.
- HV nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- HV viết nháp trước khi viết vào vở.
- HV góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- GV nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- HV làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Hồ có cá. Bò có cỏ./ Cô Ba có bơ, có cả bơ bơ.*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, chữ cái đầu câu và tên người được viết hoa.
- HV làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- GV tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng chứa *o, ô, ơ*, thanh *hỏi*, thanh *ngã*. (VD: *cả, cỏ, cõ, cõ*,...)
- GV nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 4.

BÀI 4. d đ • (2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *d, đ*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *d, đ, dõ, đồ đồ*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về bến sông, cây đa, mỏm đá, con đò, con dê, cây cọ, đá bóng,...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *d, đ* hoặc có thanh *nặng*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các HĐ của bài học.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2.b.
- Mẫu chữ *d, đ* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD HV viết chữ *d, đ*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được).

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- GV yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các loại cây, quả trong tranh.
- GV có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*đà, đá, đò, dá, dê, cọ,...*) và cho HV biết đó là các tiếng chứa âm hoặc thanh mới sẽ học ở Bài 4.
- HV quan sát các chữ *cọ, da, đa* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a.

Với bài tập a, có thể dạy học lần lượt từng chữ *d, đ* hoặc dạy đồng thời cả 2 chữ.

- HV quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn ; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm c, o, a đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *d, đ*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:

+ Tiếng *cọ* có âm đầu c, vần có âm o; tiếng *cọ* có dấu *nặng*; đánh vần: *cờ – o – cọ* - *nặng* – *cọ*; đọc trơn: *cọ*.

+ Tiếng *da* có âm đầu d (*dờ*), vần có âm a; đánh vần: *dờ - a - da*; đọc trơn: *da*.

+ Tiếng *đa* có âm đầu là đ (*đờ*), vần có âm a; đánh vần: *đờ - a - đa*; đọc trơn: *đa*.

- HV luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- GV mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).
- Quan sát chữ *d, đ* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b.

- HV nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- HV làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- HV làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- GV hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

b) Bài tập c.

- HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*cọ, dõ, dõ dõ*) rồi góp ý cho nhau.
- GV gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- GV mời HV nói trước lớp những điều mình viết về các vật trong 3 tranh.

3. Viết

- HV đọc các chữ sẽ viết *d, đ, dõ, dõ dõ*.
- HV nghe GV nêu cách viết chữ *d, đ*, cách nối các nét chữ và dấu thanh trong *dõ, dõ dõ*.
- HV nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- HV viết nháp trước khi viết vào vở.
- HV góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- GV nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- HV làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Bố dõ dõ./ Cô Ba có bộ đồ dõ dõ à? Dạ, bộ đồ dõ dõ dõ ạ.*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, chữ cái đầu câu và tên người được viết hoa.
- HV làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- GV tổ chức cho HV tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *d, đ* và / hoặc có thanh nặng (VD: *da, dạ, dõ, dành, đê, đêm, đệm,...*).
- GV nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 5.

BÀI 5. e ê i (2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc

- Đọc đúng các âm **e, ê, i**; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: **e, ê, i, bé, bế, đi**

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về cảnh ngôi nhà, mẹ bế bé đi chơi.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng chứa âm **e, ê, i**.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các HĐ của bài học.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2.b.
- Mẫu chữ **e, ê, i** phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD HS viết chữ **e, ê, i** - Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- GV yêu cầu HV nêu nội dung tranh (ngôi nhà, mẹ bế bé đi chơi,...)
- GV giới thiệu các tiếng *bế, bé, đi* trong bức tranh. Đó là các tiếng mới cần học của Bài 5.
- HV quan sát các chữ *bế, bé, đi* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a.

Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ e / ê / i hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.

- HV quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn ; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *b, đ* và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: e, ê, i. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:
 - + Tiếng *bé* có âm đầu là *b*, vần có âm *e*, tiếng *bé* có dấu sắc; đánh vần: *bờ – e – be – sắc – bé*; đọc trơn: *bé*.
 - + Tiếng *bế* có âm đầu là *b*, vần có âm *ê*, tiếng *bê* có dấu sắc; đánh vần: *bờ – ê – bê – sắc – bế*; đọc trơn: *bế*.
 - + Tiếng *đi* có âm đầu là *đ*, vần có âm *i*; đánh vần: *đờ – i – đi* ; đọc trơn: *đi*.
- HV luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- GV mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ e, ê, i viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b.

- HV nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- HV làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- HV làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- GV hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

b) Bài tập c.

- HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật hoặc hoạt động được vẽ trong tranh; các đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*bé bé, bờ đê, đi đò*) rồi góp ý cho nhau.
- GV gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- GV mời HS nói trước lớp những điều mình viết về các sự vật hoặc hoạt động trong 3 tranh.

3. Viết

- HV nghe GV nêu cách viết chữ e, ê, i; cách nối các nét chữ trong *bé, bé, đi*.
- HV nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- HV viết nháp trước khi viết vào vở.
- HV góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- GV nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- HV làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Bố có bể cá./Mẹ có bí đỏ./ Bé có bi.*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, chữ đầu câu được viết hoa.
- HV làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. củng cố, dặn dò

- GV tổ chức cho HS tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng e, ê, i. (VD: *bé, đê, bí,...*)

- GV nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 6.

BÀI 6. h g gh (2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *h, g, gh*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài .

2. Viết

- Viết được các chữ: *h, g, gh; hè, gồ, ghé*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về bờ hồ với một số sự vật (bờ hồ, ghé gồ, ...)
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *h, g, gh*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các HĐ của bài học.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2.b.
- Mẫu chữ *h, g, gh* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD HS viết chữ *h, g, gh*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- GV yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các sự vật trong tranh.
- GV có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*hè, gồ, ghé*) và cho HV biết đó là các tiếng mới được học ở Bài 10.
- HV quan sát các chữ *hè, gồ, ghé* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a.

- Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ *h, g, gh* hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.
- HV quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn ; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm e, ô, ê và dấu huyền, dấu ngã, dấu sắc đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *h, g, gh*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:

- + Tiếng *hè* có âm đầu là *h*, vần có âm *e*, tiếng *hè* có dấu huyền; đánh vần: *hờ – e – he – huyền – hè* ; đọc trơn: *hè*.
- + Tiếng *gỗ* có âm đầu là *g* (GV *giải thích g và gh đọc giống nhau, viết khác nhau*), vần có âm *ô*, tiếng *gỗ* có dấu ngã; đánh vần: *gờ – ô – gô – ngã – gỗ* ; đọc trơn: *gỗ*.
- + Tiếng *ghế* có âm đầu là *gh*, vần có âm *ê* tiếng *ghế* có dấu sắc; đánh vần: *gờ – ê – ghê – sắc – ghế* ; đọc trơn: *ghế*.
- HV luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- GV mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).
- Quan sát chữ *h, g, gh* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b.

- HV nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- HV làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- HV làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- GV hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

b) Bài tập c.

- HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; các đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*hổ, gà, ghẹ*) rồi góp ý cho nhau.
- GV gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- GV mời HS nói trước lớp những điều mình viết về các vật trong 3 tranh.

3. Viết

- HV đọc các chữ sẽ viết *h, g, gh; hổ, gà, ghẹ*.
- HV nghe GV nêu cách viết chữ *h, g, gh* cách nối các nét chữ trong *hổ, gà, ghẹ*.
- HV nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- HV viết nháp trước khi viết vào vở.
- HV góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- GV nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- HV làm việc cá nhân: Quan sát tranh và đọc câu dưới tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Bố bé đi bộ ở bờ hồ./ Bờ hồ có ghé gổ.*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, tên người được viết hoa.
- HV làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. củng cố, dặn dò

- GV tổ chức cho HS tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *h, g, gh* (VD: hè, gà, ghi,...).
- GV nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 7.

BÀI 7. ÔN TẬP (2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ, e, ê, i, h, g, gh*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài .

2. Viết

- Viết được các chữ: *ghé gổ, đi ghe, ga đố.*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh hoặc bài đọc.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ, e, ê, i, h, g, gh.*
- Hiểu yêu cầu của GV trong các HĐ của bài học.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 1.
- Mẫu chữ *ghé gổ, đi ghe, ga đố* phóng to /mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD HS viết chữ *ghé gổ, đi ghe, ga đố.*
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2 (nếu chuẩn bị được)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- GV yêu cầu HV dựa vào tên bài để nêu nội dung bài học.
- HV nói một số từ ngữ chứa tiếng có âm cần ôn.

- GV giới thiệu bài: Ôn tập về *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ, e, ê, i, h, g, gh.*

2. Đọc từ ngữ (bài tập 1)

- HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 6 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*ghế gỗ, bể cá, đồ da, da bò, ga, đi ghe*) rồi góp ý cho nhau.
- GV gắn 6 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- GV mời HV nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 6 tranh.

3. Đọc câu (bài tập 2)

- HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp):
- + Quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; đọc các câu (*Bố bế bé Hà, Bố có ghế gỗ, Bố có bể cá*) rồi góp ý cho nhau.
- + Ghép mỗi câu với tranh tương ứng.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

TIẾT 2

4. Viết (bài tập 3)

- HV nghe GV nêu cách viết chữ, cách nối các nét chữ trong *ghế gỗ, đi ghe, ga, đồ*.
- HV nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- HV viết nháp trước khi viết vào vở.
- HV góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- GV nhận xét, chữ viết của cả lớp.

5. Đọc bài

- HV làm việc cá nhân: đọc câu trong bài, có thể đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu:

Hà đi bộ ở bờ hồ. Bờ hồ có ghế đá

- GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, tên người được viết hoa.
- HV làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- GV tổ chức cho HS tìm các từ ngữ có tiếng chứa *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ, e, ê, i, h, g, gh.* (VD: ga, bơ, ho, ...)
- GV nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 8.

BÀI 8. k kh l (2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *k, kh, l*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài .

2. Viết

- Viết được các chữ: *kê, khế, lê*.

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về cây khế sai quả, mọi người đang hái quả khế.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *kê, khế, lê*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các HĐ của bài học.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2.b.
- Mẫu chữ *kê, khế, lê* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD HS viết chữ *kê, khế, lê*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- GV yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các loại cây, quả trong tranh.
- GV có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*kê, khế, lê*) và cho HV biết đó là các tiếng mới được học ở Bài 8.
- HV quan sát các chữ *kê, khế, lê* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a.

Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ *k, kh, l* hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.

- HV quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn ; GV giải thích trong các tiếng mới có âm e và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *k, kh, l*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:
 - + Tiếng *kê* có âm đầu là *k*, vần có âm ô; đánh vần: *k – ê – kê* ; đọc trơn: *kê*.
 - + Tiếng *khế* có âm đầu là *kh*, vần có âm ê, tiếng *khế* có dấu sắc; đánh vần: *kh – ê – khê – sắc – khế* ; đọc trơn: *khế*.
 - + Tiếng *lê* có âm đầu là *l*, vần có âm ê; đánh vần: *l – ê – lê*; đọc trơn: *lê*.

- HV luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- GV mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).
- Quan sát chữ **k, kh, l** viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b.

- HV nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- HV làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- HV làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- GV hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

b) Bài tập c.

- HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; các đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*kệ gỗ, kho cá, lá hẹ*) rồi góp ý cho nhau.
- GV gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- GV mời HS nói trước lớp những điều mình viết về các vật trong 3 tranh.

3. Viết

- HV đọc các chữ sẽ viết **k, kh, l, kệ gỗ, kho cá, lá hẹ**.
- HV nghe GV nêu cách viết chữ **k, kh, l** cách nối các nét chữ trong *kệ gỗ, kho cá, lá hẹ*.
- HV nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- HV viết nháp trước khi viết vào vở.
- HV góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- GV nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- HV làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Bố có hồ cá./Bà có lá hẹ./Hà có bể cá.*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, tên người được viết hoa.
- HV làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. củng cố, dặn dò

- GV tổ chức cho HS tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng **k, kh, l** (VD: kê, khe, lá,...).

- GV nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 9.

BÀI 9. m n nh (2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *m, n, nh*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài .

2. Viết

- Viết được các chữ: *m, n, nh, me, na, nho*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về vườn cây, trong đó có cây na, quả na, giàn nho, cây me, quả me.
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *m, n, nh*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các HĐ của bài học.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2.b.
- Mẫu chữ *m, n, nh* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD HS viết chữ *m, n, nh*.
- Tranh minh hoạ và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- GV yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các loại cây, quả trong tranh.
- GV giới thiệu tên các loại quả (me, na, nho) trong bức tranh. Đó là các tiếng mới cần học của Bài 9.
- HV quan sát các chữ *me, na, nho* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a.

- Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ *m / n / nh* hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.
- HV quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn ; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm *e, a, o* đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: *m, n, nh*. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:

- + Tiếng *me* có âm đầu là *m*, vần có âm *e*; đánh vần: *mờ – e – me* ; đọc trơn: *me*.
- + Tiếng *na* có âm đầu là *n*, vần có âm *a*; đánh vần: *nờ – a – na* ; đọc trơn: *na*.
- + Tiếng *nho* có âm đầu là *nh*, vần có âm *o*; đánh vần: *nhờ – o – nho* ; đọc trơn: *nho*.
- HV luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.
- GV mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).
- Quan sát chữ *m*, *n*, *nh* viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b.

- HV nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.
- HV làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.
- HV làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.
- GV hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

b) Bài tập c.

- HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; các đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*lá me, ca nô, nhà gỗ*) rồi góp ý cho nhau.
- GV gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- GV mời HS nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

3. Viết

- HV nghe GV nêu cách viết chữ *m*, *n*, *nh*; cách nối các nét chữ trong *me*, *na*, *nho*.
- HV nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- HV viết nháp trước khi viết vào vở.
- HV góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- GV nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- HV làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Hồ cá nhà Hà có cá mè./ Bố mẹ Hà đi ca nô.*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, tên người được viết hoa.
- HV làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

IV. Củng cố, dặn dò

- GV tổ chức cho HS tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng m, n, nh. (VD: mơ, nấm, nhà...)
- GV nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 10.

BÀI 10. ng ngh gi (2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc

- Đọc đúng các âm *ng, ngh, gi*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn của bài học.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong bài.

2. Viết

- Viết được các chữ: *ng, ngh, gi; ngô, nghệ, gió*

3. Nói và nghe

- Nêu được nội dung tranh về con dê làng lộng gió, bò, bê, trâu, nghệ đang gặm cỏ,... bãi ngô / cây ngô...
- Nói được tên một số sự vật có tiếng mở đầu bằng *ng, ngh, gi*.
- Hiểu yêu cầu của GV trong các HĐ của bài học.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung bài tập 2.b.
- Mẫu chữ *ng, ngh, gi* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm HD HS viết chữ *ng, ngh, gi*.
- Tranh minh họa và thẻ từ của bài 2c (nếu chuẩn bị được)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

1. Nói và nghe

- GV yêu cầu HV nêu nội dung tranh hoặc nói tên các loại cây, quả trong tranh.
- GV có thể sử dụng tranh ảnh để giới thiệu các từ mới (*ngô, nghệ, gió*) và cho HV biết đó là các tiếng mới được học ở Bài 10.

- HV quan sát các chữ **ngô, nghe, gió** được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng / chiếu trên màn hình.

2. Đọc

a) Bài tập a.

Bài tập a có dạy học lần lượt từng chữ **ng, ngh, gi** hoặc dạy đồng thời cả 3 chữ.

- HV quan sát bài tập a trong sách (hoặc quan sát GV viết trên bảng lớp), nghe GV đánh vần, đọc trơn ; GV giải thích trong các tiếng mới, các âm ô, e, o và dấu sắc đã học ở các bài học trước. Âm mới của bài học hôm nay là: **ng, ngh, gi**. HV đánh vần, đọc trơn và đọc theo GV, Ví dụ:

+ Tiếng **ngô** có âm đầu là **ng**, vần có âm ô; đánh vần: *ngờ – ô – ngô* ; đọc trơn: *ngô*.

+ Tiếng **nghe** có âm đầu là **ng** (GV giải thích *ng* và **nghe** đọc giống nhau, viết khác nhau, vần có âm e, tiếng **nghe** có dấu sắc; đánh vần: *ngờ – e – nghe – sắc – nghe* ; đọc trơn: *nghe*.

+ Tiếng **gió** có âm đầu là **gi**, vần có âm o, tiếng **gió** có dấu sắc; đánh vần: *gi – o – sắc – gió* ; đọc trơn: *gió*.

- HV luyện đọc cá nhân hoặc đọc theo cặp, theo nhóm.

- GV mời một số HV đánh vần, đọc trơn trước lớp (theo GV yêu cầu để chống đọc “vẹt”).

- Quan sát chữ **ng, ngh, gi** viết in thường và in hoa theo hướng dẫn của GV.

b) Bài tập b.

- HV nhìn bảng đã viết nội dung tạo tiếng mới (hoặc nhìn vào sách), nghe GV nêu yêu cầu: với âm đầu, vần, thanh đã cho, hãy tạo các tiếng mới.

- HV làm việc cá nhân: viết tiếng tạo được vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có). Đọc các tiếng mới.

- HV làm việc theo nhóm: Mỗi HV ghép âm – vần – thanh tạo tiếng theo thứ tự các dòng rồi đọc trơn các tiếng tìm được. Cả nhóm phát hiện và sửa lỗi cho nhau.

- GV hướng dẫn hiểu nghĩa của từ trong bảng (nếu cần).

b) Bài tập c.

- HV làm việc cá nhân (hoặc theo cặp): quan sát 3 tranh, nói sự vật được vẽ trong tranh; các đọc các từ ngữ viết dưới mỗi tranh (*bí ngô, củ nghệ, giỏ cá*) rồi góp ý cho nhau.

- GV gắn 3 tranh lên bảng và mời HV gắn thẻ từ thích hợp dưới mỗi tranh (nếu chuẩn bị được tranh và thẻ từ).
- GV mời HS nói trước lớp những điều mình biết về các vật trong 3 tranh.

3. Viết

- HV đọc các chữ sẽ viết *ng, ngh, gi; ngô, nghệ, giò*.
- HV nghe GV nêu cách viết chữ *ng, ngh, gi* cách nối các nét chữ trong *ngô, nghệ, giò*.
- HV nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng hoặc quan sát phần mềm viết chữ.
- HV viết nháp trước khi viết vào vở.
- HV góp ý chữ viết cho nhau để sửa chữa.
- GV nhận xét, chữ viết của cả lớp.

4. Đọc

- HV làm việc cá nhân: Quan sát 2 tranh và đọc câu dưới mỗi tranh, có thể đọc đánh vần những chữ chưa đọc trơn được, sau đó đọc trơn cả câu (*Bà Nga già giò./ Bé Nghi bị ngã.*). GV có thể nói cho HV biết: trong các câu, tên người được viết hoa.
- HV làm việc nhóm: Từng học viên đọc và nghe cả nhóm nhận xét.

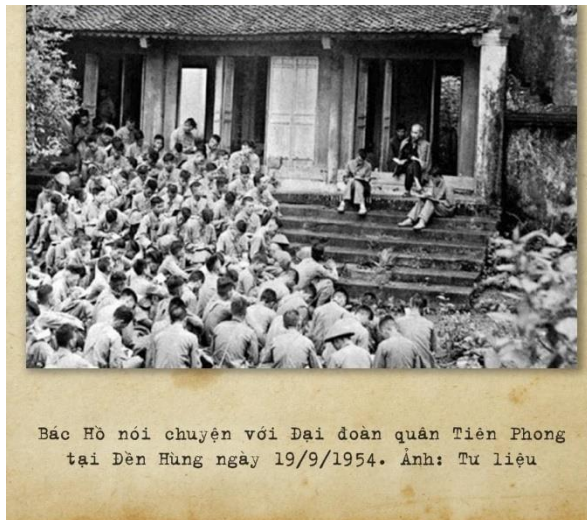
IV. củng cố, dặn dò

- GV tổ chức cho HS tìm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *ng, ngh, gi* (VD: *ngõ, nghe, giày,...*).
- GV nhận xét tiết học, hướng dẫn tự luyện đọc thêm và chuẩn bị Bài 11.

Bài 1. MỘT SÁNG THU XƯA

ĐỌC

MỘT SÁNG THU XƯA



Sáng hôm ấy, Bác Hồ đến thăm Đền Hùng và gặp các chiến sĩ đại đoàn Quân Tiên Phong. Bác nhìn khắp lượt các chiến sĩ ra đón, rồi hỏi:

- Các chú có khoẻ không?

- Thưa Bác khoẻ ạ!

Bác lại hỏi:

- Các chú có biết đền thờ ai đây không?

Một chiến sĩ đứng gần thưa với Bác:

- Đền thờ một ông vua ạ!

- Nhưng vua nào ? - Bác mỉm cười trù mến nhìn bộ đội.

Một cán bộ trả lời:

- Dạ, vua Hùng!

- Thế các chú có biết vua Hùng là ông vua thế nào không?

Tất cả đều lặng im. Bác giải thích:

- Vua Hùng là ông vua có công dựng nước, chính là ông Tổ của nước Việt Nam ta.

Rồi Bác ân cần dặn mọi người: "Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

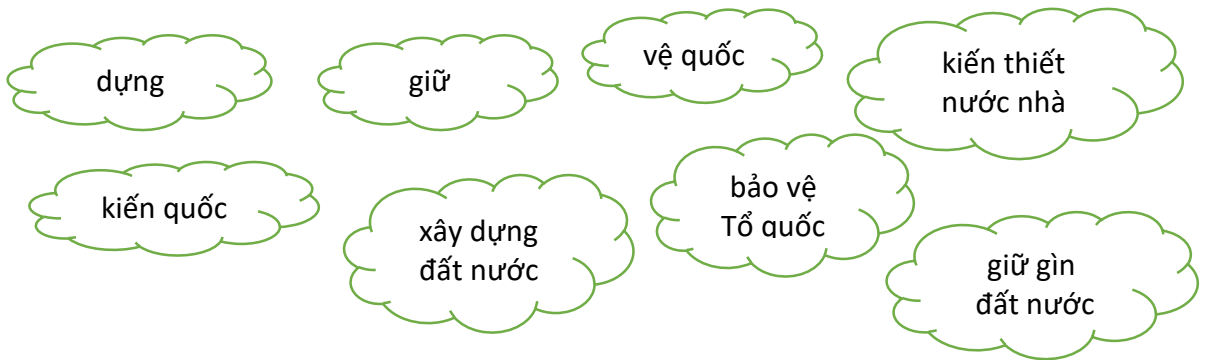
Lời Bác Hồ dạy giản dị mà đầy ý nghĩa, còn vang vọng mãi trong lòng mọi người.

(Theo Đoàn Minh Tuấn)

Từ ngữ:

- *Thu xưa*: mùa thu năm 1954, lúc thực dân Pháp thua sắp rút khỏi miền Bắc.
- *Đại đoàn Quân Tiên Phong*: tên một đơn vị chủ lực của ta, đã lập nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- ? 1. Bác Hồ gặp gỡ và nói chuyện với các chiến sĩ ở đâu?
2. Qua cuộc trò chuyện, Bác Hồ muốn các chiến sĩ biết được những điều gì?
3. Theo bạn, các chiến sĩ đã nhận biết trách nhiệm của mình là gì qua lời dặn của Bác?

Luyện tập gắn với bài đọc:**1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm:****2. Đặt 1 – 2 câu với từ ngữ ở bài 1.**

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện
MỘT SÁNG THU XƯA

1. Kể lại câu chuyện.

G:

- a) Đến thăm Đền Hùng, Bác Hồ hỏi các chiến sĩ đại đoàn Quân Tiên Phong điều gì?
b) Bác Hồ đã giải thích thế nào về vua Hùng?
c) Bác đã dặn các chiến sĩ điều gì?

2. Nêu suy nghĩ của bạn về trách nhiệm của người công dân đối với đất nước.

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết.

Đất nước

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về...
(Nguyễn Đình Thi)

2. Chọn **c** hoặc **k** thay cho ô trống.

■ ông dân ■ ộng đồng ■ iến thiết điệu ■ ì ■ tìm iếm

3. Tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng mở đầu bằng **c** hoặc **k**.

.....

VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN THUẬT VIỆC

1. Kể lại sự việc được thể hiện trong tranh bằng 3 – 4 câu.



2. Viết lại các câu đã kể.

Vận dụng. Viết vào sổ tay điều mình muốn làm, muốn đạt được trong cuộc sống.

.....

Bài 2. CHIỀU BIÊN GIỚI

ĐỌC

CHIỀU BIÊN GIỚI

(Trích)

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào đẹp hơn
Khi mùa hoa đào nở
Khi mùa sả ra cây
Lúa lượn bậc thang mây
Mùi toả ngát hương bay.

Chiều biên giới em ơi
Rừng chằng dây điện sáng
Ta nghe tiếng máy gọi
Như nghe tiếng cuộc đời
Lòng ta thắm mê say
Trên nông trường lộng gió
Rộng như trời mênh
mông...

Chiều biên giới em ơi
Nghe con sông chảy xiết
Nghe con suối thác đổ
Hồn ta như ngọn gió
Thổi giữa trời quê hương.
(Lò Ngân Sủn)



- ?** 1. Cảnh vật chiều biên giới hiện ra như thế nào qua lời chàng trai?
2. Tìm những chi tiết cho thấy nhịp sống sôi động trên nông trường vùng biên giới?
3. Theo bạn, khổ thơ cuối muốn nói điều gì về tuổi trẻ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ yêu thích.

Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ có nghĩa giống với mỗi từ dưới đây:

biên giới

mênh mông

2. Tìm từ ngữ gọi tên các cảnh vật của vùng biên giới.

M: rừng

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ VÀ CÂU

1. Đọc các từ. Chọn từ thích hợp với mỗi tranh.



2. Đặt 3 câu chứa từ em đã chọn cho mỗi tranh.

3. Ghép từ ở cột A với từ ở cột B để tạo thành câu.

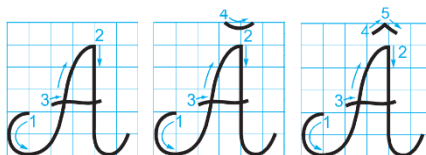
Núi
Biển
Suối
Gió

mênh mông.
vi vu.
róc rách.
cao vút.

TẬP VIẾT

Chữ viết hoa A Ă Â

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Anh em thuận hoà là nhà có phúc.
- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN THUẬT VIỆC

Đề bài: Viết 4 – 5 câu kể lại một sự việc em đã tham gia hoặc chứng kiến.

1. Dựa vào gợi ý dưới đây, viết đoạn văn theo yêu cầu.

G:

- Nêu tên sự việc (nói rõ sự việc tham gia hay chứng kiến)
- Kể lại diễn biến sự việc:
 - + Đầu tiên (...)
 - + Tiếp theo (...)
 - + Cuối cùng (...)
- Suy nghĩ, cảm xúc sau khi tham gia hoặc chứng kiến sự việc.

2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý.

Vận dụng. Liệt kê các bước thực hiện một công việc sẽ làm hoặc cần làm.

Bài 3. BẦU TRỜI TỰ DO

ĐỌC

BẦU TRỜI TỰ DO



Một cậu bé xách lồng chim đến bên gốc cây có con chim đang đậu trên cành và nói:

- Chim ơi, xuống đây! Hãy bay vào lồng, về với ta! Trong lồng có sẵn gạo ăn, nước uống, ta lại bắt sâu cho nữa, chẳng phải khó nhọc, vất vả, chẳng sợ mưa gió bão táp.

Con chim liền trả lời:

- Xin cảm ơn lòng tốt của cậu! Nhưng ta không muốn sống trong chiếc lồng tù túng đó. Ta thích bầu trời tự do. Ta muốn ăn các thứ tự ta kiếm lấy. Mưa sa gió táp sẽ giúp ta khoẻ mạnh, cứng cáp hơn.

Nói rồi chim bay đi.

(Theo Truyện ngụ ngôn Việt Nam)

- ? 1. Cậu bé mong muốn điều gì khi mang lồng đến bên gốc cây?
2. Theo cậu bé, cuộc sống trong lồng có gì thú vị đối với chú chim?
3. Câu chuyện muốn nhắn nhủ các bạn trẻ điều gì?

Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ phù hợp với mỗi nhóm dưới đây:

Cuộc sống mong muốn	tự do, khoẻ mạnh, ...
Cuộc sống không theo mong muốn	khó nhọc, vất vả, ...

2. Viết 2 – 3 câu nói về cuộc sống em mong ước.

NÓI VÀ NGHE

ƯỚC MƠ CỦA MỖI NGƯỜI

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày.

G:

- a) Bạn ước mơ điều gì?
- b) Vì sao bạn có ước mơ đó?
- c) Bạn đã hoặc sẽ làm gì để có thể biến ước mơ thành hiện thực?

2. Chia sẻ về ước mơ của mình.

G:

- Làm việc nhóm, lần lượt đóng vai phóng viên để hỏi – đáp về ước mơ của từng người trong nhóm.
- Chú ý nói và đáp lời chào giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn sao cho phù hợp với tình huống xây dựng.

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết:

Bài ca vỡ đất

Bàn tay lao động
Ta gieo sự sống
Trên từng đất khô.
Bàn tay cần cù.
Mặc dù nắng cháy
Khoai trồng thấm rẫy
Lúa cấy xanh rùng.
Hết khoai ta lại gieo vùng.
Không cho đất nghỉ, không ngừng tay ta.
(Hoàng Trung Thông)

2. Chọn **g** hoặc **gh** thay cho ô trống.

☐ánh vác ☐ềnh thác ☐áp khúc kêu ☐gọi yêu ☐ét

3. Tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng mở đầu bằng **g** hoặc **gh**.

.....

ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc bài thơ dưới đây và trả lời câu hỏi:

Tiếng mùa xuân

Tôi đi dọc bờ sông
Nghe thắm thì tiếng đất
Lá mía kêu xào xạc...
Mầm ngô lên xanh non
Bãi dâu vào mùa ngon
Quả từng chùm chiu chít
Cà chua hồng giấu mặt
Sau chùm lá đung đưa
Thuyền đón gió ngoài xa
Lưới long lanh vẫy cá
Cát cựa mình lấp loá
Muốn cùng vôi lên tầng
Đất nằm im dưới chân
Nói bằng cây bằng trái
Dòng sông trôi mê mải
Gửi lời vào phù sa...

Tiếng đất trời bao la
Cả chiều xuân vang động.

(Phan Thị Thanh Nhàn)

- Tìm đặc điểm nào chung của mọi vật trong mùa xuân?
- Theo bạn, vì sao bài thơ có nhan đề là “Tiếng mùa xuân”?

2. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của bạn về bài thơ.

Vận dụng: Tìm đọc thêm câu chuyện, bài thơ, bài văn nói về ước mơ của tuổi trẻ.

.....

Bài 4. HỌC HAY, LÀM GIỎI

ĐỌC

HỌC HAY, LÀM GIỎI



Bùi Xương Trạch là con một gia đình nông dân nghèo, từ nhỏ đã quen việc đồng áng. Bố mẹ cho đi học nhưng ông vẫn rất chăm làm. Khi đi bừa, ông thường buộc sách vào tay bừa để vừa bừa vừa ôn bài. Nhà nghèo, không có tiền mua dầu thắp, ông bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng để lấy ánh sáng đọc sách.

Trong kì thi Hội, mỗi bài thi cách nhau mười hôm, ông đều tranh thủ về nhà ôn thi và ra đồng cày cấy, không bỏ phí một ngày.

Sau kì thi cuối, các thí sinh đều háo hức chờ kết quả thi, riêng ông vẫn về đi cày. Khi xướng danh, bạn bè thấy tên ông, đã cử người về tận làng báo cho ông biết thì thấy ông đang cuốc đất. Lúc đó, ông mới vội thay quần áo chỉnh tề để lên kinh đô.

Năm 27 tuổi, ông đỗ tiến sĩ. Tuy làm đến chức Thượng thư nhưng ông vẫn nổi tiếng tiết kiệm và liêm khiết. Ông từng giữ chức Tế tửu Quốc Tử Giám. Ông mất năm 79 tuổi.

(Theo *Kể chuyện gương hiếu học*)

Từ ngữ:

- *Bùi Xương Trạch*: Danh nhân Việt Nam thời Lê Sơ trong lịch sử Việt Nam, quê ở làng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- *Kì thi Hội*: kì thi thời phong kiến, thường lệ 3 năm tổ chức 1 lần tại kinh đô để tuyển chọn người có tài, học rộng.
- *Xướng danh*: gọi to tên những người thi đỗ trước đám đông.
- *Liêm khiết*: có phẩm chất trong sạch, không tham ô, không nhận hối lộ.
- *Quốc Tử Giám*: trường học xưa, có nhiệm vụ đào tạo người tài làm quan cho cả nước.
- *Tể tửu*: hiệu trưởng trường Quốc Tử Giám.

- ? 1. Nhờ đâu mà Bùi Xương Trạch học giỏi, đạt kết quả cao trong thi cử?
2. Những chi tiết nào cho thấy Bùi Xương Trạch không chỉ chăm học mà còn rất chăm làm?
3. Theo bạn, Bùi Xương Trạch có những phẩm chất gì đáng quý trọng?

Luyện tập gắn với bài đọc:**1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm:****2. Đặt 1 – 2 câu với từ ngữ ở bài 1.**

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

HỌC HAY, LÀM GIỎI

1. Kể lại câu chuyện.

G:

a) Bùi Xương Trạch chăm học, siêng làm như thế nào:

- Khi còn ở nhà cùng bố mẹ.
- Khi đi thi

b) Bùi Xương Trạch làm gì trong thời gian chờ kết quả thi?

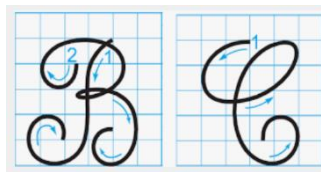
c) Vì sao Bùi Xương Trạch được mọi người yêu mến và kính trọng?

2. Trao đổi: Chúng ta có thể học được gì từ tấm gương ông Bùi Xương Trạch?

TẬP VIẾT

Chữ viết hoa B C

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Bấy mười còn học bảy một.
- Có học có hay, có cày mới giỏi.

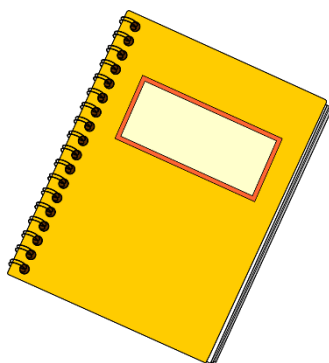
VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ ĐỒ VẬT

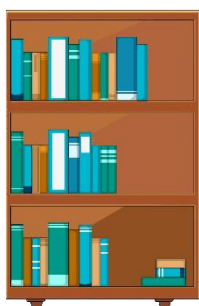
1. Quan sát các tranh dưới đây, nói về một vật trong tranh:

G:

- Bạn muốn nói về đồ vật nào?
- Đồ vật đó được làm bằng gì?
- Đồ vật đó có những bộ phận nào?
- Đồ vật đó có tác dụng gì?
- Đồ vật đó có gì đẹp hoặc có gì tiện lợi?



Sổ ghi chép gáy lò xo



Giá sách và bàn nhỏ bằng gỗ



Ba lô bằng cói

2. Dựa vào những điều đã nói, viết 4 – 5 câu về một vật trong tranh.

Vận dụng: Viết vào sổ tay ước muốn hoặc dự định của bản thân: Bạn sẽ học thêm những gì để mở mang hiểu biết và để lao động tốt hơn?

Bài 5. KHI TRANG SÁCH MỞ RA

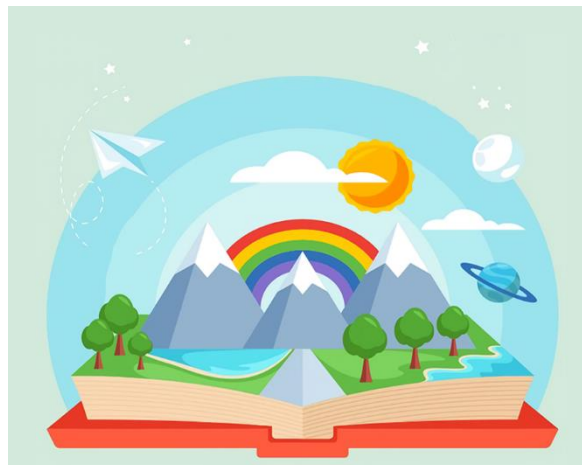
ĐỌC

KHI TRANG SÁCH MỞ RA

Khi trang sách mở ra
Khoảng trời xa xích lại
Bắt đầu là cỏ dại
Thứ đến là cánh chim
Sau nữa là trẻ con
Cuối cùng là người lớn.

Trong trang sách có biển
Em thấy những cánh buồm
Trong trang sách có rừng
Với bao nhiêu là gió.

Trang sách còn có lửa
Mà giấy chẳng cháy đâu
Trang sách có ao sâu
Mà giấy không hề ướt.



Trang sách không nói được
Sao em nghe điều gì
Dạt dào như sóng vỗ
Một chân trời đang đi.

(Nguyễn Nhật Ánh)

- ?** 1. Theo bài thơ, ta có thể biết những điều gì qua các trang sách?
2. Bài thơ cho thấy sách có ý nghĩa như thế nào trong việc giúp mỗi người mở mang hiểu biết?
3. Theo bạn, tác giả bài thơ gửi gắm lời nhắn nhủ gì tới chúng ta?
* Học thuộc lòng đoạn thơ yêu thích.

Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm trong bài thơ:

- a) Những từ ngữ chỉ đồ vật.
- b) Những từ ngữ nói về người
- c) Những từ ngữ nói về thiên nhiên

2. Nói những điều bạn biết về một đồ vật được nhắc tới trong bài thơ.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ CHỈ SỰ VẬT, CÂU GIỚI THIỆU

1. Viết 5 từ ngữ chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối,...) được vẽ trong tranh.

2. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu giới thiệu em Nam.

học sinh lớp 2

A

là

em Nam

3. Đặt 3 câu giới thiệu một số sự vật được vẽ trong tranh



CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết:

Ngày hôm qua đâu rồi?

- Ngày hôm qua ở lại
Trong hạt lúa mẹ trồng
Cánh đồng chờ gặt hái
Chín vàng màu ước mong.

- Ngày hôm qua ở lại
Trong vở hồng của con
Con học hành chăm chỉ
Là ngày qua vẫn còn.

Bé Kiên Quốc



2. Chọn **ng** hoặc **nh** thay cho ô trống

☐ập ☐ừng

☐e ☐óng

☐ỉ ☐ơi

☐ành ☐ề

3. Tìm và viết 2 – 4 tiếng có **ng** hoặc **nh**

VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ ĐỒ VẬT

Đề bài: Viết 4 – 5 câu tả một dụng cụ lao động (hoặc một đồ dùng học tập, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình).

1. Dựa vào gợi ý dưới đây, viết đoạn văn theo yêu cầu.

G:

- Giới thiệu đồ vật (Đó là vật gì? Vật đó ở đâu hoặc của ai? ...)
- Đồ vật đó được làm bằng gì?
- Đồ vật đó có những bộ phận nào?
- Đồ vật đó có tác dụng gì?
- Đồ vật đó có gì đẹp hoặc có gì tiện lợi?



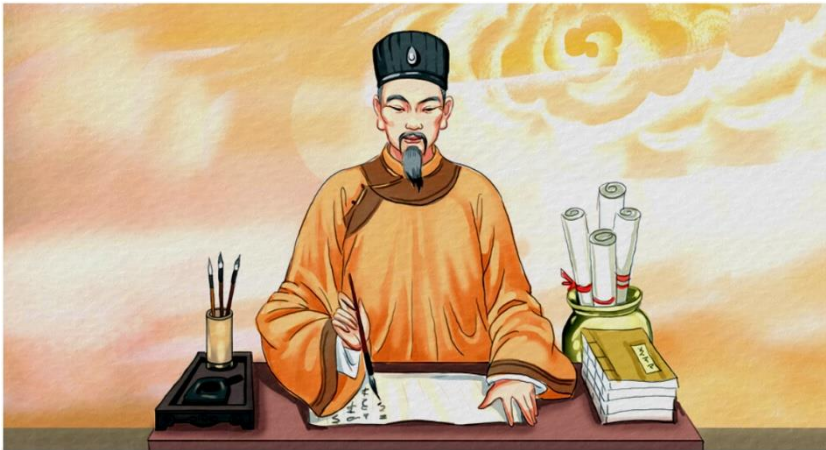
2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý.

Vận dụng: -Viết vào sổ tay kế hoạch tập của bản thân

G:

Thời gian	Những việc cần chuẩn bị	Những việc cần làm	Kết quả mong đợi
.....			
.....			

Bài 6. NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI



ĐỌC

NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI

Chu Văn An học vấn tinh thông, tiếng tăm lừng lẫy nhưng không màng công danh mà ở nhà dạy học. Ông rất nghiêm khắc, trọng tài năng, không phân biệt trò giàu hay nghèo. Học trò của ông nhiều người đỗ đạt, thành tài. Vua Trần Minh Tông nghe tiếng, mời ông ra làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám và dạy các thái tử.

Thời vua Trần Dụ Tông, nịnh thần lũng đoạn, làm nhiều điều sai trái, Chu Văn An dâng sớ xin chém 7 gian thần. Vua không nghe. Ông bèn từ quan về ở ẩn, lại mở trường dạy dân quanh vùng.

Sau khi vua Dụ Tông băng hà, vua Trần Nghệ Tông lên ngôi, lại vời Chu Văn An làm quan nhưng ông vẫn khước từ.

Dù ông đã ở ẩn, trò cũ vẫn tìm về thăm. Những quan chức cao khi đến vẫn cúi lạy thầy rất cung kính. Họ thường kín đáo để lại quà biếu thầy. Khi biết được, ông đều tặng người nghèo.

Sau khi Chu Văn An qua đời, vua cho người đến tế và ra lệnh thờ ông ở Văn Miếu Quốc Tử Giám.

Theo *Kể chuyện danh nhân Việt Nam*

Từ ngữ:

- *Tinh thông*: hiểu biết tường tận, thấu đáo và có khả năng vận dụng thành thạo.
- *Tư nghiệp* (nghĩa trong bài): chức quan đứng đầu Quốc Tử Giám (thời Trần), phụ trách, quản lý việc giáo dục tại trường.
- *Lũng đoạn* (nghĩa trong bài): chi phối mọi việc nhằm giành lợi riêng hoặc gây rối loạn, phá hoại.
- *Sớ* (nghĩa trong bài): Tờ trình dâng lên vua, thường để báo cáo, đề nghị một việc gì đó.

- ? 1. Những chi tiết nào cho thấy Chu Văn An là người thầy học vấn tinh thông, tiếng tăm lừng lẫy?
2. Vì sao có thể nói Chu Văn An là người thương dân, trọng lễ phải?
3. Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm yêu quý, nể trọng mọi người dành cho thầy Chu Văn An.

Luyện tập gắn với VB đọc:

1. Tìm từ ngữ phù hợp với mong muốn của bạn về các thầy giáo (cô giáo):

Phẩm chất	cẩn thận, có trách nhiệm,...
Hoạt động	chia sẻ, giúp đỡ,...

2. Viết 2 – 3 câu về một thầy giáo hoặc cô giáo mà bạn quý mến.

.....

.....

NÓI VÀ NGHE

CHUYỆN HỌC HÀNH

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày.

G:

- Việc học đem lại cho chúng ta ích lợi gì?
- Bạn mong ước sẽ đạt được điều gì sau khi học? Vì sao bạn mong ước điều đó?
- Bạn đã hoặc sẽ làm gì để có thể biến ước mong của mình thành hiện thực?

2. Chia sẻ về ước mong của mình.

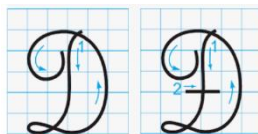
G:

- Làm việc nhóm, lần lượt đóng vai phóng viên để hỏi – đáp về ước mong của từng người trong nhóm.
- Chú ý nói và đáp lời chào giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn sao cho phù hợp với tình huống xây dựng.

TẬP VIẾT

Chữ viết hoa

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Dao có mài mới sắc, người có học mới nên.
 - Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.
-

ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc những câu tục ngữ sau:

Tục ngữ về học và hành

- Có công mài sắt, có ngày nên kim.
- Không thầy đố mày làm nên.
- Có cày có thóc, có học có chữ.
- Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi.
- Dốt đến đâu, học lâu cũng biết.
- Học thầy không tày học bạn.
- Học hành vất vả, kết quả ngọt bùi.

a) Câu tục ngữ “Có công mài sắt, có ngày nên kim” khuyên ta điều gì?

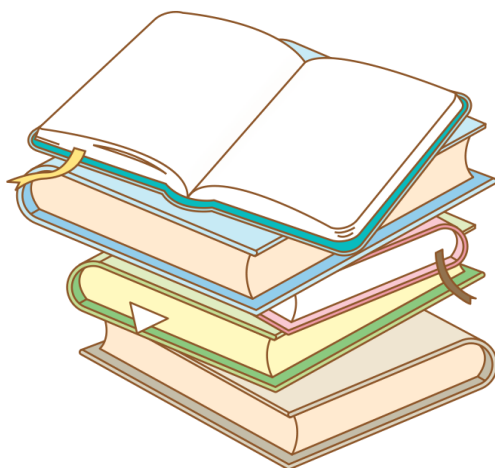
b) Câu tục ngữ nào có ý nghĩa giống câu “Có công mài sắt, có ngày nên kim”?

2. Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ của bạn về một câu tục ngữ trên đây.

Bài 7. MÓN QUÀ QUÝ NHẤT

ĐỌC

MÓN QUÀ QUÝ NHẤT (189 chữ)



Ngày xưa, ở một ngôi làng nọ, có một gia đình sinh được ba anh em trai. Ba anh em đều ngoan ngoãn, chăm chỉ làm việc nhà giúp cha mẹ. Một hôm, thấy các con đã lớn, người cha muốn thử thách các con. Ông bảo các con hãy đi ra ngoài để tìm công việc và tự kiếm sống trong một năm. Vâng lời cha mẹ, ba anh em đều khăn áo ra đi. Khi trở về, ai cũng mang theo những món quà quý. Hai người em đem về rất nhiều tiền và ngọc ngà, châu báu, còn người anh cả thì chỉ có một chiếc túi cũ rất nặng.

Sau bữa cơm vui vẻ, người cha hỏi người con cả:

- Bây lâu nay con đi đâu, làm gì?

- Thưa cha, con đi tìm thầy học những điều hay lẽ phải để dùng trong công việc hàng ngày.

Nói rồi, anh xin phép cha mở túi ra. Mọi người ngạc nhiên, trong túi toàn là sách.

Người cha mỉm cười hài lòng:

- Con đã làm đúng. Ai cũng cần phải học. Món quà của con mang về cho cha là món quà quý nhất. (200)

(Theo Báo Thiếu niên Tiền phong)

- ?** 1. Ba anh em đi xa nhà để làm gì ?
2. Ai biếu cha mẹ nhiều ngọc ngà, châu báu ?
3. Vì sao người cha quý món quà của người anh cả nhất ?

Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Từ ngữ nào dưới đây chỉ hoạt động? Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

- A. sách
- B. học
- C. chăm chỉ

2. Tìm từ ngữ gọi tên các đồ dùng học tập.

M: sách

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

MÓN QUÀ QUÝ NHẤT

1. Kể lại câu chuyện.

G:

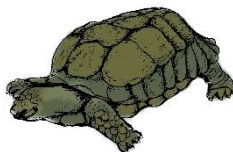
- a) Gia đình ở ngôi làng sinh được mấy người con ? Người cha bảo các con điều gì?
- b) Khi trở về, ba người con mang theo cái gì?
- c) Người cha hỏi người anh cả điều gì?
- d) Cuối câu chuyện, người cha nói gì?

2. Cùng trao đổi về ích lợi của việc đọc sách.

VIẾT

1. Nghe – viết (từ *Nói rồi anh xin phép ...* đến hết).

2. Chọn *tr* hoặc *ch* thay cho ô trống rồi giải câu đố.

Da ☐âu đầu rắn ☐ân ngắn cổ dài ☐ẳng cần đào đất Vẫn cần đến mai. (Là con gì?)	
---	---

3. Chọn *v* hoặc *d* thay cho ô trống.

chỉ ☐ấn ☐ầy chào ☐iệc làm ☐ỗ dành

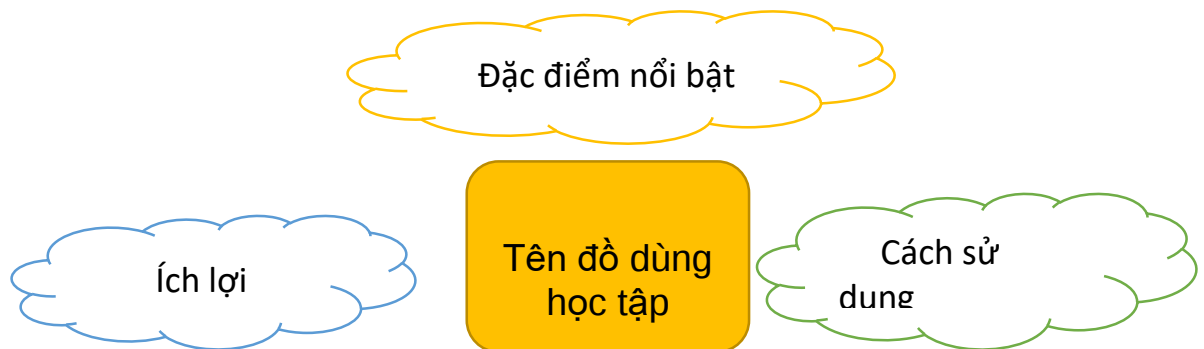
VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU ĐỒ VẬT

1. Quan sát tranh, nói tên một số đồ vật và nêu công dụng của chúng.



2. Quan sát một đồ dùng học tập anh/chị thường sử dụng, chọn từ ngữ thích hợp để ghi chép lại kết quả quan sát.



Vận dụng: Viết vào sổ tay một số lợi ích của việc đọc sách.

Bài 8. TỤC NGŨ VỀ NGHỀ NGHIỆP

ĐỌC

TỤC NGŨ, THÀNH NGŨ VỀ NGHỀ NGHIỆP



- Sáng dưa cưa, trưa mài đục.
- Một đồng một giỗ chẳng bỏ nghề đâu.
- Ruộng bẽ bẽ không bằng nghề trong tay.
- Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.
- Ăn kĩ no lâu, cày sâu lúa tốt.
- Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.
- Tốt giống, tốt má, tốt mạ, tốt lúa
- Lúa chiêm lấp ló đầu bờ
- Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên.
- Khoai đất lạ, mạ đất quen.
- Ba tháng trồng cây không bằng một ngày trông quả.

? 1. Những câu tục ngữ, thành ngữ nào nói về kinh nghiệm trồng trọt?

2. Câu tục ngữ, thành ngữ nào nói về việc tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp ổn định?

3. Anh/chị thích nhất câu tục ngữ, thành ngữ nào? Vì sao?

* Học thuộc lòng câu tục ngữ, thành ngữ anh/chị yêu thích.

Luyện tập gắn với bài đọc:

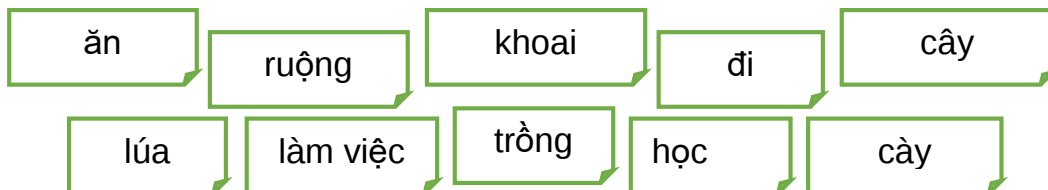
1. Anh/chị hiểu ý nghĩa câu tục ngữ “Một nghề cho chín còn hơn chín nghề” là gì?
2. Tìm từ ngữ chỉ nghề nghiệp của những người được vẽ trong tranh dưới đây.



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Từ chỉ hoạt động
Câu nêu hoạt động

1. Sắp xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp:



a) Từ ngữ chỉ sự vật.	M: ruộng	b) Từ ngữ chỉ hoạt động.	M: ăn
-----------------------	-----------------	--------------------------	--------------

2. Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo thành câu nêu hoạt động.

Mặt trời

đang cấy lúa trên cánh đồng.

Những người nông
dân

hót líu lo trên cành cây cao.

Chú chim nhỏ

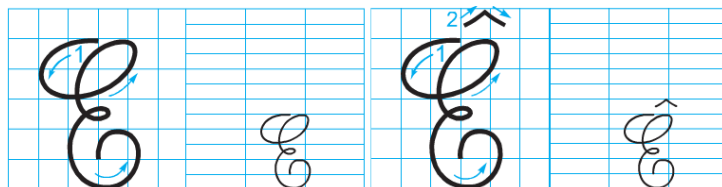
toả ánh nắng rực rỡ lên cánh đồng làng.

3. Đặt 1-2 câu nói về hoạt động ở lớp của anh/chị.

TẬP VIẾT

Chữ viết hoa E Ê

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

- Én bay thấp, mưa ngập bờ ao.
- Éch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.

LUYỆN TẬP

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU ĐỒ VẬT

Yêu cầu: Viết 3 – 4 câu giới thiệu về một đồ dùng học tập anh/chị thường sử dụng.

1. Dựa vào kết quả quan sát ở tuần trước, viết đoạn văn theo yêu cầu.

2. Chỉnh sửa bài viết theo góp ý.

Logo Vận dụng. Viết vào sổ tay một số câu tục ngữ, thành ngữ về nghề nghiệp mà anh/chị yêu thích.

Bài 9. CHỊ LÝ LÀM GIÀU

ĐỌC

CHỊ LÝ LÀM GIÀU



Chị Lý sống ở bản Nà Lừa miền núi Sơn Động. Nhà chị ở giữa bản, chật chội, không trồng được cây gì.

Chị nghe tin bên xã An Bá, bà con Sán Dìu nhận đất, nhận rừng làm ăn giàu có. Chị rủ chồng đi học hỏi cách làm ăn mới ở xã bạn.

Nhờ sự giúp đỡ về kỹ thuật của cán bộ lâm nghiệp huyện, chị ươm cây. Chị trồng cây theo cách nông lâm kết hợp. Trên đồi cao chị trồng cây lấy gỗ. Ở chỗ thấp, chị trồng cây ăn quả xen thêm rau, đậu.

Để có nước tưới, chị lấy tiền bán cây ươm, thuê người đắp bờ, đào ao giữ nước và thả cá.

Mới chỉ qua 5 năm, xung quanh nhà chị Lý đã có 8 mẫu cây lấy gỗ, có gần 200 cây ăn quả xum xuê tươi tốt. (148)

(Theo Tài Liệu học xóa mù chữ Tiếng Việt 2 – NXB Giáo dục 2010)

Từ ngữ:

- *Cán bộ lâm nghiệp*: người làm về kỹ thuật trồng cây và khai thác rừng.
- *Nông lâm*: nông nghiệp và lâm nghiệp.

- ? 1. Gia đình chị Lý sinh sống ở đâu?
2. Chị Lý được cán bộ lâm nghiệp giúp đỡ làm gì?
3. Chị Lý đã trồng cây theo cách nào để mang lại hiệu quả kinh tế cao?

Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ phù hợp với mỗi nhóm dưới đây:

Cây lấy gỗ	bạch đàn, ...
Cây lương thực, thực phẩm	ngô, ...

2. Viết 1 – 2 câu về việc anh/chị mong muốn làm để tăng thêm thu nhập.

.....

NÓI VÀ NGHE

NGHỀ NÀO CŨNG QUÝ

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày.

G:

- a) Bạn đang làm nghề gì (hoặc bạn thích nhất nghề gì)?
- b) Nghề của bạn đang làm có đặc điểm gì nổi bật (hoặc điều gì khiến bạn yêu thích nghề đó) ?
- c) Bạn đã hoặc sẽ làm gì để công việc của bạn có hiệu quả hơn? (hoặc bạn sẽ học tập như thế nào để sau này được làm nghề mà mình yêu thích)

2. Chia sẻ về ước mơ của mình.

G:

- Làm việc nhóm, lần lượt đóng vai phóng viên để hỏi – đáp về nghề nghiệp của từng người trong nhóm.
- Chú ý nói và đáp lời chào giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn sao cho phù hợp với tình huống xây dựng.

3. Đóng vai, nói và đáp lời cảm ơn phù hợp với tình huống sau:

Một người bạn trong lớp có hoàn cảnh khó khăn, không đến lớp học thường xuyên được. Cả lớp tìm cách giúp đỡ bạn. Người bạn đó nói lời cảm ơn cả lớp.

.....

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết:

Bài hát trồng cây

(Trích)

Ai trồng cây
Người đó có tiếng hát
Trên vòm cây
Chim hót lời mê say.

Ai trồng cây
Người đó có ngọn gió
Rung cành cây
Hoa lá đùa lay lay.

Ai trồng cây
Người đó có bóng mát
Trong vòm cây
Quên nắng xa đường dài.
(Bé Kiến Quốc)



2. Điền vào chỗ trống:

a) (sao, xao): ngôi ; xôn

b) (sâu, xâu): kim; chim

c) (sỏ/xỏ): tay; số

3. Đánh dấu ✓ vào ô trước tên sự vật trong tranh.

		
☐ chim sẻ ☐ chim xẻ	☐ cái võng ☐ cái võng	☐ bãi cỏ ☐ bãi cỏ


☐ con muỗi ☐ con muỗi


☐ cái chổi ☐ cái chổi

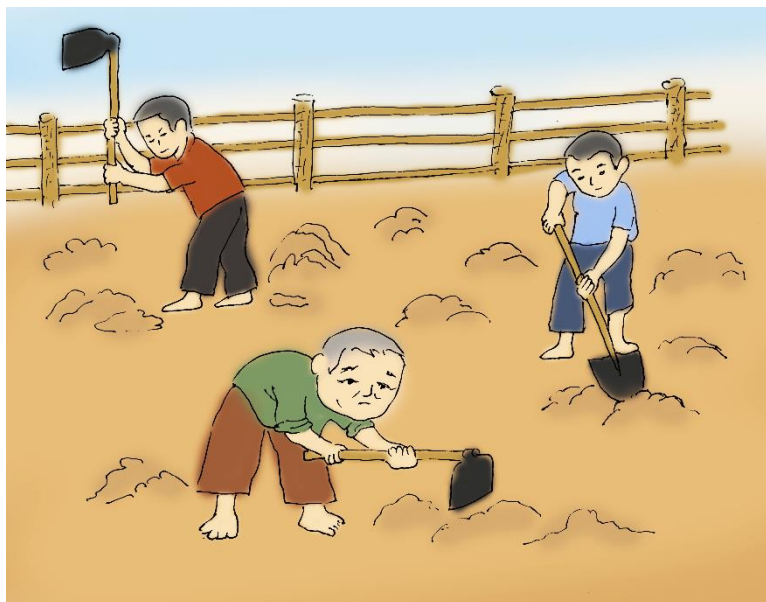

☐ ngã ba đường ☐ ngã ba đường

.....

ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc truyện dưới đây và trả lời câu hỏi:

Người làm vườn và các con trai



Người làm vườn muốn dạy nghề của mình cho các con trai. Khi ông sắp qua đời, ông gọi các con đến và bảo:

- Thế này các con nhé, khi nào bố chết, các con hãy tìm kỹ cái vật bỏ giấu trong vườn trồng nho.

Các con tưởng rằng ở đó có kho báu nên khi bố qua đời, họ đi đào xới rất kỹ đất ở khu vườn trồng nho. Họ đã không tìm thấy kho báu, nhưng đất ở vườn trồng nho được xới trộn rất kỹ, năm đó nho ra quả nhiều và rất to, rất ngon. Thế là họ bán được rất nhiều tiền và trở nên giàu có.

Lép Tôn – xtôi

(Trong tập Kiến & Chim bồ câu) Thúy Toàn dịch

- Người làm vườn đã dạy nghề cho các con bằng cách nào?
- Vì sao các con của người làm vườn trở nên giàu có?

2. Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của câu chuyện.

.....

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC TIẾNG VIỆT KÌ 2 (BÀI 1 – 9)

Chủ điểm: TUỔI TRẺ, TRÁCH NHIỆM VÀ ƯỚC MƠ

Bài 1. MỘT SÁNG THU XƯA. (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Một sáng thu xưa*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản, hiểu điều Bác Hồ căn dặn các chiến sĩ.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Một sáng thu xưa*.

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài thơ Đất nước (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng c, k.

- Viết được 3 – 4 câu thuật việc đơn giản

4. Biết bày tỏ suy nghĩ về trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi người công dân.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tư liệu về Bác Hồ nói chuyện với Đại đoàn quân Tiên Phong tại Đền Hùng ngày 19/9/1954.

- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ những điều đã biết về Đền Hùng, về sự tích Con Rồng cháu Tiên, về câu ca dao “Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng Ba”.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- HV nêu nội dung tâm ảnh.

- GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài kể lại cuộc trò chuyện của Bác Hồ với các chiến sĩ tại Đền Hùng ngày 19/9/1954 khi Bác đến thăm Đền Hùng và gặp các chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên Phong đang đóng quân tại đây.

- GV / HV đọc toàn bài trước lớp.

- HV tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp hoặc theo nhóm (tự ngắt đoạn để đọc nối tiếp).

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- GV nêu câu hỏi 1 (Bác Hồ gặp gỡ và nói chuyện với các chiến sĩ ở đâu?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- HV trả lời câu hỏi. (Bác Hồ gặp gỡ và nói chuyện với các chiến sĩ ở Đền Hùng).

- GV giới thiệu thêm về Đền Hùng hoặc mời HV giới thiệu những điều mình biết về Đền Hùng.

- GV nêu câu hỏi 2 (Qua cuộc trò chuyện, Bác Hồ muốn các chiến sĩ biết được những điều gì?)

- HV trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời, VD: Bác Hồ muốn các chiến sĩ có hiểu biết về di tích Đền Hùng gắn với sự tích vua Hùng – ông vua có công dựng nước, chính là ông Tổ của nước Việt Nam ta.

- GV nêu câu hỏi 3. (Theo bạn, các chiến sĩ đã nhận biết trách nhiệm của mình là gì qua lời dặn của Bác?)

- HV làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- GV mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Qua lời căn dặn của Bác, các chiến sĩ hiểu được trách nhiệm chung sức bảo vệ đất nước mà cha ông ta đã gây dựng.

- GV nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ đã cho thành 2 nhóm.

+ HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ, từ đó xác định cách phân nhóm (VD: nhóm từ ngữ chỉ hoạt động xây dựng đất nước và nhóm từ ngữ chỉ hoạt động chiến đấu bảo vệ Tổ quốc)

+ HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

(Đáp án:

Nhóm 1. Từ ngữ chỉ hoạt động xây dựng đất nước: kiến thiết, kiến quốc, dựng nước, xây dựng đất nước.

Nhóm 2. Từ ngữ chỉ hoạt động chiến đấu bảo vệ Tổ quốc: vệ quốc, giữ nước, bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn đất nước

- Bài tập 2. Đặt 1 – 2 câu với từ ngữ ở bài tập 1.

+ HV làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.

+ HV làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

- + Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện *Một sáng thu xưa*

- GV nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Một sáng thu xưa*. GV nhắc HV cần nhớ đầy đủ những lời nói của Bác.
- HV làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, tập kể lại câu chuyện.
- HV làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý (VD: lời kể có đầy đủ các chi tiết không, có thuộc lời căn dặn của Bác Hồ không?,...)
- HV kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:
- + Về nội dung.
- + Về giọng nói, điệu bộ.

b) Nêu suy nghĩ của bạn về trách nhiệm của người công dân đối với đất nước.

- HV trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu.
- GV giảng giải thêm về trách nhiệm và nghĩa vụ của thanh niên, của công dân đối với đất nước.
- GV nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết.

- GV hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn thơ *Đất nước*.
- GV nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu dòng thơ.
- HV nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- HV làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- GV nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- GV hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn thơ đã nghe- viết.

b) Làm bài tập phân biệt c/ k.

- Bài tập thứ nhất.

- + GV nêu yêu cầu của bài tập.

- + HV làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
 - + GV yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
 - + GV mời HV chữa bài trước lớp.
- (Đáp án: công dân cộng đồng kiến thiết điệu kì tìm kiếm)
- + GV nhắc HV ghi nhớ quy tắc viết c/ k. (Chữ k + e, ê, i).
- *Bài tập thứ hai.*
- + HV trao đổi nhóm, tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *c* hoặc *k*.
 - + HV làm bài trên bảng lớp: trồng cây, núi cao, đào kênh, kiên trì,...)

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn thuật việc

a) Kể lại sự việc được thể hiện trong tranh.

- HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi về hoạt động được thể hiện trong mỗi tranh, có thể nói rõ các bước thực hiện hoạt động được thể hiện lần lượt qua từng tranh.
- + Tranh 1: Mấy bạn trẻ cùng nhau làm 1 chiếc thuyền buồm (có thể nói rõ vật liệu và cách làm)
- + Tranh 2: Các bạn khiêng chiếc thuyền ra sông.
- + Tranh 3: Các bạn đứng trên thuyền buồm ra khơi, giơ tay vẫy.

b) Viết lại các câu em đã kể bằng 3 – 4 câu.

- HV làm việc cá nhân. Viết 3 – 4 câu về các hoạt động trong tranh. Viết xong, tự đọc soát và chỉnh sửa.
- HV làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý.
- GV mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 1.
- GV nêu yêu cầu về nhà:
- + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn thuật việc.
- + Viết vào sổ tay điều mình muốn làm, muốn đạt được trong cuộc sống.
- + Chuẩn bị Bài 2.

Bài 2. CHIỀU BIÊN GIỚI (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Chiều biên giới*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên vùng biên giới và nhịp sống sôi động, khát vọng của tuổi trẻ,... được thể hiện qua các hình ảnh thơ.

2. Luyện từ và câu: Phân biệt được từ và câu, biết tạo câu từ các từ đã biết.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa A, Ă, Â và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.

- Viết được 4 – 5 câu thuật việc đơn giản.

4. Biết bày tỏ cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên quê hương, đất nước và chia sẻ suy nghĩ về khát vọng, ước mơ trong cuộc sống.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Mẫu chữ hoa A, Ă, Â

- Tranh ảnh về cảnh vật vùng biên giới phía Bắc.

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ những điều đã biết về những vùng biên giới của Việt Nam, tranh ảnh về cảnh vật vùng biên giới.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- HV nêu nội dung tranh minh hoạ.

- GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ của tác giả Lò Ngân Sủn gợi lên vẻ đẹp đầy sức sống của thiên nhiên và con người vùng biên giới trong mùa xuân.

- GV / HV đọc toàn bài trước lớp, hướng dẫn HV đọc đúng một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Ví dụ:

+ hoa đào nở, lượn bậc thang,...

+ biên giới, toả ngát,...

- HV tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp hoặc theo nhóm.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- GV nêu câu hỏi 1 (Cảnh vật chiều biên giới hiện ra như thế nào qua lời chàng trai?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- HV làm việc cá nhân: đọc thầm lại bài thơ, tìm những câu thơ gợi tả cảnh vật vùng biên giới để chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi 1.
- HV trao đổi theo cặp hoặc nhóm: từng người nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời. (Ví dụ:

Cảnh vật chiều biên giới rất đẹp. Không gian khoáng đạt trong mùa xuân: có hoa đào nở, mùa sỡ ra cây, những ruộng bậc thang uốn lượn trong mây, hương thơm cỏ cây toả ngát,...).

- GV giới thiệu thêm tranh ảnh về cảnh đẹp vùng biên giới trong mùa xuân.
- GV nêu câu hỏi 2 (Tìm những chi tiết cho thấy nhịp sống sôi động trên nông trường vùng biên giới?)
- HV trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời.

(VD: Nhịp sống sôi động trên nông trường vùng biên giới được thể hiện qua những câu thơ:

Chiều biên giới em ơi
 Rừng chằng dây điện sáng
 Ta nghe tiếng máy gọi
 Như nghe tiếng cuộc đời
 Lòng ta thắm mê say
 Trên nông trường lộng gió
 Rộng như trời mênh mông...

Trên nông trường vùng biên giới, cuộc sống đang thay đổi ngày một hiện đại: nơi rừng núi có ánh điện sáng, có âm thanh rộn ràng của tiếng máy vào cao trên nông trường lộng gió...).

- GV nêu câu hỏi 3. (Khát vọng của tuổi trẻ được thể hiện qua những hình ảnh nào trong bài thơ?)

- HV làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- GV mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Khát vọng của tuổi trẻ được thể hiện qua những hình ảnh tràn đầy sức sống:

Chiều biên giới em ơi
 Nghe con sông chảy xiết
 Nghe con suối thác đổ
 Hồn ta như ngọn gió
 Thổi giữa trời quê hương.

- GV nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ có nghĩa giống với từ “biên giới”, “mênh mông”.

+ HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ, từ đó tìm từ theo yêu cầu.

+ HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

(Đáp án:

- Từ ngữ có nghĩa giống với từ “biên giới”: biên cương, biên thủy, biên ải

- Từ ngữ có nghĩa giống với từ “mênh mông”: mông mênh, rộng lớn, bát ngát, thênh thang,...

- Bài tập 2. Tìm từ ngữ gọi tên các cảnh vật của vùng biên giới.

+ HV làm việc cá nhân: viết từ ngữ tìm được vào vở.

+ HV làm việc nhóm: từng thành viên đọc các từ tìm được, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp. (VD: rừng, núi, suối, sông, ruộng bậc thang, thung lũng,...)

TIẾT 3

3. Luyện tập: TỪ VÀ CÂU

a) Bài tập 1: Chọn từ thích hợp với mỗi tranh.

- HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Nêu nội dung các tranh, trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ đã cho, từ đó chọn từ phù hợp với tranh.

- HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả. (Đáp án: họa sĩ, ca sĩ, bác sĩ)

b) Đặt 3 câu chứa từ đã chọn cho mỗi tranh. (ở BT1)

- GV nêu yêu cầu của BT2.

- HV làm việc cá nhân (hoặc cặp): đặt 3 câu với các từ *họa sĩ, ca sĩ, bác sĩ*.

- HV làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã đặt, cả nhóm góp ý.

- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét.

c) Ghép từ ở cột A với từ ở cột B để tạo thành câu.

- GV nêu yêu cầu và cách làm.

- HV làm việc cá nhân.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- GV nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

Đáp án:

- + Núi cao vút.
- + Biển mênh mông.
- + Suối róc rách.
- + Gió vi vu.

- GV khuyến khích HS đặt câu có nhiều từ ngữ hơn, VD: Ở miền núi, những có những trái núi cao vút.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- GV nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa A, Ă, Â và câu ứng dụng (Anh em thuận hoà là nhà có phúc./ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.)
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa A, Ă; hướng dẫn cách viết.
- GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa A, Ă, Â.
- HV làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- GV hướng dẫn viết câu ứng dụng:
- GV nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- HV hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.
- GV nhận xét chữ viết của HV.

TIẾT 5

5. Thực hành viết đoạn văn thuật việc

a) Viết 4 – 5 câu kể lại một sự việc em đã tham gia hoặc chứng kiến.

- HV đọc đề bài và đọc gợi ý.
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu (chọn sự việc/ hoạt động đã tham gia hoặc chứng kiến).

- HV viết đoạn văn vào vở.
- HV đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- HV sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- GV có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 2.
- GV nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn theo góp ý của GV.
 - + Liệt kê các bước thực hiện một công việc sẽ làm hoặc cần làm.
 - + Chuẩn bị Bài 3.

Bài 3. BẦU TRỜI TỰ DO (5 tiết)

I. Mục tiêu

- 1. Đọc:** Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong câu chuyện *Bầu trời tự do*; bước đầu biết đọc phân biệt giọng kể chuyện với lời nói trực tiếp của nhân vật, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Nhận biết được chi tiết nêu hành động, việc làm, suy nghĩ... của các nhân vật trong câu chuyện. Hiểu ý nghĩa của câu chuyện.
- 2. Nói và nghe:** Trình bày được suy nghĩ của mình về ước mơ, chia sẻ ước mơ của bản thân với bạn bè.
- 3. Viết:** Viết đúng chính tả đoạn thơ trong Bài ca võ đất theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng g, gh.
- 4. Vận dụng:** Tự đọc hiểu bài thơ *Cậu bé và cô bé*; viết cảm nghĩ về bài thơ đó.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số truyện ngụ ngôn.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi ý kiến về hiện tượng nuôi nhốt chim trong lồng.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- HV nêu nội dung tranh minh hoạ.
- GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Câu chuyện kể về cuộc trò chuyện của một cậu bé với con chim trên cành.
- GV / HV đọc toàn bài trước lớp, hướng dẫn HV đọc đúng một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Ví dụ:
 - + xách lồng chim, nước uống,...
 - + trên cành, bắt sâu,...
- HV tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp hoặc theo nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- GV nêu câu hỏi 1 (Cậu bé mong muốn điều gì khi mang lồng đến bên gốc cây?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- HV làm việc cá nhân: đọc thầm lại câu chuyện, tự trả lời cho câu hỏi 1.
- 1 – 2 HV trả lời câu hỏi trước lớp. (VD: Khi mang lồng đến bên gốc cây, cậu bé muốn dụ chim bay vào trong lồng)
- GV nêu câu hỏi 2 (Theo cậu bé, cuộc sống trong lồng có gì thú vị đối với chú chim?)
- HV trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời. (VD: Cậu bé cho rằng cuộc sống trong lồng thú vị đối với chú chim. Sống trong lồng, chim sẽ có sẵn gạo ăn, nước uống, lại được cậu bé bắt sâu cho ăn, chẳng phải khó nhọc, vất vả, chẳng sợ mưa gió bão táp)
- GV nêu câu hỏi 3. (Qua câu trả lời của chú chim dành cho cậu bé, câu chuyện muốn nhắn nhủ các bạn trẻ điều gì?)
- HV làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm xác nhận những câu trả lời thuyết phục.
- GV mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận những câu trả lời phù hợp, VD: Tự do, tự lực, tự chủ là điều quan trọng nhất trong cuộc sống./...).
- GV nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ theo yêu cầu.
- + HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi về cuộc sống mong muốn và cuộc sống không theo mong muốn.
- + HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Cuộc sống mong muốn	tự do, khoẻ mạnh, no ấm, hạnh phúc, đầy đủ về vật chất, hạnh phúc, có ích, ...
Cuộc sống không theo mong muốn	khó nhọc, vất vả, thiếu thốn, gian khổ, nhọc hằn, buồn bực,...

- Bài tập 2. Viết 2 – 3 câu nói về cuộc sống em mong ước.
 - + HV làm việc cá nhân: viết câu theo suy nghĩ của mình vào vở.
 - + HV làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã viết, cả nhóm nhận xét, góp ý.
 - + Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp.
- (VD: Tôi mong ước có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.)

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Ước mơ của mỗi người.

a) Chuẩn bị ý kiến

- GV nêu yêu cầu: Hãy kể / giới thiệu về ước mơ của mình.
- HV làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, chuẩn bị ý kiến của mình.

a) Bạn ước mơ điều gì? b) Vì sao bạn có ước mơ đó? c) Bạn đã hoặc sẽ làm gì để có thể biến ước mơ thành hiện thực?
--

b) Chia sẻ về ước mơ của mình..

- HV làm việc nhóm: từng thành viên phát biểu ý kiến, các thành viên trong nhóm có thể hỏi lại những điều muốn biết rõ hơn.
- HV trình bày ý kiến trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét.
- + Về nội dung ước mơ.
- + Về giọng nói, điệu bộ.
- GV nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết.

- GV hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn thơ *Bài ca vỡ đất*.

- GV nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu dòng thơ.
- HV nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- HV làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- GV nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- GV hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn thơ đã nghe- viết.

b) Làm bài tập phân biệt c/ k.

- Bài tập thứ nhất.

- + GV nêu yêu cầu của bài tập.
- + HV làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + GV yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + GV mời HV chữa bài trước lớp.
- (Đáp án: **g**ánh vác, **gh**ềnh thác, **g**ấp khúc, kêu **g**ọi, yêu **gh**ét)
- + GV nhắc HV ghi nhớ quy tắc viết g/ gh. (Chữ gh + e, ê, i).

- Bài tập thứ hai.

- + HV trao đổi nhóm, tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng mở đầu bằng **g** hoặc **gh**.
- + HV làm bài trên bảng lớp: cây gạo, gồng gánh, ghi chép, ghê gớm,...)

TIẾT 5

5. Vận dụng

a) Đọc

- GV nêu nhiệm vụ của bài học: tự đọc bài thơ *Tiếng mùa xuân* và trả lời câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân theo yêu cầu.
- + Đọc bài thơ.
- + Trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

b) Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về bài thơ.

- HV làm việc cá nhân: đọc yêu cầu và tự viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ về bài thơ.
- HV làm việc theo nhóm: đọc các câu đã viết và nghe góp ý, chỉnh sửa theo góp ý.

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 3.
- GV nêu yêu cầu về nhà tìm đọc thêm câu chuyện, bài thơ, bà văn nói về ước mơ của tuổi trẻ.
- Dặn HV chuẩn bị cho bài 4

Chủ điểm CHUYỆN HỌC HÀNH

BÀI 4. HỌC HAY, LÀM GIỎI (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Bùi Xương Trạch học hay, làm giỏi*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản. Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi ông Bùi Xương Trạch chăm làm, chăm học, tiết kiệm, liêm khiết.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Bùi Xương Trạch học hay, làm giỏi*.

3. Viết:

- Viết đúng chữ hoa B, C và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật.
- 4. Biết bày tỏ thái độ trân trọng với những người chăm chỉ, có nghị lực.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Mẫu chữ viết hoa / phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa B, C.
- Tranh ảnh đồ vật hoặc mô hình / vật thật gợi ý HV quan sát để viết đoạn văn tả đồ vật

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Kể tên hoặc giới thiệu một người học hay, làm giỏi (mà mình biết trong thực tế hoặc qua sách báo, phim ảnh,...).
- Thảo luận: Nếu chỉ học giỏi mà không chăm chỉ (hoặc ngược lại) thì có tốt không? Vì sao?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.

- GV hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- GV hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...)
- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: *Tuy làm đến chức Thượng thư / nhưng ông vẫn nổi tiếng / tiết kiệm và liêm khiết.*).
- GV hướng dẫn HS luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

GV tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- GV nêu từng câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Nhờ đâu mà Bùi Xương Trạch học giỏi, đạt kết quả cao trong thi cử? (Bùi Xương Trạch không chỉ thông minh mà còn rất chăm chỉ. Ông tranh thủ mọi lúc để học bài.)

(2) Những chi tiết nào trong câu chuyện cho thấy Bùi Xương Trạch không chỉ chăm học mà còn rất chăm làm? (Ông rất chăm học: buộc sách vào bừa để vừa bừa vừa ôn bài, bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng để lấy ánh sáng đọc sách; tranh thủ khoảng thời gian giữa hai bài thi về nhà ôn bài. Ông rất chăm làm: Vừa ôn bài vừa đi bừa, tranh thủ khoảng thời gian giữa hai bài thi về nhà cày cấy; không chờ xem kết quả thi mà về cuốc đất

(3) Theo bạn, Bùi Xương Trạch có những phẩm chất gì đáng quý trọng? (Ông rất chăm làm, chăm học, tiết kiệm, liêm khiết.)

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ ngữ thành 2 nhóm:
- + GV nêu yêu cầu: Xếp các từ ngữ thành 2 nhóm; có thể đặt tên cho mỗi nhóm.
- + HV thảo luận theo cặp.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng”

Đáp án:

- Nhóm 1. (Các từ chỉ hoạt động lao động) *cuốc đất, đi bừa, cày ruộng.*
- Nhóm 2. (Các từ chỉ hoạt động học tập) *học bài, thi đỗ, làm bài, ôn thi, đọc sách.*

- BT 2. Đặt 1 – 2 câu với từ ngữ ở BT 1

- + GV nêu yêu cầu.
- + HV làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện *Bùi Xương Trạch học hay, làm giỏi*

- GV nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Bùi Xương Trạch học hay, làm giỏi*.
- HV làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện.
- Một số HV kể chuyện trước lớp; cả lớp góp ý, bổ sung.
- GV nhận xét.

b) Trao đổi: Chúng ta có thể học được gì từ tấm gương ông Bùi Xương Trạch?

- HV trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu.
- GV nhận xét, bổ sung thông tin; nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: viết chữ hoa.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- GV nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa B, C và câu ứng dụng (*Bảy mươi còn học bảy mốt; Có học có hay, có cày mới giỏi.*)
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa B, C; hướng dẫn cách viết.
- GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa B.
- HV làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- GV hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Bảy mươi còn học bảy mốt; Có học có hay, có cày mới giỏi.*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- HV hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Tập viết đoạn văn tả đồ vật

a) Quan sát tranh, nói về đồ vật trong tranh

- HV đọc yêu cầu của BT.
- GV hướng dẫn HV quan sát tranh ảnh (vật thật, mô hình) để nói theo gợi ý.
- HV nói trong nhóm.

- Một số HV trình bày trước lớp; GV nhận xét.

b) Dựa vào những điều đã nói, viết 4 – 5 câu về một vật trong tranh

- GV giao nhiệm vụ.

- HV viết các câu vào vở.

- Một số HV báo cáo trước lớp

- GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

- HV sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 4.

- GV nêu yêu cầu về nhà:

+ Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn tả đồ vật.

+ Viết vào sổ tay ước muốn hoặc dự định của bản thân.

+ Chuẩn bị Bài 5.

BÀI 5. KHI TRANG SÁCH MỞ RA (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Khi trang sách mở ra*. giới, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nghĩa của từ ngữ; nhận biết được vẻ đẹp và giá trị của những trang sách giúp ta khám phá thế giới, mở mang hiểu biết.

2. Luyện từ và câu:

- Tìm từ chỉ sự vật.

- Viết câu giới thiệu

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *ng / ngh*.

- Viết được câu giới thiệu sự vật.

- Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật.

4. Vận dụng: Viết kế hoạch học tập của bản thân và chia sẻ với người thân.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Thẻ từ ngữ và tranh phục vụ BT 2 - Từ và câu (nếu chuẩn bị được).

- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ viết sẵn nội dung của BT chính tả 2, 3.

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Sách có ích như thế nào đối với đời sống?
- Chúng ta sẽ thiết thòi như thế nào nếu không có sách?
- Bạn thích nhất cuốn sách (hoặc câu chuyện, bài thơ,...) nào? Vì sao?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- GV hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...)
- GV hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ. VD:
Khi / trang sách mở ra //
Khoảng trời xa / xích lại //
Bắt đầu / là cỏ dại //
Thứ đến / là cánh chim //
- GV hướng dẫn HS luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

GV tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- GV nêu từng câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Theo bài thơ, ta có thể biết những điều gì qua các trang sách? Ta có thể biết về mọi điều: bầu trời, cỏ cây hoa lá, chim muông, con người, biển cả, cánh bướm, rừng cây, làn gió, ngọn lửa,...)

(2) Bài thơ cho thấy sách có ý nghĩa như thế nào trong việc giúp mỗi người mở mang hiểu biết? (Sách giúp ta biết nhiều điều, có thể rất lớn lao, có thể vô cùng nhỏ bé, có thể rất xa hoặc rất gần; sách giúp ta biết những điều có thể chứng kiến tận mắt hoặc những điều ta chưa từng thấy...).

(3) Theo bạn, tác giả bài thơ gửi gắm lời nhắn nhủ gì tới chúng ta? (Sách giúp chúng ta hiểu biết về thế giới xung quanh; hãy chăm chỉ đọc sách để mở mang hiểu biết.)

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm các từ chỉ sự vật trong bài thơ.
- + GV nêu yêu cầu của BT.
- + HV thảo luận theo cặp.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Những từ ngữ chỉ đồ vật: *sách, buồm, giấy.*
- Những từ ngữ nói về người: *trẻ con, người lớn.*
- Những từ ngữ nói về thiên nhiên: *cỏ, chim, biển, rừng, gió,...*

- BT 2. Nói về một đồ vật được nhắc tới trong bài thơ.
- + GV nêu yêu cầu.
- + HV trao đổi theo cặp, nói những điều mình biết về một vật, VD: *sách, giấy,...*
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác bổ sung.
- + GV nhận xét.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu

a) Tìm từ ngữ chỉ sự vật

- GV nêu nhiệm vụ: Viết 5 từ ngữ chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối,...) được vẽ trong tranh.
- HV làm việc cá nhân: Quan sát tranh, viết từ ngữ. VD: *thầy giáo, cô giáo, học sinh, chim, cây, hoa, cặp sách, mũ,...*

b) Sắp xếp từ ngữ thành câu

- GV nêu nhiệm vụ: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu giới thiệu em Nam.
- HV làm việc cá nhân (hoặc cặp): Sắp xếp lại từ ngữ thành câu; viết lại câu.
- HV báo cáo kết quả trước lớp.
- GV nhận xét, chốt kết quả đúng: *Em Nam là học sinh lớp 2A.*

c) Đặt câu giới thiệu một số sự vật được vẽ trong tranh

- GV giao nhiệm vụ: Đặt 3 câu giới thiệu một số sự vật được vẽ trong tranh.
- HV làm việc cá nhân: Viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- GV nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết *Ngày hôm qua đâu rồi?*

- GV nêu yêu cầu nghe – viết.

- GV đọc mẫu đoạn thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.
- GV hướng dẫn HV:
 - + Viết tên bài và mỗi dòng thơ cách lề vở khoảng 2 ô vuông lớn.
 - + Viết hoa chữ cái đầu bài và đầu mỗi dòng thơ; khổ thơ sau cách khổ thơ trước 1 dòng kẻ.
- GV đọc, HS viết vào vở.
- GV hướng dẫn HV soát lỗi và chữa bài (nếu cần).
- b) Chọn *ng* hoặc *nh* thay cho ô trống**
 - GV hướng dẫn HV làm BT tương tự như các bài trước.
 - Đáp án: *ngập ngừng, nghe ngóng, nghỉ ngơi, ngành nghề.*
- c) Tìm và viết 2 – 4 tiếng có *ng* hoặc *nh***
 - GV hướng dẫn HV làm BT tương tự như các bài trước.
 - VD một số từ ngữ: *nghĩ, nghe, nghĩa, ngồi, nghiệp, ngoài, ngân, người,...*

TIẾT 5

5. Thực hành viết đoạn văn tả đồ vật

a) Dựa vào gợi ý, viết đoạn văn theo yêu cầu

- HV đọc đề bài.
- GV nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý để viết đoạn văn tả đồ vật.
- HV viết đoạn văn vào vở.
- HV đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- HV sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- GV có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 5.
- GV nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn tả đồ vật.
 - + Viết vào sổ tay kế hoạch học tập của bản thân.
 - + Chuẩn bị Bài 6.

BÀI 6. NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong câu chuyện *Chu Văn An – người thầy của muôn đời*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ; hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi tấm gương mẫu mực Chu Văn An – người thầy của muôn đời.

2. Nói và nghe: Trình bày được suy nghĩ của về ích lợi của việc học tập, những ước muốn của bản thân liên quan đến việc học, những việc cần làm để thực hiện ước muốn.

3. Viết:

- Viết chữ hoa D, Đ và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.

- Viết được 2 - 3 câu nêu ý kiến của bản thân về một câu tục ngữ.

4. Biết chia sẻ cảm nghĩ của mình trước những tấm gương cao đẹp.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Mẫu chữ viết hoa / phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa D, Đ.

- Bảng phụ viết sẵn nội dung BT luyện tập gắn với bài đọc; các câu tục ngữ về học và hành.

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Bạn biết câu chuyện, bài thơ hoặc câu tục ngữ nào ca ngợi thầy giáo (cô giáo)?
- Bạn suy nghĩ gì về câu chuyện, bài thơ hoặc câu tục ngữ ấy?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- GV hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...)
- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu dài VD:
 - *Chu Văn An / học vấn tinh thông, / tiếng tăm lừng lẫy / nhưng không màng công danh/ mà ở nhà dạy học.*
 - *Sau khi Chu Văn An qua đời, / vua cho người đến tế / và ra lệnh thờ ông / ở Văn Miếu Quốc Tử Giám.*
- GV hướng dẫn HS luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

GV tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- GV nêu từng câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Những chi tiết nào cho thấy Chu Văn An là người thầy học vấn tinh thông, tiếng tăm lừng lẫy? (Chu Văn An chỉ ở nhà dạy học nhưng vua Trần Minh Tông nghe tiếng, mời ông ra làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám và dạy các thái tử.)

(2) Vì sao có thể nói Chu Văn An là người thương dân, trọng lễ phải? (Ông rất thương dân: không phân biệt trò giàu hay nghèo; thường mang quà được biếu để tặng người nghèo. Ông rất trọng lễ phải: dân số xin chém gian thần; vua không nghe, ông từ quan về ở ẩn.)

(3) Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm yêu quý, nể trọng mọi người dành cho thầy Chu Văn An. (Vua Minh Tông và vua Nghệ Tông mời ông ra làm quan; học trò cũ về thăm và biếu quà, dù làm quan to nhưng họ vẫn cung kính cúi lạy thầy; sau khi ông qua đời, vua cho người đến tế và ra lệnh thờ ông ở Văn Miếu Quốc Tử Giám).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ phù hợp với mong muốn của bạn về các thầy giáo (cô giáo)

+ GV nêu yêu cầu.

+ HV thảo luận theo cặp.

+ Một số HV nêu ý kiến; HV khác bổ sung; GV nhận xét.

- Bài tập 2. Viết 2 – 3 câu về một thầy giáo hoặc cô giáo mà bạn quý mến

+ GV nêu yêu cầu.

+ HV làm việc cá nhân: viết câu vào vở.

+ Một số HV báo cáo kết quả.

+ GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Chuẩn bị ý kiến để trình bày về *Chuyện học hành*

- GV nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý, nêu ý kiến của mình về “chuyện học hành”.

- HV làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý để chuẩn bị ý kiến (có thể ghi tóm tắt các ý vào vở nháp).

- HV trao đổi theo cặp.

b) Chia sẻ về ước muốn của mình

- Một số HV trao đổi trước lớp; HV khác nêu ý kiến.

- GV nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: tô và viết chữ hoa.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- GV nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa D, Đ và câu ứng dụng (*Dao có mài mới sắc, người có học mới nên., Đi một ngày đàng, học một sàng khôn..*)
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa D, Đ.
- GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa D, Đ.
- HV làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng:

- GV hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Dao có mài mới sắc, người có học mới nên., Đi một ngày đàng, học một sàng khôn..*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- HV hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Tìm những câu tục ngữ có ý nghĩa giống câu “Có công mài sắt, có ngày nên kim”

- HV đọc yêu cầu của BT và các câu tục ngữ.
- HV trao đổi theo cặp.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng: *Có cày có thóc, có học có chữ.; Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi.; Dốt đến đâu học lâu cũng biết.; Học hành vất vả, kết quả ngọt bùi.*

b) Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ về một câu tục ngữ

- GV giao nhiệm vụ.
- HV viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp
- GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

- HV sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 6.
- GV nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nêu suy nghĩ về một câu tục ngữ.
 - + Chuẩn bị Bài 7.

Bài 7. MÓN QUÀ QUÝ NHẤT. (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng trong bài (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Món quà quý nhất*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản, hiểu lời khuyên từ câu chuyện: cần đọc nhiều sách để ứng dụng những điều hay lẽ phải trong sách vào công việc và cuộc sống.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Món quà quý nhất*.

3. Viết

- Viết đúng chính tả đoạn trích trong bài *Món quà quý nhất* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *tr/ch*, *v/d*.
- Ghi chép lại được kết quả quan sát đồ vật theo gợi ý.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ của BT chính tả; một số thẻ *g*, *gh* để HV gắn vào chỗ trống trong đoạn thơ.
- Tranh ảnh gợi ý hỗ trợ hoạt động quan sát đồ vật (nếu có).

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Quan sát tranh và dự đoán nội dung của bài đọc.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- GV hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...)

- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: *Hai người em đem về rất nhiều tiền và ngọc ngà, / châu báu, / còn người anh cả thì chỉ có một chiếc túi cũ rất nặng.*).

- GV hướng dẫn HS luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

GV tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- GV nêu từng câu hỏi.

- HV làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Ba anh em đi xa nhà để làm gì ? (Ba anh em đi xa nhà để đi tìm công việc và tự kiếm sống trong vòng một năm).

(2) Ai biếu cha mẹ nhiều ngọc ngà, châu báu ? (Hai người em biếu cha mẹ nhiều ngọc ngà, châu báu)

(3) Vì sao người cha quý món quà của người anh cả nhất ? (VD: Vì người cha nhận thấy ý nghĩa của sách đối với công việc hàng ngày. / Vì người cha thấy rằng ngọc ngà, châu báu tiêu mãi cũng sẽ hết, chỉ có kiến thức trong sách là còn mãi. / ...).

- GV nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ chỉ hoạt động.

+ GV nêu yêu cầu hoặc 1 HV đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

+ HV làm việc cá nhân: tìm đúng đáp án từ chỉ hoạt động.

+ HV báo cáo kết quả. GV nhận xét, chốt đáp án đúng (B. học).

- Bài tập 2. Tìm từ ngữ gọi tên các đồ dùng học tập.

+ GV nêu yêu cầu hoặc 1 HV đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

+ HV làm việc theo nhóm: Tìm từ ngữ gọi tên các đồ dùng học tập

+ Một số HV báo cáo kết quả. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

(VD: sách, vở, bút, thước kẻ, hộp bút, ...).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện *Món quà quý nhất*

- GV nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Món quà quý nhất* .

- HV làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, tập kể lại câu chuyện.

- HV làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý (VD: lời kể có đầy đủ các chi tiết không, kể đã đúng trình tự câu chuyện không, nói đã thành câu chưa, dùng từ có hợp không?,...)
- HV kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:
 - + Về nội dung.
 - + Về cách diễn đạt

b) Cùng trao đổi về lợi ích của việc đọc sách

- HV trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu.
- GV giảng giải thêm về lợi ích của việc đọc sách (VD: nâng cao kiến thức, cải thiện sự tập trung và tăng cường tư duy, cải thiện trí nhớ, giải tỏa căng thẳng,...).
- GV nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết.

- GV hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn viết chính tả.
- GV nêu câu hỏi về cách trình bày bài viết chính tả; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu câu, trình bày đúng lời của người cha.
- HV nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- HV làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- GV nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- GV hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn viết chính tả.

b) Làm bài tập chính tả

- Bài tập phân biệt tr/ch.

- + GV nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- + HV làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + GV yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + GV mời HV chữa bài trước lớp.

(Đáp án: **tr**âu, **ch**ân, **ch**ẳng. Giải đố: con rùa)

- Bài tập phân biệt v/d.

- + GV nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- + HV làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

- + GV yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
 - + GV mời HV chữa bài trước lớp.
- (Đáp án: chỉ **d**ẫn, **v**ẫy chào, **v**iệc làm, **d**ễ dàng)

TIẾT 5

5. Hướng dẫn viết đoạn văn giới thiệu đồ vật

a) Quan sát tranh, nói tên một số đồ vật và nêu công dụng của chúng.

- GV nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: quan sát tranh, trao đổi về tên một số đồ vật và nêu công dụng của chúng.
- HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung (nếu cần)

b) Quan sát một đồ dùng học tập thường sử dụng, chọn từ ngữ thích hợp để ghi chép lại kết quả quan sát.

- GV nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- HV làm việc cá nhân: chọn một đồ dùng học tập thường sử dụng, chọn từ ngữ thích hợp để ghi chép lại kết quả quan sát dựa vào gợi ý.
- GV mời một số HV đọc kết quả quan sát trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 7.
- GV nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện kết quả quan sát đồ dùng học tập.
 - + Viết vào sổ tay một số lợi ích của việc đọc sách.
 - + Chuẩn bị Bài 8.

BÀI 8. TỤC NGỮ VỀ NGHỀ NGHIỆP (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Tục ngữ, thành ngữ về nghề nghiệp*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ; hiểu được ý nghĩa của các câu tục ngữ, thành ngữ về nghề nghiệp.

2. Luyện từ và câu:

- Từ chỉ hoạt động
- Câu nêu hoạt động

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa E, Ê và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 3 - 4 câu giới thiệu đồ vật.

4. Vận dụng: Viết vào sổ tay một số câu tục ngữ, thành ngữ về nghề nghiệp.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Mẫu chữ viết hoa / phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê.
- Thẻ từ ngữ và tranh phục vụ BT 1, 2 - Từ và câu (nếu có).

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1- 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Những người trong tranh đang làm gì ?
- Anh/chị biết những nghề nghiệp nào?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

GV tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- GV nêu từng câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Những câu tục ngữ, thành ngữ nào nói về kinh nghiệm trồng trọt? (Ăn kĩ no lâu, cày sâu lúa tốt./ Tốt giống, tốt má, tốt mạ, tốt lúa./ Lúa chiêm lấp ló đầu bờ - Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên./ Khoai đất lạ, mạ đất quen./ Ba tháng trồng cây không bằng một ngày trông quả).

(2) Câu tục ngữ, thành ngữ nào nói về việc tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp ổn định? (Một đồng một giỗ chẳng bỏ nghề đâu./ Ruộng bẻ bẻ không bằng nghề trong tay./ Một nghề cho chín còn hơn chín nghề./ Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh).

(3) Anh/chị thích nhất câu tục ngữ, thành ngữ nào? Vì sao? (HV trả lời theo ý hiểu).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Ý nghĩa câu tục ngữ “Một nghề cho chín còn hơn chín nghề”:

+ GV nêu yêu cầu hoặc 1 HV đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

+ HV thảo luận theo cặp.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng (Câu tục ngữ nói về về sự tu dưỡng nghề nghiệp, học nghề gì, làm việc gì cũng phải cho đến nơi đến chốn, cái đích hướng đến là sự thành đạt của bản thân, nghĩa gắn với câu “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”).

- BT 2. Tìm từ ngữ chỉ nghề nghiệp của những người được vẽ trong tranh:

+ GV nêu yêu cầu hoặc 1 HV đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

+ HV trao đổi theo nhóm.

+ Một số HV báo cáo kết quả; GV và cả lớp xác nhận kết quả (1. Công nhân; 2. Công an; 3. Nông dân; 4. Bác sĩ; 5. Lái xe; 6. Người bán hàng).

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu

a) Xếp các từ vào nhóm thích hợp

- HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ, từ đó xếp các từ vào nhóm thích hợp.

- HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

(Đáp án:

Nhóm 1. Từ ngữ chỉ sự vật: ruộng, khoai, cây, lúa.

Nhóm 2. Từ ngữ chỉ hoạt động: ăn, đi, làm việc, trồng, học, cày.

b) Nối từ ngữ để tạo thành câu nêu hoạt động.

- GV nêu nhiệm vụ: Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo thành câu nêu hoạt động.

- HV làm việc cá nhân (hoặc cặp).

- HV báo cáo kết quả trước lớp.
- GV nhận xét, chốt kết quả đúng:

Mặt trời toả ánh nắng rực rỡ lên cánh đồng làng.

Các bác nông dân đang cấy lúa trên cánh đồng.

Chú chim nhỏ hót líu lo trên cành cây cao.

c) Đặt câu nêu hoạt động

- GV giao nhiệm vụ: Đặt 1-2 câu nói về hoạt động ở lớp của anh/chị.
- HV làm việc cá nhân: Viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- GV nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- GV nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa E, Ê và câu ứng dụng (*Én bay thấp, mưa ngập bờ ao. Éch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.*)
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa E, Ê; hướng dẫn cách viết.
- GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê.
- HV làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- GV hướng dẫn viết câu ứng dụng:
Én bay thấp, mưa ngập bờ ao.
Éch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.
- GV nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- HV hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Thực hành viết đoạn văn tả đồ vật

a) Dựa vào kết quả quan sát ở tuần trước, viết đoạn văn theo yêu cầu

- HV đọc đề bài.
- GV nêu yêu cầu: Dựa vào kết quả quan sát ở tuần trước để viết đoạn văn giới thiệu đồ vật.

- HV viết đoạn văn vào vở.
- HV đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- HV sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- GV có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 8.
- GV nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn giới thiệu đồ vật.
 - + Viết vào sổ tay một số câu tục ngữ, thành ngữ về nghề nghiệp mà anh/chị yêu thích.
 - + Chuẩn bị Bài 9.

Bài 9. CHỊ LÝ LÀM GIÀU (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng trong bài (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Chị Lý làm giàu*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản, hiểu nội dung bài đọc: chị Lý đã có quyết tâm làm việc để gia đình có thu nhập và có cuộc sống tốt hơn.

2. Nói và nghe:

- Trình bày được suy nghĩ của bản thân về nghề nghiệp mình đang làm (hoặc nghề nghiệp mà mình yêu thích).
- Rèn kĩ năng nói và đáp lời cảm ơn.

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài thơ *Bài hát trồng cây* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng s / x.
- Viết được 2 – 3 câu nêu suy nghĩ về ý nghĩa câu chuyện “Người làm vườn và các con trai”.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phục vụ BT luyện tập gắn với văn bản đọc (nếu có).
- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ viết sẵn nội dung của BT chính tả 2, 3.

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1- 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Quan sát tranh và cho biết người phụ nữ trong tranh đang làm gì ?
- Kể về một vài việc làm của những người xung quanh để giúp gia đình có cuộc sống và thu nhập tốt hơn.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- GV hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu dài VD: *Mới chỉ qua 5 năm, / xung quanh nhà chị Lý đã có 8 mẫu cây lấy gỗ, / có gần 200 cây ăn quả xum xuê tươi tốt.*
- GV hướng dẫn HS luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

GV tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- GV nêu từng câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Gia đình chị Lý sinh sống ở đâu? (Gia đình chị Lý sống ở bản Nà Lừa miền núi Sơn Động).

(2). Chị Lý được cán bộ lâm nghiệp giúp đỡ làm gì? (Chị Lý được cán bộ lâm nghiệp giúp về kỹ thuật ương cây).

(3). Chị Lý đã trồng cây theo cách nào để mang lại hiệu quả kinh tế cao? (Chị Lý trồng cây theo cách nông lâm kết hợp. Trên đồi cao chị trồng cây lấy gỗ. Ở chỗ thấp, chị trồng cây ăn quả xen thêm rau, đậu).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ về cây cối.
- + GV nêu yêu cầu: Tìm từ ngữ phù hợp với mỗi nhóm từ (Nhóm 1: Cây lấy gỗ; Nhóm 2: Cây lương thực, thực phẩm)

- + HV thảo luận theo cặp.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến bổ sung; GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

- Nhóm 1. (Cây lấy gỗ): *xoan, lim, lát hoa, mun, thông, mỗ, trắc, gụ, ...*
- Nhóm 2. (Cây lương thực, thực phẩm): *lúa, ngô, khoai, sắn, lạc, đậu, đỗ, cà chua, su su,...*

- Bài tập 2. Viết 1 – 2 câu về việc anh/chị mong muốn làm để tăng thêm thu nhập.
- + GV nêu yêu cầu.
- + HV làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Chuẩn bị ý kiến để trình bày về nghề nghiệp mà mình đang làm (hoặc nghề nghiệp mà mình yêu thích)

- GV nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý, trả lời các câu hỏi về nghề nghiệp mà mình đang làm (hoặc nghề nghiệp mà mình yêu thích).
- HV làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý để chuẩn bị ý kiến (có thể ghi tóm tắt các ý vào vở nháp).
- HV trao đổi theo cặp.

b) Hỏi – đáp về nghề nghiệp

- Một số HV trao đổi trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- GV nhận xét, bổ sung.

c) Đóng vai, nói và đáp lời cảm ơn phù hợp với tình huống sau:

- HV làm việc theo cặp, đóng vai nói và đáp lời cảm ơn phù hợp với tình huống.
- Một số cặp trình bày kết quả đóng vai trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, điều chỉnh (nếu cần).

- GV lưu ý thêm HV về cách nói và đáp lời cảm ơn phù hợp tình huống giao tiếp.
- GV nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết.

- GV nêu yêu cầu nghe – viết.
- GV đọc mẫu 3 khổ thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại 3 khổ thơ trước lớp.
- GV hướng dẫn HS nắm nội dung 3 khổ thơ: cây xanh mang lại cho con người cái đẹp, ích lợi và hạnh phúc.
- GV hướng dẫn HV:
 - + Viết tên bài và mỗi dòng thơ cách lề vở khoảng 2 ô vuông lớn.
 - + Viết hoa chữ cái đầu bài và đầu mỗi dòng thơ; khổ thơ sau cách khổ thơ trước 1 dòng kẻ.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- HV làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- GV nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- GV hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn viết chính tả.

b) Làm bài tập chính tả

- Bài tập phân biệt s/x

- + GV nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- + HV làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + GV yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + GV mời HV chữa bài trước lớp.

(Đáp án: ngôi sao, xông xáo; sâu kim, chim sâu; sờ tay; xô số)

- Bài tập phân biệt dấu hỏi/dấu ngã

- + GV nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- + HV làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + GV yêu cầu HV viết các từ ngữ đúng chính tả vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + GV mời HV chữa bài trước lớp.

(Đáp án: chim sẻ, cái võng, bãi cỏ, con muỗi, cái chổi, ngã ba đường).

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc truyện *Người làm vườn và các con trai* và trả lời câu hỏi

- HV đọc yêu cầu của BT.
- HV làm bài cá nhân: Đọc thầm truyện *Người làm vườn và các con trai*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.
- HV trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

- | |
|---|
| <p>a. Người làm vườn đã dạy nghề cho các con bằng cách nào? (Trước khi mất, người làm vườn dặn dò con tìm kĩ vật giấu trong vườn; nhờ đào bới kĩ đất mà các con đã có một vụ mùa bội thu)</p> <p>b. Vì sao các con của người làm vườn trở nên giàu có? (Vì đào xới đất kĩ, vườn nho ra quả nhiều, các con của người làm vườn đã thu hoạch và bán được rất nhiều tiền và trở nên giàu có).</p> |
|---|

b) Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ về ý nghĩa của câu chuyện.

- GV giao nhiệm vụ.
- HV viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp
- GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- HV sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. Củng cố, dặn dò

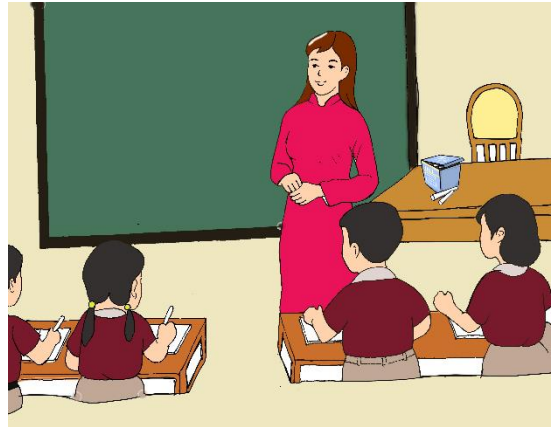
- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 9.
- GV nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nêu suy nghĩ về ý nghĩa câu chuyện *Người làm vườn và các con trai*.
 - + Chuẩn bị cho bài 10.

TÀI LIỆU HỌC TIẾNG VIỆT KÌ 3 (BÀI 1 – 9)

Chủ điểm: CUỘC SỐNG THƯỜNG NGÀY

Bài 1. GIEO NGÀY MỚI

ĐỌC



GIEO NGÀY MỚI

(Trích)

Sáng sớm dắt trâu ra đồng
Cha mong kịp ngày gieo hạt
Mẹ bắc gầu tát bên sông
Đợi gặt mùa vàng ấm áp.

Tùng nét phấn trên bục giảng
Gieo thành bao ước mơ xanh
Chồi non mỗi ngày vươn lớn
Cô gieo hoa trái ngọt lành.

Heo may gió mùa trở lạnh
Bà gom từng giọt nắng hồng
Dệt làm chiếc khăn thật ấm
Cháu quàng qua suốt ngày đông.

Bóng biết thương bà, thương mẹ
Yêu cô, yêu cả bầu trời
- A Bóng sẽ gieo ngày mới
Giòn tan bằng một chuỗi cười!
(BẢO NGỌC)



? 1. Bài thơ nhắc đến những ai? Công việc của mỗi người khi bước vào ngày mới là gì?

2. Mỗi người mong đợi điều gì từ những việc mình làm?

3. Nêu cảm nghĩ của bạn về công việc của mỗi người trong ngày mới?

4. Tác giả muốn nói điều gì qua nhan đề “Gieo ngày mới”?

Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nghề nhóm dưới đây.

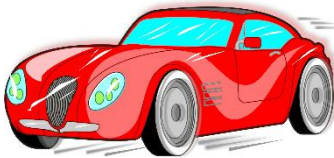
Nghề nông	Nghề dạy học	Nghề khác
M: gieo hạt	M: giảng bài	(...)

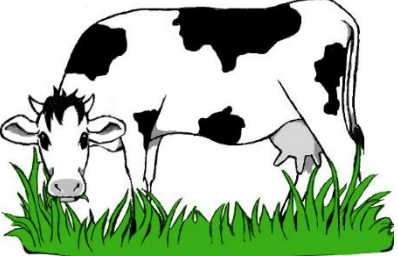
2. Đặt 2 – 3 câu nói về công việc mình yêu thích.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG CÂU GIỚI THIỆU, CÂU NÊU HOẠT ĐỘNG

1. Nhìn tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật (chỉ người hoặc vật) và từ ngữ chỉ hoạt động.

		
- nông dân - cấy lúa	- (...) - (...)	- (...) - (...)

		
- bò sữa - gặm cỏ	- (...) - (...)	- (...) - (...)

2. Dựa vào từ ngữ tìm được ở bài 1, đặt câu giới thiệu, câu nêu hoạt động phù hợp với mỗi tranh.

M:

Tranh 1.

Câu giới thiệu	M: Nông dân là những người làm ra lúa gạo.
Câu nêu hoạt động	M: Các cô bác nông dân đang cấy lúa.

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết 2 khổ thơ đầu bài *Gieo ngày mới*.

2. Chọn *l* hoặc *n* thay cho ô trống.

Tháng Ba Tây Nguyên

□ác đặc những sườn đồi
 Người dọn rẫy tía bắp
 Mây treo lủng□ ung trời
 Ong chẳng kịp nghỉ ngơi

Mãi miết say tìm mật
 Hương mùa tràn mặt đất
☐ ụ mầm bùng sinh sôi
 Hoa cà phê trắng muốt
☐ ở bung cả đất trời.
 Tháng ba đang vào hội
 Cho mẹ đất sinh sôi
 Cho buôn ☐ àng bận rộn
 Gieo vụ mùa tốt tươi.
 (Theo Đỗ Toàn Diện)

3. Chọn chữ thích hợp với ô trống

khác / khát	đôi ☐	☐ vọng	☐ biệt	☐ nước
chắc / chất	☐ chiu	☐ chấ	☐ nước	rắn ☐

VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU BẢN THÂN

1. Giới thiệu về bản thân theo 1 trong những tình huống dưới đây.

- Buổi đầu đến lớp gặp những người bạn mới.
- Tham gia một cuộc giao lưu giữa các lớp học hoặc các khoá học.

2. Viết lại lời giới thiệu về bản thân đã nói ở tình huống đã chọn ở bài 1.

G: Lời giới thiệu cần nêu họ tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích của mình.

Vận dụng

Viết giới thiệu về một người mà bạn yêu quý.

Bài 2. NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG

ĐỌC

NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG



Hải đăng hay đèn biển, là ngọn tháp được thiết kế để chiếu sáng bằng hệ thống đèn, giúp tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương. Chỉ cần nhìn thấy ánh sáng hải đăng, người đi biển sẽ cảm thấy yên tâm, không lo lạc đường.

Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng điện năng lượng mặt trời, nhưng khi năng lượng yếu thì phải lập tức thay thế bằng máy phát điện. Để những ngọn đèn chiếu sáng đêm đêm, **những người** canh giữ hải đăng phải thay phiên nhau kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên. Có những đêm mưa gió, **họ** phải buộc dây bảo hiểm quanh người, trèo lên đỉnh cột đèn xem xét. Bất kể ngày đêm, mưa nắng, trời yên biển lặng hay giông tố bão bùng, **họ luôn** sẵn sàng khắc phục mọi sự cố.

Ngọn đèn biển không bao giờ tắt trong đêm là nhờ công sức của những người canh giữ hải đăng. Với lòng yêu nghề, yêu biển đảo quê hương, họ đã vượt qua bao khó khăn, gian khổ nơi biển khơi xa vắng, góp sức mình bảo vệ vùng biển, vùng trời của Tổ quốc.

(Sơn Tùng)

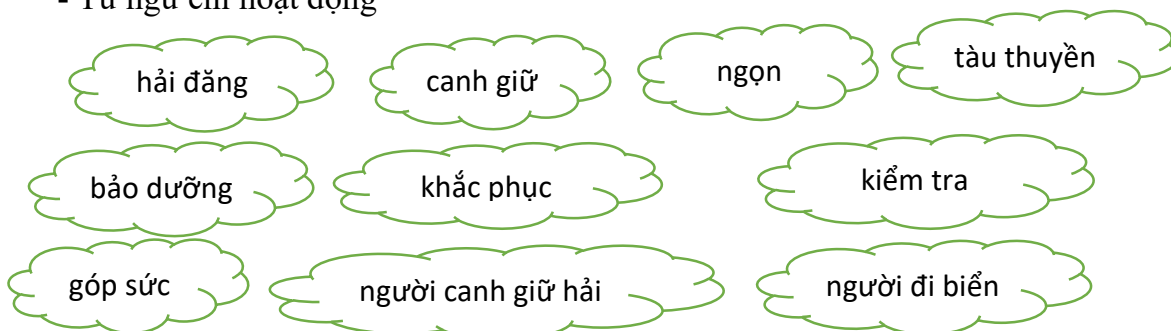
?

1. Những ngọn hải đăng trên biển có ý nghĩa gì đối với người đi biển?
2. Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng gì? Khi nào phải dùng máy phát điện để thắp sáng hải đăng?
3. Nhiệm vụ của những người canh giữ hải đăng là gì? Công việc đó vất vả, nguy hiểm thế nào?
4. Bạn có suy nghĩ gì về những người làm nhiệm vụ canh giữ hải đăng?

Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm:

- Từ ngữ chỉ sự vật
- Từ ngữ chỉ hoạt động



2. Sử dụng từ ngữ ở bài 1 để đặt câu:

- Câu giới thiệu.
 - Câu nêu đặc điểm.
-

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM CÂU NÊU ĐẶC ĐIỂM

1. Xếp các từ in đậm dưới đây vào nhóm thích hợp.

Nhà gấu ở trong rừng

Nhà gấu ở trong rừng. Mùa xuân, cả nhà gấu kéo nhau đi **bẻ** măng và **uống** mật ong. Mùa thu, gấu đi **nhặt** quả hạt dẻ. Gấu bố, gấu mẹ, gấu con cùng **béo** rung rinh, bước đi lạch lè, **lạch lè**. Béo đến nỗi khi mùa đông tới, suốt ba tháng **rét**, cả nhà gấu đứng **tránh** gió trong gốc cây, không cần đi kiếm ăn, chỉ mút hai bàn chân mỡ cũng đủ **no**.

(Tô Hoài)



Từ chỉ hoạt động

Từ chỉ đặc điểm

2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm theo các nhóm dưới đây.

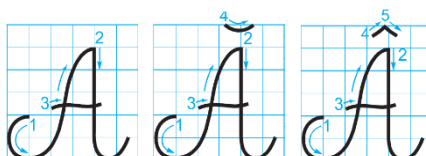
Từ ngữ chỉ màu sắc	Từ ngữ chỉ âm thanh	Từ ngữ chỉ hương vị	Từ ngữ chỉ hình dáng, kích thước
M: xanh, đỏ	M: róc rách	M: thơm ngát	M: to lớn

3. Đặt câu với từ ngữ chỉ đặc điểm tìm được ở bài 2

TẬP VIẾT

Chữ viết hoa A ã Â

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

Ánh trăng quê
Khúc hát đồng dao
Cánh diều bay lượn.
(Vũ Tam Huê)

VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU BẢN THÂN

1. Giới thiệu về bản thân trong lần đầu gặp những người hàng xóm tại nơi ở mới.



2. Viết lại lời giới thiệu về bản thân đã nói ở tình huống ở bài 1.

Vận dụng: Viết giới thiệu về một người hàng xóm.

Bài 3. NGÀY NHƯ THẾ NÀO LÀ ĐẸP?

ĐỌC

Ngày như thế nào là đẹp?



Châu Chấu nhảy lên gò đất, chìa cái lưng màu xanh ra phơi nắng. Nó búng chân tanh tách, cọ giữa đôi càng:

- Một ngày tuyệt đẹp!

- Thật khó chịu! – Giun Đất thốt lên, cố rúc đầu sâu thêm vào lớp đất khô.

- Thế là thế nào? – Châu Chấu nhảy lên. – Trên trời không một gợn mây, mặt trời toả nắng huy hoàng.

- Không! Mưa bụi và những vũng nước đục, đó mới là một ngày tuyệt đẹp!

- Giun Đất cãi lại.

Châu Chấu không đồng ý với Giun Đất. Chúng quyết định đi hỏi. Vừa hay lúc đó, Kiến tha nhánh lá thông đi qua, dừng lại nghỉ. Châu Chấu hỏi Kiến:

- Bác Kiến ơi, bác hãy nói giúp xem hôm nay là một ngày tuyệt đẹp hay đáng ghét?

Kiến lau mồ hôi, ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

- Tôi sẽ trả lời câu hỏi của các bạn sau khi mặt trời lặn nhé!

Mặt trời lặn, chúng đi đến tổ kiến.

- Hôm nay là ngày thế nào hả bác kiến đáng kính?

- Hôm nay là một ngày tuyệt đẹp! Tôi đã làm việc rất tốt và bây giờ có thể nghỉ ngơi thoải mái.

(V.Ô-xê-ê-va, Thúy Toàn dịch)

? 1. Châu chấu và giun đất tranh luận với nhau về điều gì?

2. Ý kiến của châu châu và giun đất khác nhau thế nào?
3. Vì sao châu châu và giun đất đi hỏi bác kiến?
4. Theo bạn, bác kiến đã giúp châu châu và giun đất hiểu điều gì?

Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm:

- Từ ngữ chỉ hoạt động
- Từ ngữ chỉ đặc điểm



1. Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong bài **Ngày như thế nào là đẹp?**

NÓI VÀ NGHE

MỘT NGÀY CỦA TÔI

1. Chuẩn bị ý kiến để trình bày.

G:

- a) Kể về các việc bạn thường làm mỗi ngày.
- b) Suy nghĩ, cảm xúc của bạn sau mỗi ngày làm việc.
- c) Mong ước của bạn cho ngày làm việc tiếp theo.

2. Chia sẻ về ước mơ của mình.

G:

- Làm việc nhóm, lần lượt từng người trình bày ý kiến của mình.
- Chú ý trình bày mạch lạc những điều mình muốn nói..

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết: Ngọn hải đăng (Từ *Ngọn đèn biển* không bao giờ tắt đến hết).

2. Chọn chữ thích hợp với ô trống

a)

se / xe	☐ đạp	☐ lạnh	☐ sợi	☐ máy
sâu / xâu	☐ kim	☐ bọ	☐ sắc	☐ chuỗi

b)

than / thang	lang ☐	cầu ☐	☐ văn	mỏ ☐
trăn / trắng	con ☐	☐ trở	ánh ☐	vàng ☐

3. Tìm từ ngữ:

a) Từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng s hoặc x.

a) Từ ngữ chứa tiếng có âm cuối n hoặc ng.

ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc bài thơ dưới đây và trả lời câu hỏi:

Mùa chim Mùa gặt chim bay về Lượn theo vòng lưỡi hái Tìm hạt lép trong rom Nhặt hạt vàng rơi vãi. Chú chìa vôi nhóng nhánh Nhúng đuôi xuống lá trầu Chim khách chừng muốn tránh Trước lời mời không đâu. Từng đàn sẻ rủ nhau Cò bước từng bước một Cu gáy thì sột ruột Tiếng vọng gần vọng xa.	Tre vít võng la đà Lo cho chim chỗ trọ Tu hú còn dang dở Rủ sáo về cảnh đa. Mùa chim rộn đồng ta Bay về theo mùa gặt Nhặt những gì bỏ sót Sau no ấm mùa màng. (Nguyễn Ngọc Phú)
--	---

? a. Cảnh mùa gặt hiện ra như thế nào?

b. Vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ là “Mùa chim”?

2. Viết 2 – 3 câu về niềm vui của con người trong mùa gặt.

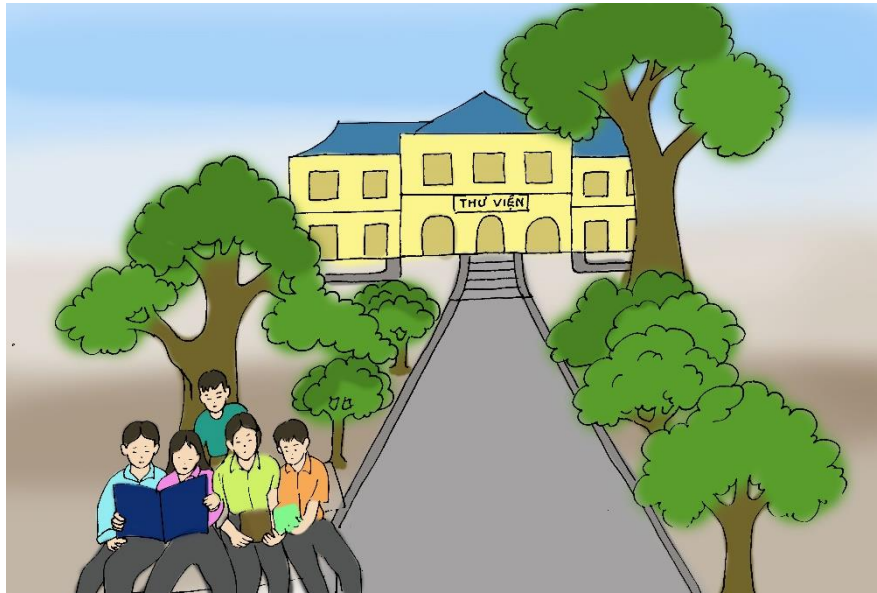
Vận dụng: Lập kế hoạch những việc cần làm trong tuần, trong tháng hoặc trong năm.

Chủ điểm: NHỮNG BÀI HỌC TRONG TRANG SÁCH

Bài 4. VƯỜN TRONG THƯ VIỆN

ĐỌC

Vườn trong thư viện
(Trích)



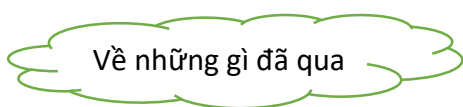
Khu vườn vàng trong tiếng ve trưa
Trang sách mở dưới vòm cây râm mát
Con đường chạy về xa tít tắp
Bầu trời trong quang mây

Trang sách ngợi ca về những bàn tay
Những kiến trúc đã hoàn thành,
những công trình còn dang dở
Mùi vôi vữa say nồng, giọt mồ hôi đã đổ
Tiếng hát nào như thoáng đâu đây

Trang sách nói về những chuyện mai sau
Những dự định. Bao điều chưa hiểu hết
Phương trời lạ, cát vàng, gió biển
Con tàu đi quyết liệt giữa mưa dông

Những con đường đang gọi ta kia
Từ trang sách, khu vườn này đã mở...
(Xuân Quỳnh)

- ? 1. Cảnh vật của khu vườn trong thư viện được tả như thế nào?
 2. Người đến thư viện đọc sách cảm nhận được những điều gì từ những trang sách đã đọc?



3. Theo bạn, nhà thơ muốn nói gì qua hai dòng thơ “Những con đường đang gọi ta kia/ Từ trang sách, khu vườn này đã mở...”?
 4. Nêu suy nghĩ của anh chị về những những trang sách có ý nghĩa đối với mình.

Logo luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nhóm dưới đây.

Từ ngữ chỉ đồ vật trong thư viện	Từ ngữ chỉ hoạt động trong thư viện	Từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật trong thư viện
M: sách	M: đọc sách	M: (sách) hay

2. Đặt 2 – 3 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG, ĐẶC ĐIỂM CÂU NÊU HOẠT ĐỘNG, CÂU NÊU ĐẶC ĐIỂM

1. Xếp các từ ngữ in đậm trong đoạn dưới đây vào 3 nhóm: từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.

Khi **quay trở lại** trường sau **kì nghỉ**, các bạn nhỏ **hò reo** vui sướng vì **phát hiện** ra một điều **tuyệt vời**. Đối diện với dãy **lớp học**, một căn phòng **mới** đã biến thành **thư viện**. Bên trong **căn phòng** có rất **nhiều** giá chất **đầy** những quyển sách **đủ** màu sắc. **Thầy hiệu trưởng** nói:

– Đây là thư viện của các em. Các em có thể **đọc** bất kì **quyển sách** nào có ở đây. Cứ **thoải mái** vào thư viện khi nào thấy thích. Nếu muốn, các em có thể **mượn** sách về nhà đọc. Nhưng đọc xong thì phải **trả lại** nhé

Từ hôm đó, bạn nào **đến trường** cũng háo hức **ghé vào** thư viện. Ai cũng vui lắm.

(Theo Tốt-tô-chan, cô bé bên cửa sổ)

2. Ghép từ ngữ ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B.

A

Thư viện

Chúng tôi

Phòng đọc sách

B

rất rộng.

là nơi có rất nhiều sách báo.

đến thư viện để đọc sách.

3. Mỗi câu em ghép được ở bài 2 thuộc kiểu câu nào?

Câu giới thiệu

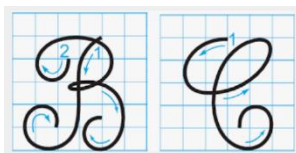
Câu nêu đặc điểm

Câu nêu hoạt động

VIẾT

Chữ viết hoa B C

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

Con cò bay lả bay la

Bay từ cửa phủ bay ra cánh đồng.

Chân trời, thảm lúa mênh mông

Cò bay mỗi cánh sao không thấy bờ?

(Ca dao)

VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU BẢN THÂN

1. Nói về ước mơ của bản thân.

G:

- Bạn có ước mơ gì (về công việc, nghề nghiệp, điều kiện vật chất, đời sống tinh thần,...)?

- Vì sao bạn ước mơ điều đó?
- Bạn nghĩ mình cần làm gì để ước mơ đó có thể trở thành hiện thực?

2. Viết lại điều bạn đã nói thành một đoạn văn ngắn

Vận dụng: Chia sẻ ước mơ của mình với người thân hoặc lập kế hoạch để có thể biến ước mơ thành hiện thực.

Bài 5. THẦY GIÁO CỦA TÔI

ĐỌC

Thầy giáo của tôi



Thầy giáo của chúng tôi rất trẻ. Thầy chỉ ngoài hai mươi tuổi. Ấn tượng nhất đối với chúng tôi là những lần nghe thầy kể chuyện.

Tuổi ấu thơ, ai mà chẳng được ông bà, bố mẹ hay người thân kể cho nghe những câu chuyện cổ tích ngày xưa ngày xưa. “Tấm Cám và Sọ Dừa”, “Sự tích trầu cau”, “Bánh chưng, bánh giầy”, “Sơn Tinh, Thủy Tinh”,... được nghe nhiều lần khiến chúng tôi thuộc lòng. Những câu chuyện của thầy hoàn toàn khác. Thầy kể cho chúng tôi nghe cuộc phiêu lưu của chú lính chì và mối tình của chú với cô vũ nữ ba-lê xinh đẹp, chuyện tình yêu cao thượng của nàng tiên cá với chàng hoàng tử điển trai, chuyện cô bé bán diêm đáng thương trong đêm Noel giá rét... của nhà văn An-đéc-xen, rồi “Cánh bướm đỏ thắm” của nhà văn A-lếch-xan Grin... Thầy như viên thuyền trưởng lái con tàu lênh đênh trên sóng nước, chở chúng tôi tới những miền đất hoàn toàn xa lạ...

Lời thầy kể thấm vào tâm hồn chúng tôi mỗi ngày, thấp lèn trong chúng tôi khát khao khám phá những chân trời mới xa xôi.

(Theo Phương Trung)

?

1. Được học thầy, bạn nhỏ ấn tượng nhất điều gì?
2. Những câu chuyện thầy kể có gì khác so với những câu chuyện bạn nhỏ đã được nghe?
3. Những chi tiết nào trong bài cho thấy bạn nhỏ biết ơn thầy giáo của mình?

4. Theo bạn, những câu chuyện được đọc, được nghe có ý nghĩa như thế nào đối với chúng ta?

Logo luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ chỉ đặc điểm trong mỗi câu dưới đây:

- a) Thầy giáo của chúng tôi rất trẻ.
- b) Những câu chuyện của thầy hoàn toàn khác.
- c) Lời thầy kể thấm vào tâm hồn chúng tôi mỗi ngày, thấp lên trong chúng tôi khát khao khám phá những chân trời mới xa xôi.

2. Trong 3 câu ở bài tập 1, những câu nào là câu nêu đặc điểm.

LUYỆN TẬP

**CÂU KỂ
DẤU CHẤM**

1. Các câu dưới đây được gọi là câu kể. Xếp các câu kể vào nhóm thích hợp.

(1) Tôi mua cuốn “Truyện cổ tích Việt Nam” từ hồi còn nhỏ. (2) Cuốn truyện khá dày. (3) Câu chuyện nào trong đó cũng hay. (4) Tôi đã đọc đi đọc lại mà không thấy chán. (5) Những ông bụt, bà tiên trong các câu chuyện luôn phù hộ độ trì cho người có hoàn cảnh đáng thương. (6) Truyện cổ tích là vương quốc của lòng nhân ái.

(Theo Hồng Ngọc)

Câu giới thiệu

Câu nêu hoạt động

Câu nêu đặc điểm

2. Dòng dưới đây nêu đúng mục đích sử dụng câu kể.

- ☐ Dùng để hỏi về điều chưa biết, cuối câu có dấu chấm hỏi.
- ☐ Dùng để kể, tả, giới thiệu, cuối câu có dấu chấm.
- ☐ Dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, cuối câu có dấu chấm than.

3. Đặt 2 – 3 câu kể nói về một cuốn sách bạn đã đọc.

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết: *Thầy giáo của tôi* (Từ *Thầy như viên thuyền trưởng* đến hết).

2. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho *ô* vuông.

Em nghe thầy đọc bao ngày
Tiếng thơ đỏ nắng xanh cây quanh nhà
Mái èo nghiêng mặt sông xa
Êm êm như tiếng của bà năm xưa
Nghe ăng thở động tàu dừa
Rì rào nghe uyển cơn mưa giữa ời.

(Theo Trần Đăng Khoa)

3. Chọn dấu hỏi hay dấu ngã cho chữ in đậm?

Vào **nhưng** ngày mùa đông mưa phùn gió bắc, với tôi không gì thú hơn là nằm cuộn tròn trong chăn đọc truyện... Một lần, tôi vớ được một tập truyện đọc không dứt ra được. Có **nhưng** truyện khiến tôi thương **cam** **chay** nước mắt. Lại có **ca** **nhưng** truyện vừa đọc vừa rúc rích cười một mình.

(Theo Trần Đức Tiến)

VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT THÔNG BÁO

1. Đọc thông báo dưới đây và thực hiện yêu cầu.

THÔNG BÁO NHẬN THẺ THƯ VIỆN

Thư viện Trung tâm Thành phố tặng thẻ thư viện cho các bạn học sinh, sinh viên đang học tập tại thành phố.

Thời gian nhận thẻ cụ thể như sau:

- 14h - 20h30, thứ 2-6 hàng tuần

- 8h - 15h30 thứ 7 & CN hàng tuần

Địa điểm nhận thẻ: Thư viện Trung tâm Thành phố

Lưu ý: Khi đi nhận thẻ, vui lòng mang theo thẻ học sinh, sinh viên.

Trân trọng.

THƯ VIỆN TRUNG TÂM THÀNH PHỐ

a) Thư viện Trung tâm Thành phố thông báo điều gì?

b) Những đối tượng nào được Thư viện tặng thẻ đọc sách?

c) Thời gian, địa điểm nhận thẻ được thông báo thế nào?

2. Viết thông báo theo một trong các nội dung sau:

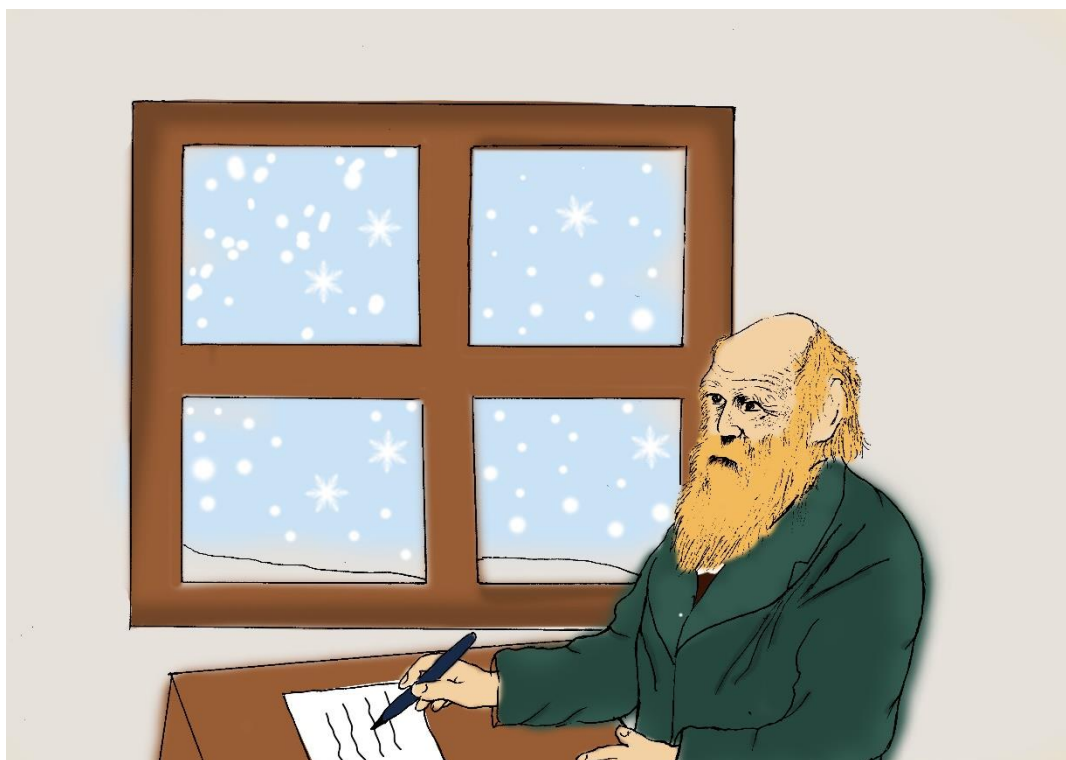
- Thông báo về việc thành lập một câu lạc bộ
- Thông báo mời đăng kí tham gia một chuyến dã ngoại
- Thông báo đăng kí tham gia hoạt động thiện nguyện

Vận dụng: Tìm đọc một số bản thông báo trên mạng internet.

Bài 6. NHÀ BÁC HỌC KHÔNG NGỪNG HỌC

ĐỌC

NHÀ BÁC HỌC KHÔNG NGỪNG HỌC



Sác-lơ Đác-uyn (1809 – 1882) là nhà sinh học, địa chất học, tự nhiên học nổi tiếng người Anh. Ông là tấm gương sáng về quyết tâm theo đuổi đam mê, nỗ lực vượt qua khó khăn để cống hiến cho khoa học, và đặc biệt là tinh thần không ngừng học, dù đã đứng trên đỉnh cao tri thức và danh vọng.

Chuyện kể rằng, vào một đêm mùa đông, thời tiết lạnh giá, khi mọi người đã ngủ say, con của Đác-uyn chợt thức giấc và thấy phòng cha mình vẫn sáng đèn. Người con ngạc nhiên bước lại gần, thấy cha đang cặm cụi bên tập tài liệu,

liền hỏi: "Cha đã là nhà bác học rồi, còn phải ngày đêm nghiên cứu làm gì cho mệt?". Đắc-uyn mỉm cười và trả lời con: "Bác học không có nghĩa là ngừng học con ạ".

Khi tuổi đã cao, sức đã yếu, Đắc-uyn vẫn còn học thêm tiếng Đức, một ngôn ngữ tương đối khó. Một lần, vì thương cha, người con ngỏ ý muốn dịch giúp ông những tài liệu tiếng Đức. Nhưng ông gạt đi và nói: "Cha muốn tự mình đọc được những tài liệu này."

Về sau, ông đã đọc, viết thông thạo tiếng Đức và nhiều thứ tiếng khác nữa.

(Theo Lưu Hồng Hà)

?

1. Sác-lơ Đắc-uyn là ai?
2. Chi tiết nào trong câu chuyện khiến bạn ấn tượng nhất?
3. Bạn mong muốn học tập nhà bác học Sác-lơ Đắc-uyn ở phẩm chất nào?

- ☐ quyết tâm theo đuổi đam mê
- ☐ nỗ lực vượt qua khó khăn
- ☐ cống hiến cho khoa học
- ☐ tinh thần không ngừng học hỏi

4. Nêu cảm nghĩ của bạn sau khi đọc câu chuyện.

Logo luyện tập gắn với bài đọc:

1. Những câu nào dưới đây là câu kể?

- a) Sác-lơ Đắc-uyn (1809 – 1882) là nhà sinh học, địa chất học, tự nhiên học nổi tiếng người Anh.
- b) Cha đã là nhà bác học rồi, còn phải ngày đêm nghiên cứu làm gì cho mệt?
- c) Khi tuổi đã cao, sức đã yếu, Đắc-uyn vẫn còn học thêm tiếng Đức, một ngôn ngữ tương đối khó.

2. Đặt 1 – 2 câu kể nói về việc học tập của mình.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện NHÀ BÁC HỌC KHÔNG NGỪNG HỌC

1. Chuẩn bị.

G:

- a) Đác-uyn đã làm việc như thế nào?
- b) Con của Đác-uyn đã nói gì khi thấy cha mình ngày đêm miệt mài nghiên cứu?
- c) Đác-uyn đã nói gì với con?
- d) Những việc làm nào của Đác-uyn cho thấy ông không ngừng học tập?

2. Kể chuyện.

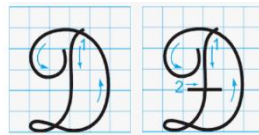
G:

- Khi kể, cần phân biệt rõ lời nói của nhân vật với lời người kể chuyện.
 - Nên kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tạo sự cuốn hút đối với người nghe.
-

TẬP VIẾT

Chữ viết hoa D Đ

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

Hè chuyển vào thu

Đều hiu mặt hồ

Đóa sen nở sót.

(Phương Trung)

ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc bài thơ dưới đây và trả lời câu hỏi:

Cô giáo về bản

Bản em trên đồi cao
Suối bò men dốc núi
Gió bên thung rì rào
Hát gọi mùa com mới.

Một ngày hoa ban nở
Nhuộm tím cả đồi nương
Cô giáo về với bản
Mang theo gùi chữ thơm.

Tay cô mềm như mạ
Gieo chữ qua cổng trời
Bản làng vui mở hội
Nghe xôn xao gió cười.



Lớp học lưng chừng núi
Chữ lẩn vào chân mây
Bốn mùa cô gieo chữ
Em học bao điều hay.

(Bảo Ngọc)

? a. Cô giáo về bản vào một ngày như thế nào?

b. Những chi tiết nào thể hiện tình cảm của bản làng đối với cô giáo?

2. Viết 2 – 3 câu nói về ý nghĩa của việc học tập.

Vận dụng: Đọc bài thơ cho người thân nghe.

Bài 7. NGHỀ DỆT THỎ CẨM Ở XÓM CHIỀNG

ĐỌC

NGHỀ DỆT THỎ CẨM Ở XÓM CHIỀNG



Hầu hết người dân xóm Chiềng là người Mường. Trải qua nhiều thế hệ, họ vẫn lưu giữ được nghề dệt thổ cẩm có từ lâu đời.

Để dệt vải thổ cẩm, cần nhiều công đoạn: thu hoạch bông, phơi khô, bỏ hạt và cán bông, ép bông thành con, kéo bông thành sợi. Sợi bông được hồ, phơi khô rồi xe thành ống. Hoàn tất các khâu chuẩn bị mới đến công đoạn dệt.

Thổ cẩm của người Mường có màu xanh của cây cỏ, màu đỏ, màu vàng của hoa rừng. Hoa văn thổ cẩm của người Mường không cầu kì nhưng rất tươi sáng, mang đặc trưng của rừng núi. Chất vải mềm, mịn, nhẹ, rất bền, không phai màu.

Năm 2008, xóm Chiềng được công nhận là làng nghề dệt thổ cẩm. Mặc dù ngày nay có nhiều sản phẩm dệt may công nghiệp mẫu mã bắt mắt nhưng sản phẩm thổ cẩm làng Chiềng vẫn được du khách tìm mua bởi vẻ đẹp độc đáo hiếm có. Có thể nói thổ cẩm đã góp phần giúp người dân nơi đây giảm nghèo và lưu giữ giá trị truyền thống của dân tộc.

(Theo KHÁNH TRANG)

Từ ngữ:

- *Xóm Chiềng*: một xóm thuộc xã Kim Thượng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

?

1. Theo bài đọc, cần chuẩn bị những gì để có sợi dệt thổ cẩm?
2. Thổ cẩm của người Mường có gì đặc biệt?
3. Vì sao ngày nay có nhiều loại hàng hóa dệt may công nghiệp nhưng khách du lịch vẫn tìm mua sản phẩm thổ cẩm?
4. Bạn suy nghĩ gì về việc duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống?

Logo luyện tập gắn với bài đọc:

1. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nhóm dưới đây:

Nghề nghiệp (công việc)	Hoạt động nghề nghiệp (công việc cần thực hiện)	Phẩm chất của người làm việc
dệt thổ cẩm,...	thu hoạch bông, phơi bông, ...	cẩn thận, khéo léo, ...

2. Đặt 2 – 3 câu nói về một nghề (hoặc một công việc).

LUYỆN TẬP

CÂU HỎI, DẤU CHẤM HỎI

1. Hỏi đáp về nội dung thông báo dưới đây:

Thông báo về việc mở lớp dạy nghề ngắn hạn

Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Phú tổ chức lớp dạy kỹ thuật chế biến món ăn.

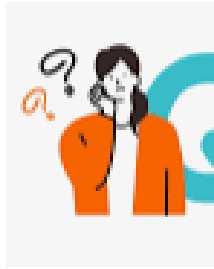
- **Thời gian học:** 3 tháng.
 - **Thời gian mở lớp:** Ngày 15 hằng tháng, khi đủ 30 người đăng kí học.
 - **Đối tượng tuyển sinh:** Công dân trong xã từ 15 đến 55 tuổi (đối với nữ) hoặc 60 tuổi (đối với nam).
 - **Học phí:** Miễn phí.
 - **Thời gian đăng kí học:** Từ ngày 18 tháng 3 năm 2019.
 - **Địa điểm đăng kí học:** Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú.
- Mời các đồng chí đoàn viên trong chi đoàn đăng kí tham gia học nghề.

Quảng Phú, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Người thông báo: Nguyễn Tiến Nam (Bí thư chi đoàn)

Trung tâm học tập cộng đồng tổ chức lớp dạy gì?

M:



Trung tâm học tập cộng đồng tổ chức lớp dạy kỹ thuật chế biến món ăn.



2. Viết lại 1 câu hỏi và 1 câu trả lời theo nội dung hỏi – đáp ở bài tập 1.

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết:

Trước cổng trời

(Trích)

Những vật nướng màu mật
Lúa chín ngập lòng thung
Và tiếng nhạc ngựa rung
Suốt triền rừng hoang dã
Người Tày từ khắp ngã
Đi gặt lúa, trồng rau
Những người Giáy, người Dao
Đi tìm măng, hái nấm
Vật áo chàm thấp thoáng
Nhuộm xanh cả nắng chiều
Và gió thổi, suối reo
Âm giữa rừng sương giá.

NGUYỄN ĐÌNH ANH

(2). Chọn chữ **r**, **d** hoặc **gi** thay cho ô trống

Với người Tây Nguyên, trong số các vật đan, gùi là vật □ùng “vạn năng”. Gùi □ùng để đi □ầy, đi □ùng, đi lấy nước, đi chợ và để đựng quần áo, lúa gạo,... Cứ □a khỏi nhà là người □ân bản ở Tây Nguyên mang gùi trên lưng. Hình ảnh người đeo gùi trở thành hình ảnh đặc trưng trên vùng đất cao nguyên nhiều nắng □ó này.

Theo *Kon Tum đất nước con người*

(3) Tìm 4 cặp tiếng có nghĩa, chỉ khác nhau ở chữ **v** hoặc **d**.

M: vừa – dũa

VIẾT ĐOẠN, BÀI

VIẾT BẢN TIN

Yêu cầu: Viết một bản tin giới thiệu một sự kiện hoặc một địa phương.

1. Trao đổi về bản tin dưới đây:

BẢN TIN

Xã Quảng Phú tổ chức lớp dạy kỹ thuật chế biến món ăn

Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Phú (huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế) tổ chức dạy kỹ thuật chế biến món ăn. Khóa học sẽ kéo dài trong 3 tháng. Lớp học được tổ chức vào ngày 15 hằng tháng, khi đủ 30 người đăng ký học. Tất cả công dân xã Quảng Phú từ 15 đến 55 tuổi (đối với nữ) hoặc 60 tuổi (đối với nam) đều có thể đăng ký để được học miễn phí. Địa điểm đăng ký học: Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú. Thời gian đăng ký: từ ngày 13 tháng 8 năm 2019.

- a) Bản tin trên đây thông báo tin gì?
- b) Bản tin cho bạn biết những thông tin cụ thể gì về lớp dạy kỹ thuật chế biến món ăn?

2. Hãy viết bản tin ngắn giới thiệu nghề dệt thổ cẩm ở xóm Chiềng.

G:

- Xóm Chiềng được công nhận là làng nghề từ khi nào?
- Thổ cẩm của người Mường có gì đặc biệt?
- Vì sao nhiều người tìm đến mua sản phẩm thổ cẩm của xóm Chiềng?
- Việc duy trì nghề dệt thổ cẩm truyền thống ở xóm Chiềng có ý nghĩa như thế nào đối với việc phát triển kinh tế và gìn giữ văn hoá dân tộc Mường?

Vận dụng

Tìm hiểu và giới thiệu một nghề sản xuất hoặc một sản phẩm kinh doanh ở địa phương bạn.

Bài 8. ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

ĐỌC

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

(Trích)



Mặt Trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gỗ thuyền đã có nhịp trăng cao,
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vảy bạc đuôi vàng lóe rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời,
Mặt trời đội biển nhô màu mới,
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

HUY CẬN

Từ ngữ:

- *Thoi*: bộ phận của khung cửi hay máy dệt để luồn sợi trong khi dệt vải.

? 1. Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc nào và trở về vào lúc nào? Những câu thơ nào cho biết điều đó?

2. Tìm những hình ảnh khắc hoạ nên vẻ đẹp huy hoàng, thơ mộng của thiên nhiên.

3. Vẻ đẹp tươi vui, khoẻ khoắn của những người đánh cá được thể hiện qua những hình ảnh nào?

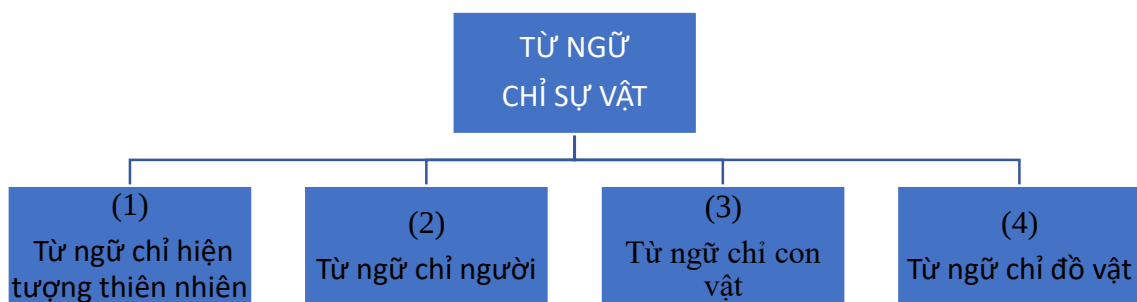
4. Bài thơ cho thấy những người đánh cá có tình cảm như thế nào với công việc của mình?

* Học thuộc những khổ thơ mà bạn thích.

Luyện tập gắn với bài đọc:**1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm:**

- Từ ngữ chỉ sự vật
- Từ ngữ chỉ hoạt động

**2. Xếp các từ ngữ chỉ sự vật thành 4 nhóm:**



LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ CÂU KỂ, CÂU HỎI

1. Tìm trong bài dưới đây 1 câu kể và 1 câu hỏi.

Vay vốn làm VAC

Chị Na **rất lo lắng khi cầm giấy báo đồ đại học cho con**. Chị nhẩm tính: “Có ba sào ruộng khoán với hai sào vườn tạp, lấy gì mà nuôi con ăn học đây?”.

Được Chi hội trưởng Phụ nữ gợi ý, chị Na viết đơn vay vốn **để làm VAC**. Vợ chồng chị **bàn nhau bố trí vườn, ao chuồng cho thật hợp lí**. Chuồng thả lợn nái, ao gột cá giống, vườn trồng vài thiêu xen với rau, đậu. Nhờ tích cực làm VAC, thu nhập của gia đình chị Na tăng lên trông thấy.

Bà con lối xóm khen, chồng chị tự hào nói: “**Tôi** chỉ biết bỏ sức ra làm, còn **vợ tôi** tính toán cả đấy!”.

Theo *Tài liệu Xóa mù chữ Tiếng Việt 1 – 2017*

2. Đặt và trả lời câu hỏi cho bộ phận câu in đậm trong bài đọc.

3. Viết lại một câu hỏi, một câu đáp (câu kể) trong bài tập 2.

VIẾT

Chữ viết hoa E Ê

1. Viết chữ hoa



2. Viết ứng dụng

Ước gì em hoá thành mây
Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm.
(Thanh Hào)

VIẾT ĐOẠN, BÀI

ĐIỀN THÔNG TIN VÀO TỜ KHAI IN SẴN

1. Chọn thông tin phù hợp (cho sẵn) thay vào chỗ trống trong mẫu đơn đăng kí học nghề dưới đây.

Người viết đơn: Nguyễn Văn Minh, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2000.

Nơi nhận đơn: Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú.

Nơi ở của người viết đơn: Xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mục đích viết đơn: Đăng kí tham gia khóa học kĩ thuật chế biến món ăn do Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Phú tổ chức.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Phú, ngày 10 tháng 4 năm 2019

ĐƠN ĐĂNG KÍ HỌC NGHỀ

Kính gửi:

Tôi tên là: Nam (nữ): Nam

Sinh ngày

Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú: Xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi ở hiện nay:

Tôi làm đơn này đăng kí tham gia khóa học do Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Phú tổ chức.

Tôi xin hứa sẽ tuân thủ nghiêm túc các quy định của lớp học.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Người làm đơn

Nguyễn Văn Minh

2. Giả sử bạn đi học tập (hoặc công tác, thăm người thân,...) ở địa phương khác, cần phải đăng kí tạm trú. Bạn hãy viết đơn xin xác nhận tạm trú theo mẫu dưới đây:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- ..., ngày ... tháng ... năm 20... ĐƠN XIN XÁC NHẬN TẠM TRÚ Kính gửi: Công an xã/ phường/ thị trấn Tôi tên là: Ngày sinh: Số CMND:..... Cấp tại:..... Ngày:..... Địa chỉ thường trú: Nay tôi làm đơn này kính xin Công an xã/ phường/ thị trấn xác nhận cho tôi đã tạm trú tại địa chỉ từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... Lí do:..... Trong thời gian tạm trú tại tôi xin hứa thực hiện tốt các nội quy, quy định về an ninh trật tự của địa phương. Nếu tôi vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm. Tôi xin chân thành cảm ơn! Xác nhận của Công an xã/phường/thị trấn Người làm đơn	
--	--

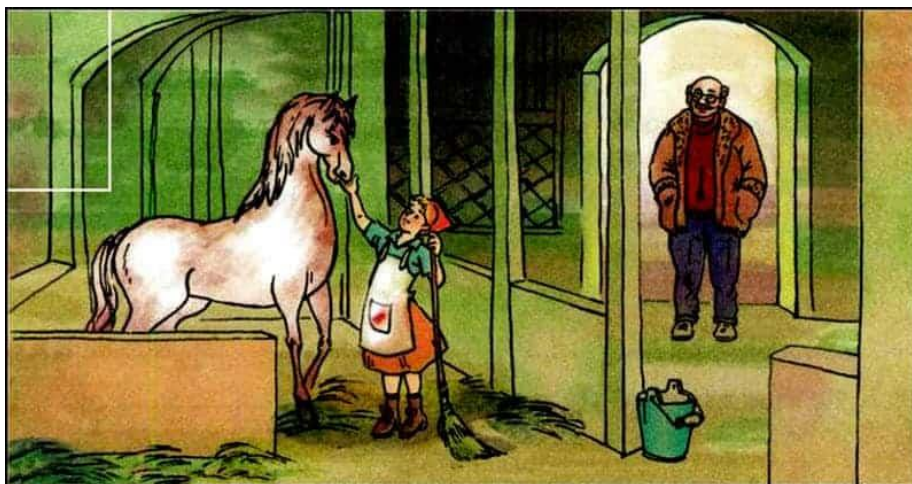
Vận dụng

Tải mẫu *Bản đăng kí tham gia thi đua xây dựng danh hiệu gia đình văn hoá* trên mạng in-tơ-nét, sau đó điền thông tin phù hợp vào chỗ trống trên mẫu để hoàn thành bản đăng kí của gia đình bạn.

Bài 9. VÀO NGHỀ

ĐỌC

VÀO NGHỀ



Hè năm ấy, Va-li-a được bố mẹ cho đi xem xiếc. Em thích nhất tiết mục “Cô gái phi ngựa, đánh đàn”. Va-li-a nghĩ: “Cô ấy xinh đẹp và dũng cảm thật”. Và em mơ ước trở thành diễn viên biểu diễn tiết mục ấy.

Dịp may đã đến. Rạp xiếc cần tuyển diễn viên, Va-li-a xin bố mẹ ghi tên học. Em gặp ông giám đốc và nói:

- Xin bác nhận cho cháu vào học tiết mục “Phi ngựa đánh đàn”.
- Được! Ông giám đốc nhìn em cười. – Thế cháu biết phi ngựa chưa?
- Chưa, nhưng cháu rất thích và sẽ học được.
- Tốt, bây giờ cháu cầm cái chổi kia theo bác.

Va-li-a theo ông giám đốc ra chuồng ngựa. Ông giám đốc nói:

- Việc trước tiên của cháu là quét chuồng ngựa và làm quen với con ngựa này, bạn biểu diễn của cháu đây.

Va-li-a suy nghĩ rồi cầm chổi quét sân và rác bẩn trên sàn chuồng. Ông giám đốc gật đầu cười, bảo Va-li-a:

Công việc của diễn viên “Phi ngựa đánh đàn” bắt đầu thế đấy, cháu ạ. Cái tháp cao nào cũng phải bắt đầu xây từ mặt đất lên.

Về sau, Va-li-a trở thành một diễn viên như em hằng mong ước.

Theo *Chuyện vui lao động*

? 1. Vì sao Va-li-a mơ ước trở thành diễn viên biểu diễn tiết mục “Cô gái phi ngựa, đánh đàn”?

2. Trước khi trở thành diễn viên, Va-li-a đã làm những công việc gì ở rạp xiếc?
3. Theo bạn, nhờ đâu mà Va-li-a trở thành một diễn viên như em hằng mong ước?
4. Bạn hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu nói “Cái tháp cao nào cũng phải bắt đầu xây từ mặt đất lên.”?

Luyện tập gắn với bài đọc:

1. Câu chuyện trên cho thấy Va-li-a là cô bé như thế nào? Tìm 5 từ ngữ phù hợp để nói về cô bé.

M: nỗ lực

2. Đặt 1 – 2 câu nêu nhận xét về những nỗ lực và thành công của Va-li-a.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện
VÀO NGHE

1. Kể lại câu chuyện.

G:

- a) Va-li-a mơ ước điều gì? Vì sao?
- b) Khi Va-li-a ghi tên học, ông giám đốc rạp xiếc nói gì với em?
- c) Va-li-a bắt đầu những ngày học nghề đầu tiên như thế nào?
- d) Câu chuyện kết thúc như thế nào?

2. Trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.

G:

- Bạn thích nhất câu nào trong câu chuyện? Vì sao?
- Qua câu chuyện, bạn rút ra bài học gì cho bản thân?

CHÍNH TẢ

1. Nghe – viết: Đoàn thuyền đánh cá (2 khổ thơ cuối).

2..Tìm và viết 3 – 4 từ ngữ chứa tiếng có s hoặc x.

M: xa cách, sa xuống

(3) Tìm và viết 3 - 4 từ ngữ chứa tiếng có thanh hỏi hoặc thanh ngã.

M: vui vẻ, vẽ vời

ĐỌC VÀ VIẾT

1. Đọc truyện dưới đây và trả lời câu hỏi:

Thừa chuyện với mẹ

Từ ngày phải nghỉ học, Cương đâm ra nhớ cái lò rèn cạnh trường. Một hôm, em ngỏ ý với mẹ:

- Mẹ nói với thầy cho con đi học nghề rèn.

Mẹ Cương đã nghe rõ mồn một lời con, nhưng bà vẫn hỏi lại:

- Con vừa bảo gì?

- Mẹ xin thầy cho con đi làm thợ rèn.

- Ai xui con thế?

Cương cố cắt nghĩa cho mẹ hiểu:

- Thừa mẹ, tự ý con muốn thế. Con thương mẹ vất vả, đã phải nuôi bằng ấy đứa em còn phải nuôi con... Con muốn học một nghề để kiếm sống...

Mẹ Cương như đã hiểu lòng con. Bà cảm động, xoa đầu Cương và bảo:

- Con muốn giúp mẹ như thế là phải. Nhưng biết thầy có chịu nghe không? Nhà ta tuy nghèo nhưng dòng dõi quan sang. Không lẽ bây giờ mẹ để con phải làm đầy tớ anh thợ rèn.

Cương thấy nghèn nghẹn ở cổ. Em nắm lấy tay mẹ, thiết tha:

- Mẹ ơi! Người ta ai cũng phải có một nghề. Làm ruộng hay buôn bán, làm thầy hay làm thợ đều đáng trọng như nhau. Chỉ những ai trộm cắp hay ăn bám mới đáng bị coi thường.

Bất giác, em lại nhớ đến ba người thợ nhẽ nhại mồ hôi mà vui vẻ bên tiếng bễ thổi "phì phào", tiếng búa con, búa lớn theo nhau đập "cúc cắc" và những tàn lửa đỏ hồng, bắn toé lên như khi đốt cây bông.

Theo NAM CAO

Từ ngữ:

- *Thầy*: bố, ba, cha...

- *Dòng dõi quan sang*: từ đời này sang đời khác đều có người làm quan.

- *Bất giác*: (cử chỉ, hành động, cảm xúc, ý nghĩ chợt đến) thành linh, ngoài chủ định.

- *Cây bông*: pháo hoa buộc trên cột cao, khi đốt xoè thành nhiều màu.

?

a. Cương xin mẹ điều gì? Vì sao mẹ chưa đồng ý với đề nghị của Cương?

b. Cương đã thuyết phục mẹ như thế nào?

c. Bạn có tán thành với ý kiến của Cương không? Vì sao?

2. Viết 2 – 3 câu nêu ý kiến của bạn: Nên chọn nghề (việc làm) như thế nào cho phù hợp với điều kiện của mỗi người?

Vận dụng

Liệt kê những việc bạn cần thực hiện để làm tốt công việc của mình.

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC TIẾNG VIỆT KÌ 3 (BÀI 1 – 9)

Chủ điểm: CUỘC SỐNG THƯỜNG NGÀY

Bài 1. GIEO NGÀY MỚI (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng và rõ ràng bài thơ, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu ý của các khổ thơ: ngày mới của mỗi người được bắt đầu bằng những việc làm có ý nghĩa., góp phần làm cho cuộc đời thêm tốt đẹp.

2. Luyện tập về từ và câu: Tìm được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; đặt được câu giới thiệu, câu nêu hoạt động.

3. Viết

- Viết đúng chính tả đoạn thơ trong bài *Gieo ngày mới* theo hình thức nghe – viết; viết đúng từ ngữ chứa tiếng có vần l/ n hoặc tiếng có vần ac/ at, ăc/ăt.

- Viết được đoạn văn giới thiệu bản thân.

4. Có ý thức hoàn thành công việc được giao, thể hiện được thái độ yêu lao động, trân trọng công sức của người lao động.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ảnh, video (sưu tầm) để gợi ý tìm từ chỉ sự vật, hoạt động.

- Phiếu bài tập để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc, phiếu học tập tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (nếu có)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ về công việc trong một ngày của mỗi người.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- HV nêu nội dung tranh minh họa.

- GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ nói về ngày mới tươi đẹp, bình yên, có ích của mỗi người được nhắc đến trong bài thơ.

- GV đọc toàn bài trước lớp. 2 HV đọc nối tiếp các khổ thơ.

- HV tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- GV nêu câu hỏi 1 và 2:

(1) Bài thơ nhắc đến những ai? Công việc của mỗi người khi bước vào ngày mới là gì?

(2) Mỗi người mong đợi điều gì từ những việc mình làm?

- HV đọc thầm lại bài thơ, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV có thể ghi ra vở công việc của từng người được nhắc đến trong bài thơ. VD:

Nhân vật	Công việc trong ngày mới và niềm mong đợi
Cha	sáng sớm đánh trâu ra đồng, mong kịp ngày gieo hạt
Mẹ	bắc gầu tát bên sông, đợi gặt mùa vàng ươm ắp
Cô giáo	viết từng nét phấn trên bục giảng, gieo vào tâm hồn trẻ thơ bao ước mơ xanh, mong chồi non mỗi ngày vươn lớn, kết hoa trái ngọt lành
Bà	gom từng giọt nắng hồng trong gió mùa trở lạnh để dệt chiếc khăn thật ấm cho cháu quàng qua những ngày mùa đông
Em nhỏ	thương bà, thương mẹ, yêu cô giáo, gieo vào ngày mới bằng chuỗi cười giòn tan

- GV/ HV nêu câu hỏi 3 (Nêu cảm nghĩ của bạn về công việc của mỗi người trong ngày mới?)

- HV làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình.

- GV/ HV nêu câu hỏi 4 (Tác giả muốn nói điều gì qua nhan đề “Gieo ngày mới”?)

- HV làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- GV mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Công việc mỗi người làm trong ngày hôm nay (ngày mới) chính là để cho tương lai tốt đẹp hơn./...

- GV nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nghề nhóm dưới đây.

+ HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).

+ HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Nghề nông	Nghề dạy học	Nghề khác
M: gieo hạt, trồng trọt, gặt hái, nhổ mạ, chăn nuôi, tưới cây, nhổ cỏ,...	M: giảng bài, soạn bài, đọc bài, chấm bài, đọc thơ, kể chuyện,...	(HV có thể nêu công việc mình làm)

- Bài tập 2. Đặt 2 – 3 câu nói về công việc mình yêu thích.
- + HV làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.
- + HV làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Từ chỉ sự vật, hoạt động; Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động

a) Bài tập 1. Nhìn tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật (chỉ người hoặc vật) và từ ngữ chỉ hoạt động.

- HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Nêu nội dung các tranh, trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ đã cho, từ đó chọn từ ngữ theo yêu cầu và phù hợp với nội dung tranh.

- HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Tranh 1	Tranh 2	Tranh 3
- nông dân, người làm ruộng, người làm nghề nông, ... - cấy lúa, nhổ mạ, làm cỏ, cày, bừa, gặt lúa, ...	- người lái xe, tài xế, phụ lái, ... - lái xe, chở khách, chở hàng, mua xăng, ...	- thợ xây, thợ nề, người xây nhà, ... - xây nhà, xếp gạch, trộn vữa, ...

Tranh 4	Tranh 5	Tranh
- bò sữa, đàn bò, bò bê, ... - gặm cỏ, ăn cỏ, nhai cỏ, ...	- gà, gà mái, gà mẹ, ... - đẻ trứng, ấp trứng, ...	- ao cá, cá, đàn cá, ... - bơi, quẫy, đớp mồi, ...

Bài tập 2. Dựa vào từ ngữ tìm được ở bài 1, đặt câu giới thiệu, câu nêu hoạt động phù hợp với mỗi tranh.

- GV nêu yêu cầu của BT2 và ví dụ:

Tranh 1:

Câu giới thiệu	M: Nông dân là những người làm ra lúa gạo.
Câu nêu hoạt động	M: Các cô bác nông dân đang cấy lúa.

- HV làm việc cá nhân (hoặc cặp): đặt câu theo yêu cầu theo mẫu.
- HV làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã đặt, cả nhóm góp ý.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét. VD:

Câu giới thiệu	Tranh 2. Lái xe là nghề được nhiều người yêu thích. Tranh 3. Thợ xây là nghề làm đẹp cho quê hương. (...)
Câu nêu hoạt động	Tranh 2. Bác tài xế chở khách đi biển.. Tranh 3. Chú thợ xây đang xây nhà cao tầng. (...)

- GV nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết.

- GV hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn thơ *Gieo ngày mới*.
- GV nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ.
- HV nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- HV làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- GV nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + GV nêu yêu cầu của bài tập (1 hoặc 2).
- + HV làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + GV yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + GV mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- *Bài tập 1.*

Lác đác những sườn đồi
 Người dọn rẫy tia bắp
 Mây treo lủng lủng trời
 Ong chẳng kịp nghỉ ngơi
 Mãi miết say tìm mật
 Hương mùa tràn mặt đất
 Nụ mầm bùng sinh sôi
 Hoa cà phê trắng muốt
 Nở bung cả đất trời .
 Tháng ba đang vào hội
 Cho mẹ đất sinh sôi
 Cho buôn làng bận rộn
 Gieo vụ mùa tốt tươi.
 (Theo Đỗ Toàn Diện)

- Bài tập 2.

khác / khát	đôi khác	khát vọng	khác biệt	khát nước
chắc / chất	chất chịu	chắc chắn	chất nước	rắn chắc

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn giới thiệu bản thân

- GV nêu yêu cầu của tiết học:

Yêu cầu: Giới thiệu về bản thân theo 1 trong những tình huống dưới đây.

- Buổi đầu đến lớp gặp những người bạn mới.
- Tham gia một cuộc giao lưu giữa các lớp học hoặc các khoá học.

- HV làm việc cá nhân viết đoạn văn theo yêu cầu đã chọn.

- HV làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý.
- GV mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý (Đoạn văn cần giới thiệu tên, tuổi, công việc/ nghề nghiệp, nơi ở, sở thích, mong ước...).

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 1.
- GV nêu yêu cầu về nhà: Viết giới thiệu về một người mà bạn yêu quý.
- + Chuẩn bị Bài 2.

Bài 2. NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bài *Những ngọn hải đăng*. Cảm nhận được những khó khăn, vất vả và tinh thần lao động quên mình của những người canh giữ hải đăng; nhận biết được những thông tin đáng chú ý trong bài đọc. Tìm được ý chính của từng đoạn trong bài, nhận biết cách sắp xếp thông tin trong văn bản.

2. Luyện tập về từ và câu: Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm (về màu sắc, âm thanh, hương vị,...); đặt được câu nêu đặc điểm.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa A, Ă, Â và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được đoạn văn giới thiệu bản thân.

4. Biết bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc trước những người lao động thầm lặng, vì lợi ích chung của cộng đồng, đất nước.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ảnh, video (sưu tầm) để gợi ý tìm từ chỉ đặc điểm.
- Phiếu bài tập để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc, phiếu học tập tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (nếu có)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi về những khó khăn, vất vả khi sống ở đảo xa.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- HV nêu nội dung tranh minh hoạ.
- GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói về vai trò của những ngọn hải đăng và những gian nan của người làm nhiệm vụ canh giữ hải đăng.
- GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ cung cấp thông tin quan trọng của VB: tầm quan trọng của ngọn hải đăng, về khó khăn, nguy hiểm, vất vả,... của những người canh giữ hải đăng).
- GV hướng dẫn đọc:^[L]_[SEP]
- + Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *lạc đường, năng lượng, mưa nắng, biển lặng*,...).
- + Nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.
- + Đọc các câu dài:

Hải đăng,/ hay đèn biển,/ là ngọn tháp được thiết kế/ để chiếu sáng bằng hệ thống đèn, /giúp tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương.

Với lòng yêu nghề, /yêu biển đảo quê hương,/ họ đã vượt qua bao khó khăn,/ gian khổ nơi biển khơi xa vắng,/ góp sức mình bảo vệ vùng biển, /vùng trời của Tổ quốc.

- 3 HV đọc nối tiếp 3 đoạn (bài đã thể hiện rõ 3 đoạn) trước lớp.
- HV làm việc theo cặp hoặc nhóm: đọc nối tiếp các đoạn hết bài 1–2lượt.
- HV làm việc cá nhân: đọc thầm toàn bài một lượt.
- GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

b) Đọc hiểu

- GV có thể nhắc lại để HS nhớ: Hải đăng là đèn biển, là ngọn tháp được thiết kế để chiếu sáng bằng hệ thống đèn.
- GV/ HV đọc câu hỏi 1: Những ngọn hải đăng trên biển có ý nghĩa gì đối với người đi biển?
- HV phát biểu ý kiến, VD: Hải đăng phát sáng trong đêm giúp tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương. Chỉ cần nhìn thấy ánh sáng hải đăng, người đi biển sẽ cảm thấy yên tâm, không lo lạc đường.
- GV nêu câu hỏi 2. Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng gì? Khi nào phải dùng máy phát điện để thắp sáng hải đăng?
- 2 – 3 HV trả lời (VD: Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng điện năng lượng mặt trời. Đó là nguồn điện được tạo ra từ việc chuyển đổi ánh sáng mặt trời thành điện. Vào những ngày mưa bão dài ngày, năng lượng yếu thì phải lập tức thay thế bằng máy phát điện.

- GV/ HV đọc câu hỏi 3: Nhiệm vụ của những người canh giữ hải đăng là gì? Công việc đó vất vả, nguy hiểm thế nào?

- HV trao đổi nhóm, từng HV nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời. (VD: những người canh giữ hải đăng phải thay phiên nhau kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên để ngọn hải đăng không bao giờ tắt trong đêm. Có những đêm mưa gió, họ phải buộc dây bảo hiểm quanh người, trèo lên đỉnh cột đèn xem xét. Bất kể ngày đêm, mưa nắng, trời yên biển lặng hay giông tố bão bùng, họ luôn sẵn sàng khắc phục mọi sự cố)

- GV nêu câu hỏi 4: Bạn có suy nghĩ gì về những người làm nhiệm vụ canh giữ hải đăng?

- GV dành thời gian cho HS suy nghĩ trước khi trả lời. [SẾP]

- GV yêu cầu mỗi HS trả lời câu hỏi bằng 1 – 2 câu. Mời nhiều em phát biểu.

GV khích lệ, khen ngợi các ý kiến thể hiện suy nghĩ chân thực của các em. HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau. VD: Công việc của những người canh giữ hải đăng vô cùng vất vả, hiểm nguy. Làm tốt công việc đó, những người canh giữ hải đăng đã chứng tỏ tình yêu với biển đảo, với đất nước.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. **Xếp các từ ngữ vào thành 2 nhóm:** Từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ hoạt động

+ HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, xếp từ vào nhóm tích hợp (làm vào vở hoặc vào phiếu học tập, nếu có).

+ 1 – 2 HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Từ ngữ chỉ sự vật	- hải đăng, ngọn, tàu thuyền - người canh giữ hải đăng, người đi biển
Từ ngữ chỉ hoạt động	Cảnh giữ, kiểm tra, khắc phục, bảo dưỡng, góp sức

- Bài tập 2. Sử dụng từ ngữ ở bài 1 để đặt câu giới thiệu, câu nêu đặc điểm.

+ HV làm việc cá nhân: viết 2 câu theo yêu cầu vào vở.

+ HV làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã viết, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp.

VD: - Những người canh giữ hải đăng là những chiến sĩ dũng cảm, không sợ nguy nan.

- Những người canh giữ hải đăng rất dũng cảm.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Từ chỉ đặc điểm, câu nêu đặc điểm

a) Bài tập 1: Xếp các từ in đậm trong đoạn văn vào nhóm thích hợp.

- HV đọc yêu cầu và làm việc cá nhân: xếp các từ ngữ đã cho vào 2 nhóm phù hợp.
- HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Từ chỉ hoạt động	bẻ, uống, nhặt, tránh.
Từ chỉ đặc điểm	béo, lặc lè, rét, no

b) Bài tập 2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm theo nhóm.

- HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: tìm từ ngữ theo 4 nhóm.
- HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

VD:

Từ ngữ chỉ màu sắc	Từ ngữ chỉ âm thanh	Từ ngữ chỉ hương vị	Từ ngữ chỉ hình dáng, kích thước
M: xanh, đỏ trắng, vàng, tím, hồng, trắng trắng, tím tím, đen bóng,...	M: róc rách rì rào, lộp độp, tí tách, ầm ầm, ...	M: thơm ngát ngan ngát, ngọt ngào, thơm phức, khét lẹt,...	M: to lớn nhỏ bé, rộng lớn, dài ngoằng,...

c) Bài tập 3. Đặt câu với từ ngữ chỉ đặc điểm tìm được ở bài 2

- GV nêu yêu cầu của BT3.
- HV làm việc cá nhân (hoặc cặp): đặt câu với từ ngữ chỉ đặc điểm đã tìm được. Có thể đặt nhiều câu tùy khả năng.
- HV làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã đặt, cả nhóm góp ý.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- GV nêu nhiệm vụ của bài học:

+ Viết chữ hoa A, Ă, Â

+ Viết câu ứng dụng:

Ánh trăng quê

khúc hát đồng dao
cánh điều bay lượn.

- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa A, Ă, Â để viết theo yêu cầu. Nếu HS không nhớ các viết, GV có thể hướng dẫn cụ thể hơn hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa A, Ă, Â.

- HV làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- GV hướng dẫn viết câu ứng dụng:

- GV nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- HV hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

- GV nhận xét chữ viết của HV.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn giới thiệu bản thân

- GV nêu yêu cầu của tiết học:

+ Nói lời giới thiệu về bản thân trong lần đầu gặp những người hàng xóm tại nơi ở mới.

+ Viết lời giới thiệu về bản thân trong lần đầu gặp những người hàng xóm tại nơi ở mới.

- HV làm việc cá nhân: chuẩn bị nội dung giới thiệu về bản thân trong tình huống gặp những người hàng xóm mới.

- HV làm việc nhóm: từng thành viên nói lời giới thiệu đã chuẩn bị, cả nhóm nhận xét, góp ý.

- HV làm việc cá nhân: Viết lại lời giới thiệu về bản thân đã nói.

- HV làm việc nhóm: từng thành viên đọc đoạn văn của mình đã viết; cả nhóm góp ý.

- GV mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý (Đoạn văn cần giới thiệu tên, tuổi, công việc/ nghề nghiệp, nơi ở, sở thích, mong ước,...).

IV. củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 2.

- GV nêu yêu cầu về nhà: Viết giới thiệu về một người hàng xóm.

+ Chuẩn bị Bài 3.

Bài 3. NGÀY NHƯ THẾ NÀO LÀ ĐẸP? (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng câu chuyện *Ngày như thế nào là đẹp?*. Biết đọc phân biệt lời đối thoại của các nhân vật, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Nhận biết được những suy nghĩ khác nhau của các nhân vật trong câu chuyện. Hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: Ngày đẹp là ngày mỗi người làm được nhiều việc có ích.

2. Nói và nghe: Nêu được công việc và những suy nghĩ của mình về một ngày làm việc có ý nghĩa của mình

3. Viết: Viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Những ngọn hải đăng* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng s/ x hoặc tiếng có vần an/ang, ăn/ăng.

4. Vận dụng (đọc và viết): Tự đọc hiểu bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi ?*; viết cảm nghĩ về bài thơ đó.

5. Biết tôn trọng sự khác biệt, biết bày tỏ ý kiến riêng trước các vấn đề của cuộc sống.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số truyện ngụ ngôn.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: kể về công việc mình làm trong 1 ngày.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- HV nêu nội dung tranh minh hoạ.
- GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Câu chuyện kể về cuộc trò chuyện của các con vật, qua đó chúng ta thấy được những bài học cuộc sống gửi gắm trong đó.
- GV / HV đọc toàn bài trước lớp, hướng dẫn HV đọc đúng một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Ví dụ:
 - + phơi nắng, mặt trời lặn,...
 - + tanh tách, ngẫm nghĩ,...
- HV tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp hoặc theo nhóm.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- GV nêu câu hỏi 1 (Châu châu và giun đất tranh luận với nhau về điều gì?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- HV làm việc cá nhân: đọc thầm đoạn đầu và tự trả lời cho câu hỏi 1.

- 1 – 2 HV trả lời câu hỏi trước lớp. (VD: Tranh luận với nhau về quan niệm ngày như thế nào là đẹp?)

- GV nêu câu hỏi 2 (Ý kiến của châu châu và giun đất khác nhau thế nào?)

- HV trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời. (VD: Theo châu châu, ngày đẹp là ngày nắng ráo. Theo giun đất, ngày đẹp là ngày có mưa bụi và những vũng nước đục).

- GV có thể yêu cầu HV giải thích vì sao chúng có ý kiến trái ngược nhau như vậy để HV trả lời.

- GV nêu câu hỏi 3. (Vì sao châu châu và giun đất đi hỏi bác kiến?)

- HV phát biểu ý kiến. VD: Vì châu châu và giun đất không đồng ý với ý kiến của nhau.

- GV nêu câu hỏi 4. (Theo bạn, bác kiến đã giúp châu châu và giun đất hiểu điều gì?)

- HV đọc lại đoạn cuối, suy nghĩ để có câu trả lời. VD: Bác kiến đã giúp châu châu và giun đất hiểu rằng ngày đẹp hay không phụ thuộc vào công việc hôm đó ta làm có hiệu quả cao hay không./...).

- GV nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ ngữ đã cho thành 2 nhóm.

- HV đọc yêu cầu và làm việc cá nhân: xếp các từ ngữ đã cho vào 2 nhóm phù hợp.

- HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Từ chỉ hoạt động	làm việc, dừng lại, giúp, nhảy
Từ chỉ đặc điểm	tuyệt đẹp, xanh, thoải mái, đục (chỉ màu sắc)

b) Bài tập 2. Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong bài Ngày như thế nào là đẹp?

- GV nói mỗi nhóm tìm một số từ.

- HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: đọc lại bài Ngày như thế nào là đẹp? tìm từ ngữ theo 3 nhóm.

+ HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Ví dụ:

Từ chỉ sự vật	- châu chấu, giun đất, kiến,... - trời, mây, gò đất, mặt trời,...
Từ chỉ hoạt động	chìa lưng, phơi nắng, cãi lại, hỏi, lau, ...
Từ chỉ đặc điểm	đẹp, huy hoàng, tanh tách,...

TIẾT 3

3. Nói và nghe: MỘT NGÀY CỦA TÔI

a) Chuẩn bị ý kiến

- GV nêu yêu cầu: Hãy kể / giới thiệu về một ngày của mình.
- HV làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, chuẩn bị ý kiến của mình.

- a) Kể về các việc bạn thường làm mỗi ngày.
- b) Suy nghĩ, cảm xúc của bạn sau mỗi ngày làm việc.
- c) Mong ước của bạn cho ngày làm việc tiếp theo.

b) Chia sẻ về ước mơ của mình..

- HV làm việc nhóm: từng thành viên phát biểu ý kiến, các thành viên trong nhóm có thể hỏi lại những điều muốn biết rõ hơn.
- HV trình bày ý kiến trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét.
- + Về nội dung công việc/ công việc yêu thích/ công việc có ích/....
- + Về giọng nói, điệu bộ.
- GV nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết.

- GV hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn sẽ viết trong bài *Những ngọn hải đăng*.
- GV nêu câu hỏi về cách trình bày đoạn văn.
- HV nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- HV làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- GV nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- GV hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn thơ đã nghe- viết.

b) Làm bài tập

- Bài tập thứ nhất.

- + GV nêu yêu cầu của bài tập.
- + HV làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + GV yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + GV mời HV chữa bài trước lớp.

a)

se / xe	xe đạp	se lạnh	se sợi	xe máy
sâu / xâu	xâu kim	sâu bọ	sâu sắc	xâu chuỗi

b)

than / thang	lang thang	cầu thang	than vãn	mỏ than
trăn / trắng	con trăn	trăn trở	ánh trắng	vàng trắng

- Bài tập thứ hai.

a) Từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng s hoặc x.

b) Từ ngữ chứa tiếng có âm cuối n hoặc ng.

+ HV trao đổi nhóm, tìm và viết từ ngữ có tiếng mở đầu bằng s hoặc x hoặc tiếng có âm cuối n/ ng.

+ HV làm bài / chữa bài trên bảng lớp. VD:

a) Từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng s hoặc x: sen, súng, sâm, sáu, sữa, ; xoài, xoan, xôi,...

b) Từ ngữ chứa tiếng có âm cuối n hoặc ng: làn/ làng; dán /dáng ; sà / sàng,...

TIẾT 5

5. Vận dụng (đọc và viết)

a) Đọc

- GV nêu nhiệm vụ của bài học: tự đọc bài thơ *Mùa chim* và trả lời câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân theo yêu cầu.
- + Đọc bài thơ.
- + Trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

b) Viết 2 – 3 câu về niềm vui của con người trong màu gặt.

- HV làm việc cá nhân: tự viết 2 – 3 câu theo yêu cầu.
- HV làm việc theo nhóm: đọc các câu đã viết và nghe góp ý, chỉnh sửa theo góp ý.

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 3.
- GV nêu yêu cầu về nhà: Lập kế hoạch những việc mình cần làm được trong tuần, trong tháng hoặc trong năm.
- Dặn HV chuẩn bị cho bài 4

Bài 4. VƯỜN TRONG THƯ VIỆN (5 tiết)

I. Mục tiêu

- 1. Đọc:** Đọc đúng và rõ ràng bài thơ, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu ý của bài thơ: Giá trị của những trang sách và ý nghĩa của việc đọc sách.
- 2. Luyện tập về từ và câu:** Tìm và phân biệt được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; đặt được câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm.
- 3. Viết**
 - Viết đúng chữ hoa B, C và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
 - Viết được đoạn văn giới thiệu mong ước của bản thân.
- 4. Biết tỏ thái độ yêu quý sách, trân trọng kho tàng tri thức của dân tộc và nhân loại.**

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ảnh, video (sưu tầm) về thư viện, phòng đọc sách,...
- Phiếu bài tập để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc, phiếu học tập tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (nếu có)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1- 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ về những cuốn sách mình có.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- HV nêu nội dung tranh minh họa.
- GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ nói về cảnh vật, không gian của thư viện, ý nghĩa của việc đọc sách.
- GV đọc toàn bài trước lớp. 2 – 3 HV đọc nối tiếp các khổ thơ.
- HV tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/ GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- GV nêu câu hỏi 1: Cảnh vật của khu vườn trong thư viện được tả như thế nào?

- HV đọc thầm khổ thơ đầu của bài thơ, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. VD: Khu vườn trong thư viện được miêu tả vào một buổi trưa hè, có tiếng ve ran, bầu trời quang mây. Người đọc sách dưới vòm cây, phía trước là con đường xa tít tắp...

Khu vườn vàng trong tiếng ve trưa
Trang sách mở dưới vòm cây râm mát
Con đường chạy về xa tít tắp
Bầu trời trong quang mây

- GV/ HV nêu câu hỏi 2: Người đến thư viện đọc sách cảm nhận được những điều gì từ những trang sách đã đọc (Về những gì đã qua và những mai sau)?

- HV đọc thầm lại bài thơ, chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi. GV nhắc HV có thể ghi ra từng ý để trả lời (dựa vào khổ thơ thứ 2 và 3).

- HV làm việc theo nhóm, từng em trình bày ý kiến. Cả nhóm thống nhất câu trả lời. VD:

+ Về những gì đã qua:

<i>Trang sách ngợi ca về những bàn tay Những kiến trúc đã hoàn thành, những công trình còn đang dở Mùi vôi vữa say nồng, giọt mồ hôi đã đổ Tiếng hát nào như thoáng đâu đây</i>	Đọc sách, người đọc sẽ hiểu bao điều diễn ra trong quá khứ, sẽ được đọc những lời ca ngợi bàn tay, khối óc của con người khi tạo ra những công trình làm đẹp cho đời.
---	---

+ Về mai sau:

<i>Trang sách nói về những chuyện mai sau Những dự định. Bao điều chưa hiểu hết Phương trời lạ, cát vàng, gió biển Con tàu đi quyết liệt giữa mưa dông</i>	Đọc sách, người đọc sẽ có những hoài bão, khát vọng, mơ ước và sự thôi thúc thực hiện những dự định mà mình ao ước trở thành hiện thực
--	--

- GV/ HV nêu câu hỏi 3: Theo bạn, nhà thơ muốn nói gì qua hai dòng thơ “Những con đường đang gọi ta kia/ Từ trang sách, khu vườn này đã mở...”?

- HV làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi theo cảm nghĩ của mình. VD: Sách mở ra trong lòng người đọc những chân trời mới, vẽ ra những con đường rộng vẫy gọi ta đi tới, thúc giục ta nâng bước theo đuổi ước mơ.

- GV/ HV nêu câu hỏi 4 (Nêu suy nghĩ của anh chị về những những trang sách có ý nghĩa đối với mình.)
- HV làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.
- GV mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau.
- GV nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nhóm.
- + HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, ghi từ tìm được vào phiếu (nếu có).
- + HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Từ ngữ chỉ đồ vật trong thư viện	Từ ngữ chỉ hoạt động trong thư viện	Từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật trong thư viện
M: sách báo, tạp chí, giá sách, thẻ đọc sách,...	M: đọc sách mượn sách, trả sách, tìm sách, lấy sách, nhận thẻ,...	M: - (sách) hay (sách) mới, cũ, dày, mỏng, đẹp, ...

- Bài tập 2. Đặt 2 – 3 câu với từ ngữ tìm được ở BT1.
- + HV làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.
- + HV làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm

a) Bài tập 1. Xếp các từ ngữ in đậm trong đoạn văn vào 3 nhóm: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm

- HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: xếp từ vào nhóm phù hợp.
- HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Ví dụ:

Từ chỉ sự vật	thầy hiệu trưởng, kì nghỉ, lớp học, thư viện, quyển sách
Từ chỉ hoạt động	quay trở lại, hò reo, phát hiện, đọc, mượn, trả lại, đến trường, ghé vào
Từ chỉ đặc điểm	tuyệt vời, mới, nhiều, đầy, đủ, thoải mái

b) Bài tập 2. Ghép từ ngữ ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B.

- HV làm việc cá nhân (hoặc cặp): ghép các từ để tạo thành câu.
- HV làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã ghép, cả nhóm góp ý.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét. VD:

Thư viện rất rộng./ Thư viện sách là nơi có rất nhiều sách báo.
 Chúng tôi đến thư viện để đọc sách.
 Phòng đọc sách rất rộng. / Phòng đọc sách là nơi có rất nhiều sách báo.

c) Bài tập 3. Mỗi câu em ghép được ở bài 2 thuộc kiểu câu nào?

- HV làm việc cá nhân (hoặc cặp). Xếp câu vào kiểu câu thích hợp.
- HV làm việc nhóm: từng HV nêu cách phân loại câu của mình.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét. VD:

Thư viện rất rộng. → Câu nêu đặc điểm.
 Thư viện sách là nơi có rất nhiều sách báo. → Câu giới thiệu
 Chúng tôi đến thư viện để đọc sách. → Câu nêu hoạt động.
 Phòng đọc sách rất rộng. → Câu nêu đặc điểm
 Phòng đọc sách là nơi có rất nhiều sách báo. → Câu giới thiệu

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- GV nêu nhiệm vụ của bài học:
- + Viết chữ hoa B, C.
- + Viết ứng dụng:

Con cò bay lả bay la
 Bay từ cửa phủ bay ra cánh đồng.

Chân trời, thăm lúa mệnh mông
Cò bay mỗi cánh sao không thấy bờ?

(Ca dao)

- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa B, C để viết theo yêu cầu. Nếu HS không nhớ các viết, GV có thể hướng dẫn cụ thể hơn hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa B, C.
- HV làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- GV hướng dẫn viết câu ứng dụng:
- GV nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- HV hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.
- GV nhận xét chữ viết của HV.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn giới thiệu ước mơ

a) Luyện nói

- GV nêu yêu cầu:

Nói về ước mơ của bản thân.

G:

- Bạn có ước mơ gì (về công việc, nghề nghiệp, điều kiện vật chất, đời sống tinh thần,...)?
- Vì sao bạn ước mơ điều đó?
- Bạn nghĩ mình cần làm gì để ước mơ đó có thể trở thành hiện thực?

- HV làm việc cá nhân: chuẩn bị nói theo gợi ý.
- HV làm việc nhóm: trình bày ước mơ của mình và nghe nhận xét, góp ý.

b) Luyện viết

- GV nêu yêu cầu: Viết lại điều bạn đã nói thành một đoạn văn ngắn.-
- HV làm việc cá nhân: viết đoạn văn theo yêu cầu.
- HV làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý.
- GV mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 4.
- GV nêu yêu cầu về nhà: Chia sẻ ước mơ của mình với người thân hoặc lập kế hoạch để có thể biến ước mơ thành hiện thực.
- + Chuẩn bị Bài 5.

Bài 5. THẦY GIÁO CỦA TÔI (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bài *Thầy giáo của tôi*. Tìm được những chi tiết nói về những việc thầy giáo đã làm cho học sinh, cảm nhận được tình yêu, niềm ngưỡng mộ của bạn nhỏ đối với thầy giáo của mình.

2. Luyện tập về từ và câu: Nhận biết câu kể và dấu chấm.

3. Viết:

-Viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Thầy giáo của tôi* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng ch/ tr hoặc tiếng có dấu hỏi/ dấu ngã.

- Viết được thông báo đơn giản.

4. Biết bày tỏ suy nghĩ, lòng biết ơn đối với những người đã giúp đỡ, dìu dắt mình.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

Một số bản thông báo đơn giản, thông dụng (nếu có)

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi về những bài học để lại nhiều ấn tượng cho mình.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- HV nêu nội dung tranh minh họa.
- GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc kể về một người thầy được học trò yêu quý. Thầy đã khơi dậy những ước mơ đẹp đẽ trong tâm hồn học trò.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, niềm ngưỡng mộ thầy của người học trò).

– GV hướng dẫn đọc:^[1]_[SEP]

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: thuộc lâu lâu, nàng tiên cá, ...).

+ Nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.

+ Đọc các câu dài:

“Tuổi ấu thơ,/ ai mà chẳng được ông bà,/ bố mẹ /hay người thân/ kể cho nghe những câu chuyện cổ tích ngày xưa ngày xưa.”

“Tám Cánh và Sọ Dừa”,/ “Sự tích trầu cau”, /“Bánh chưng, bánh giầy”, /“Sơn Tinh, Thủy Tinh”,.../ được nghe nhiều lần / khiến chúng tôi thuộc lâu lâu.

– HV làm việc cá nhân: đọc bài 1–2lượt.

– 1 – 2 HV đọc trước lớp, GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

b) Đọc hiểu

– GV/ HV đọc câu hỏi 1: Được học thầy, bạn nhỏ ấn tượng nhất điều gì?

– HV phát biểu ý kiến, VD: Bạn nhỏ ấn tượng nhất về thầy là những câu chuyện thầy kể.

– GV nêu câu hỏi 2. Những câu chuyện thầy kể có gì khác so với những câu chuyện bạn nhỏ đã được nghe?

– 2 – 3 HV trả lời (VD: Những câu chuyện của thầy hoàn toàn khác với những câu chuyện các bạn nhỏ được người thân đã kể cho nghe./ Thầy kể những câu chuyện của nước ngoài- đó là cuộc phiêu lưu của chú lính chì và mối tình của chú với cô vũ nữ ba-lê xinh đẹp, chuyện tình yêu cao thượng của nàng tiên cá với chàng hoàng tử điển trai, chuyện cô bé bán diêm đáng thương trong đêm Noel giá rét... của nhà văn An-đéc-xen, “Cánh buồm đỏ thắm” của nhà văn A-lếch-xan Grin.../...

– GV/ HV đọc câu hỏi 3: Những chi tiết nào trong bài cho thấy bạn nhỏ biết ơn thầy giáo của mình?

– HV trao đổi nhóm, từng HV nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời.
VD:

+ “Thầy như viên thuyền trưởng lái con tàu lênh đênh trên sóng nước, chở chúng tôi tới những miền đất hoàn toàn xa lạ...”

+ “Lời thầy kể thấm vào tâm hồn chúng tôi mỗi ngày, thấp lè trong chúng tôi khát khao khám phá những chân trời mới xa xôi.”

– GV nêu câu hỏi 4: Theo bạn, những câu chuyện được đọc, được nghe có ý nghĩa như thế nào đối với chúng ta?

– GV dành thời gian cho HS suy nghĩ trước khi trả lời.^[1]_[SEP]

– GV yêu cầu mỗi HS trả lời câu hỏi bằng 1 – 2 câu. Mời nhiều em phát biểu.

GV khích lệ, khen ngợi các ý kiến thể hiện suy nghĩ chân thực của các em.
HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ chỉ đặc điểm trong mỗi câu.
- + HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, gạch dưới từ chỉ đặc điểm trong mỗi câu.
- + 1 – 2 HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

- a) Thầy giáo của chúng tôi rất **trẻ**.
- b) Những câu chuyện của thầy hoàn toàn **khác**.
- c) Lời thầy kể thấm vào tâm hồn chúng tôi mỗi ngày, thấp lên trong chúng tôi khát khao khám phá những chân trời **mới xa xôi**.

- Bài tập 2. Trong 3 câu ở bài tập 1, những câu nào là câu nêu đặc điểm.

(Đáp án: Câu a và câu b)

TIẾT 3

3. Luyện tập: CÂU KỂ; DẤU CHẤM

a) Bài tập 1: Xếp các câu kể vào nhóm thích hợp.

- HV đọc yêu cầu và làm việc cá nhân: xếp các câu kể đã cho vào nhóm phù hợp.
- HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Câu giới thiệu	Câu nêu hoạt động	Câu nêu đặc điểm
(6)Truyện cổ tích là vương quốc của lòng nhân ái.	(1) Tôi mua cuốn “Truyện cổ tích Việt Nam” từ hồi còn nhỏ. (4) Tôi đã đọc đi đọc lại mà không thấy chán. (5) Những ông bụt, bà tiên trong các câu chuyện luôn phù hộ độ trì cho người có hoàn cảnh đáng thương.	(2)Cuốn truyện khá dày. (3)Câu chuyện nào trong đó cũng hay.

b) Bài tập 2. Xác định mục đích của câu kể

- HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: từng thành viên nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất phương án lựa chọn.
- HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án: □ Dùng để kể, tả, giới thiệu, cuối câu có dấu chấm.

c) Bài tập 3. Đặt 2 – 3 câu kể nói về một cuốn sách bạn đã đọc.

- GV nêu yêu cầu của BT3.
- HV làm việc cá nhân (hoặc cặp): đặt 2 – 3 câu theo yêu cầu. HV có thể viết nhiều câu hơn tùy khả năng.
- HV làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã đặt, cả nhóm góp ý.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết.

- GV hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn sẽ viết trong bài *Thầy giáo của tôi*.
- GV nêu câu hỏi về cách trình bày đoạn văn, các từ ngữ dễ viết sai.
- HV nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- HV làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- GV nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

b) Làm bài tập

- + GV nêu yêu cầu của bài tập (1 hoặc 2).
- + HV làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + GV yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + GV mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 1.

Em nghe thầy đọc bao ngày
Tiếng thơ đỏ nắng xanh cây quanh nhà
Mái **chèo** nghiêng mặt sông xa
Êm êm như tiếng của bà năm xưa
Nghe **trắng** thở động tàu dừa
Rì rào nghe **chuyển** cơn mưa giữa **trời**.

- Bài tập 2.

Vào **những** ngày mùa đông mưa phùn gió bắc, với tôi không gì thú hơn là nằm cuộn tròn trong chăn đọc truyện... Một lần, tôi vớ được một tập truyện đọc không dứt ra được. Có **những** truyện khiến tôi thương **cảm** **chảy** nước mắt. Lại có **cả những** truyện vừa đọc vừa rúc rích cười một mình.

(Theo Trần Đức Tiến)

TIẾT 5

5. Luyện tập viết thông báo.

a) Yêu cầu 1

- GV nêu yêu cầu của tiết học (đọc 1 thông báo và tìm hiểu cách viết thông báo):

Yêu cầu: Đọc thông báo và trả lời các câu hỏi.

- a) Thư viện Trung tâm Thành phố thông báo điều gì?
- b) Những đối tượng nào được Thư viện tặng thẻ đọc sách?
- c) Thời gian, địa điểm nhận thẻ được thông báo thế nào?

- HV làm việc cá nhân: đọc bản thông báo và trả lời các câu hỏi.
- HV làm việc nhóm, từng thành viên trả lời câu hỏi. Cả nhóm thống nhất ý kiến.
- GV nêu câu hỏi, mời một số HV trả lời trước lớp.
- GV nhắc HS nhớ cách viết nội dung các phần của bản thông báo.

b) Yêu cầu 2

- HV làm việc cá nhân: đọc yêu cầu và viết.

2. Viết thông báo theo một trong các nội dung sau:

- Thông báo về việc thành lập một câu lạc bộ
- Thông báo mời đăng kí tham gia một chuyến dã ngoại
- Thông báo đăng kí tham gia hoạt động thiện nguyện

- HV làm việc theo nhóm. Trao đổi báo cáo đã viết và góp ý cho nhau.
- GV nhận xét kết quả làm bài của

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 5.
- GV nêu yêu cầu về nhà: Tìm đọc một số bản thông báo trên mạng internet.
- + Chuẩn bị Bài 6

Bài 6. NHÀ BÁC HỌC KHÔNG NGỪNG HỌC (5 tiết)

I. Mục tiêu

- 1. Đọc:** Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bài *Nhà bác học không ngừng học*. Biết đọc phân biệt lời đối thoại của các nhân vật, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Nhận biết được những chi tiết thể hiện tinh thần say mê công việc, quan điểm sống của nhà bác học Đac-uyn. Hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: tri thức là vô tận, mỗi người có ý thức trau dồi, mở mang hiểu biết bằng con đường tự học.
- 2. Nói và nghe:** Kể lại được câu chuyện *Nhà bác học không ngừng học*.
- 3. Viết:** Viết đúng chữ hoa D, Đ và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- 4. Vận dụng (đọc và viết):** Tự đọc hiểu bài thơ *Cô giáo về bản*; viết 2 – 3 câu nêu ý nghĩa của việc học tập.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Mẫu chữ hoa D, Đ.
- Tư liệu về nhà bác học Đac-uyn.

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi những điều mình biết về đóng góp của các nhà bác học nổi tiếng.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- HV nêu nội dung tranh minh họa.
- GV giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài đọc nói tầm gương say mê học tập và nghiên cứu của nhà bác học Đac-uyn.
- GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ nói về long say mê học tập, nghiên cứu, cống hiến cho khoa học của Đac-uyn).

- GV hướng dẫn đọc:
- + Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: nổi tiếng, thời tiết lạnh giá,...).
- + Nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.
- + Đọc các câu dài:

“Chuyện kể rằng,/ vào một đêm mùa đông,/ thời tiết lạnh giá,/ khi mọi người đã ngủ say,/ con của Đác-uy-nơ chợt thức giấc/ và thấy phòng cha mình /vẫn sáng đèn.”

“Người con ngạc nhiên/ bước lại gần,/ thấy cha đang cặm cụi bên tập tài liệu,/ liền hỏi:/ "Cha đã là nhà bác học rồi,/ còn phải ngày đêm nghiên cứu làm gì/ cho mệt?".

- 3 HV đọc nối tiếp câu chuyện trước lớp.
- HV luyện đọc trong nhóm: đọc nối tiếp các đoạn 1–2 lượt.
- HV làm việc cá nhân: đọc thầm toàn bài một lượt.
- GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

b) Đọc hiểu

- GV/ HV đọc câu hỏi 1: Sác-lơ Đác-uy-nơ là ai?
 - HV phát biểu ý kiến, VD: Sác-lơ Đác-uy-nơ (1809 – 1882) là nhà sinh học, địa chất học, tự nhiên học nổi tiếng người Anh. Ông là tấm gương sáng về quyết tâm theo đuổi đam mê, nỗ lực vượt qua khó khăn để cống hiến cho khoa học, và đặc biệt là tinh thần không ngừng học, dù đã đứng trên đỉnh cao tri thức và danh vọng.
 - GV nêu câu hỏi 2. Chi tiết nào trong câu chuyện khiến bạn ấn tượng nhất?
 - HV làm việc nhóm, từng thành viên phát biểu ý kiến. Có thể giải thích vì sao mình có ấn tượng nhất với chi tiết đó.
 - GV/ HV đọc câu hỏi 3: Bạn mong muốn học tập nhà bác học Sác-lơ Đác-uy-nơ ở phẩm chất nào?
 - HV làm việc nhóm, từng thành viên phát biểu ý kiến. Có thể giải thích vì sao mình muốn học tập / muốn có được đức tính / phẩm chất đó.
 - GV/ HV đọc câu hỏi 4: Nêu cảm nghĩ của bạn sau khi đọc câu chuyện.
 - GV dành thời gian cho HS suy nghĩ trước khi trả lời.^[11]
 - GV yêu cầu mỗi HS trả lời câu hỏi bằng 1 – 2 câu. Mời nhiều em phát biểu.
- GV khích lệ, khen ngợi các ý kiến thể hiện suy nghĩ chân thực của các em. HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xác định đâu là câu kể trong những câu đã cho.
- + HV đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm, xác định câu nào là câu kể.

+ 1 – 2 HV chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án: câu a, câu c.

a) Sác-lơ Đác-uyn (1809 – 1882) là nhà sinh học, địa chất học, tự nhiên học nổi tiếng người Anh.

c) Khi tuổi đã cao, sức đã yếu, Đác-uyn vẫn còn học thêm tiếng Đức, một ngôn ngữ tương đối khó.

- Bài tập 2. Đặt 1 – 2 câu kể nói về việc học tập của mình.

+ HV làm việc cá nhân: viết 2 câu kể theo yêu cầu vào vở.

+ HV làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã viết, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Kể chuyện Nhà bác học không ngừng học

a) Chuẩn bị

- GV nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Nhà bác học không ngừng học*. GV nhắc HV cần nhớ đầy đủ những lời nói của các nhân vật trong câu chuyện để kể.

- HV làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, tập kể lại câu chuyện.

b) Kể chuyện

- HV làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý.

- HV kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:

+ Về nội dung.

+ Về giọng nói, điệu bộ.

- GV nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- GV nêu nhiệm vụ của bài học:

+ Viết chữ hoa D, Đ

+ Viết ứng dụng:

Hè chuyển vào thu

Đi hieu mặt hồ

Đoá sen nở sót.

(Phương Trung)

- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa D, Đ để viết theo yêu cầu. Nếu HS không nhớ cách viết, GV có thể hướng dẫn cụ thể hơn hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa D, Đ.
- HV làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- GV hướng dẫn viết câu ứng dụng:
- GV nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- HV hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.
- GV nhận xét chữ viết của HV.

TIẾT 5

5. Vận dụng (đọc và viết)

a) Đọc

- GV nêu nhiệm vụ của bài học: tự đọc bài thơ *Cô giáo về bản* và trả lời câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân theo yêu cầu.
- + Đọc bài thơ.
- + Trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

b) Viết 2 – 3 câu nói về ý nghĩa của việc học tập

- HV làm việc cá nhân: tự viết 2 – 3 câu theo yêu cầu.
- HV làm việc theo nhóm: đọc các câu đã viết và nghe góp ý, chỉnh sửa theo góp ý.

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 6.
- GV nêu yêu cầu về nhà: Lập kế hoạch những việc mình cần làm được trong tuần, trong tháng hoặc trong năm.
- Dặn HV chuẩn bị cho bài 7.

Chủ điểm: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

BÀI 7. NGHỀ DỆT THỎ CẨM Ở XÓM CHIỀNG (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Nghề dệt thổ cẩm ở xóm Chiềng*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nội dung bài đọc: giới thiệu nghề dệt thổ cẩm ở xóm Chiềng – một nghề truyền thống góp phần giúp người dân địa phương giảm nghèo và lưu giữ giá trị truyền thống của dân tộc.

2. Luyện tập về từ và câu:

- Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp, công việc.
- Biết dùng câu hỏi và dấu chấm hỏi.

3. Viết:

- Viết đúng chính tả bài thơ *Đất nước* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *r/d/gi* hoặc *v/d*.
- Viết được bản tin giới thiệu một sự kiện hoặc một địa phương.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Phiếu học tập viết sẵn nội dung BT 1 (Luyện tập gắn với bài đọc).
- Máy tính, máy chiếu để trình chiếu *Thông báo về việc mở lớp dạy nghề ngắn hạn* (nếu có).

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Kể tên một số nghề truyền thống hoặc một số sản phẩm của nghề truyền thống.
- Nghề truyền thống có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của người dân?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- GV hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- GV hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD:
 - *Hoa văn thổ cẩm của người Mường / không cầu kì nhưng rất tươi sáng, / mang đặc trưng của rừng núi.*
 - *Mặc dù ngày nay có nhiều sản phẩm dệt may công nghiệp mẫu mã bắt mắt / nhưng sản phẩm thổ cẩm làng Chiềng / vẫn được du khách tìm mua / bởi vẻ đẹp độc đáo hiếm có.*

- Có thể nói / thổ cẩm đã góp phần / giúp người dân nơi đây giảm nghèo / và lưu giữ giá trị truyền thống của dân tộc.

- GV hướng dẫn HS luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

GV tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- GV nêu từng câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Theo bài đọc, cần chuẩn bị những gì để có sợi dệt thổ cẩm? (Cần thu hoạch bông, phơi khô, bỏ hạt và cán bông, ép bông thành con, kéo bông thành sợi. Sợi bông được hồ, phơi khô rồi xe thành ống.)

(2) Thổ cẩm của người Mường có gì đặc biệt? (Thổ cẩm của người Mường có màu xanh của cây cỏ, màu đỏ, màu vàng của hoa rừng; hoa văn không cầu kì nhưng rất tươi sáng; chất vải mềm, mịn, nhẹ, rất bền, không phai màu.)

(3) Vì sao ngày nay có nhiều loại hàng hóa dệt may công nghiệp nhưng khách du lịch vẫn tìm mua sản phẩm thổ cẩm? (Vì thổ cẩm có vẻ đẹp độc đáo hiếm có.)

(4) Bạn suy nghĩ gì về việc duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: và phát triển các làng nghề truyền thống vì việc làm này góp phần giúp người dân giảm nghèo và lưu giữ giá trị truyền thống của dân tộc.)

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nhóm
- + GV nêu yêu cầu: Tìm từ ngữ thích hợp với mỗi nhóm (viết vào phiếu học tập).
- + HV thảo luận theo nhóm (hoặc cặp đôi).
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, bổ sung.

VD:

Nghề nghiệp (công việc)	Hoạt động nghề nghiệp (công việc cần thực hiện)	Phẩm chất của người làm việc
dệt thổ cẩm	thu hoạch bông, phơi bông, ...	cẩn thận, khéo léo, ...
đan mây tre	chuẩn bị mây, tre; chẻ, vót, chuốt sợi (nan),...	chăm chỉ, khéo léo, cẩn thận,...
thêu	chuẩn bị khung thêu, kim chỉ, vẽ mẫu,...	khéo léo, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì,...

- BT 2. Đặt 1 – 2 câu nói về một nghề (hoặc một công việc)

- + GV nêu yêu cầu.
- + HV làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Luyện tập: Câu hỏi, dấu chấm hỏi

a) Bài tập 1. Hỏi đáp về nội dung bản thông báo

- GV nêu yêu cầu: Hỏi đáp về nội dung thông báo (*Thông báo về việc mở lớp dạy nghề ngắn hạn*).
- HV dựa vào mẫu, hỏi đáp theo cặp, VD:
 - + Thông báo nói về việc gì? – Thông báo nói về việc mở lớp dạy nghề ngắn hạn / lớp dạy kỹ thuật chế biến món ăn.
 - + Đơn vị nào tổ chức lớp học? - Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Phú tổ chức lớp học.
 - + ...
- Một số HV hỏi đáp trước lớp (hoặc hỏi đáp theo hình thức phóng viên phỏng vấn); cả lớp góp ý, bổ sung.
- GV nhận xét.

b) Bài tập 2. Viết lại 1 câu hỏi và 1 câu trả lời theo nội dung hỏi – đáp ở bài tập 1

- HV viết lại ít nhất 1 câu hỏi, 1 câu đáp. (Chú ý viết hoa chữ cái đầu câu, sử dụng đúng dấu chấm hỏi cuối câu hỏi, dấu chấm cuối câu kể.)
- GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- GV nêu yêu cầu: nghe – viết đoạn thơ *Trước cổng trời*.
- GV đọc mẫu đoạn thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.
- GV nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ.
- GV đọc, HS viết vào vở.
- GV hướng dẫn HV soát lỗi và chữa bài (nếu cần).

b) Làm bài tập

- + GV nêu yêu cầu của bài tập (1 hoặc 2).
- + HV làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + GV yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + GV mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 1: *vật dụng, dùng, đi rẫy, đi rừng, ra khỏi nhà, dân bản, nắng gió*
- Bài tập 2: *vừa – dũa; vãi – dãi; va – da; vô – dồ, vòng – dòn; vời – dòi;...*

TIẾT 5

5. Viết bản tin

a) Trao đổi về bản tin

- HV đọc yêu cầu của BT.
- GV hướng dẫn HV đọc bản tin *Xã Quảng Phú tổ chức lớp dạy kỹ thuật chế biến món ăn*; trao đổi về nội dung bản tin.
- HV nói trong nhóm: trao đổi theo gợi ý.
- Một số HV trình bày trước lớp; GV nhận xét.

b) Viết bản tin ngắn giới thiệu nghề dệt thổ cẩm ở xóm Chiềng

- GV giao nhiệm vụ.
- HS trả lời câu hỏi gợi ý (thực hiện nhanh)
- HV dựa vào gợi ý, viết bản tin vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp
- GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- HV sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 7.
- GV nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tìm hiểu và giới thiệu một nghề sản xuất hoặc một sản phẩm kinh doanh ở địa phương.
 - + Chuẩn bị Bài 8.

BÀI 8. ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nghĩa của từ ngữ; nhận, ý nghĩa của bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp của biển và của những người lao động trên biển.

2. Luyện tập về từ và câu:

Luyện tập về câu kể, câu hỏi: Biết đặt và trả lời câu hỏi.

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *ng / ngh*.

- Viết đúng chữ hoa E, Ê và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.

- Điền được thông tin vào tờ khai in sẵn.

4. Biết bày tỏ thái độ yêu quý trân trọng người lao động và sản phẩm lao động.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Mẫu chữ viết hoa / phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê.

- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ / máy tính, máy chiếu chuẩn bị sẵn nội dung của BT 1, 2 (Luyện tập).

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Giới thiệu một nghề sản xuất hoặc một sản phẩm kinh doanh ở địa phương mà mình đã tìm hiểu được sau khi học bài 7.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.

- GV hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.

- GV hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.

- GV hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ. VD:

Sao mờ, / kéo lưới kịp trời sáng //

Ta kéo xoăn tay / chùm cá nặng //

Vẩy bạc đuôi vàng / lóe rạng đông

Lưới xếp buồm lên // đón nắng hồng.

- GV hướng dẫn HS luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

GV tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- GV nêu từng câu hỏi.

- HV làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc nào và trở về vào lúc nào? Những câu thơ nào cho ta biết điều đó? (Đoàn thuyền ra khơi lúc hoàng hôn, trở về vào bình minh. Những câu thơ ở khổ đầu và khổ cuối cho ta biết điều đó.)

(2) Tìm những hình ảnh khắc họa nên vẻ đẹp huy hoàng, thơ mộng của thiên nhiên. (Mặt Trời xuống biển như hòn lửa; sóng đã cài then, đêm sập cửa; nhịp trăng cao; rặng đông, nắng hồng; Mặt trời đội biển nhô màu mới.)

(3) Vẻ đẹp tươi vui, khoẻ khoắn của những người đánh cá được thể hiện qua những hình ảnh nào? (Câu hát căng buồm cùng gió khơi; Ta hát bài ca gọi cá vào; Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng - Vảy bạc đuôi vàng lóe rặng đông - Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng; Câu hát căng buồm với gió khơi - Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.)

(4) Bài thơ cho thấy những người đánh cá có tình cảm như thế nào với công việc của mình? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: tự hào, thoải mái, say sưa,...)

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm

+ GV nêu yêu cầu của BT: Xếp các từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm (từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ hoạt động); viết từ ngữ vào giấy nháp hoặc làm bài vào phiếu học tập.

+ HV làm bài cá nhân hoặc thảo luận theo cặp.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Từ ngữ chỉ sự vật: *Mặt Trời, biển, sóng, thuyền, cá, buồm, gió, mẹ, ngôi sao, lưới, nắng*

- Từ ngữ chỉ hoạt động: *cài then, sập cửa, đánh cá, ra khơi, căng buồm, hát, kéo lưới, đón*

- BT 2. Xếp các từ ngữ chỉ sự vật thành 4 nhóm

+ GV nêu yêu cầu.

+ HV làm bài, thực hiện tương tự như với BT 1.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Từ ngữ chỉ hiện tượng thiên nhiên: *Mặt Trời, biển, sóng, gió, ngôi sao, nắng*
- Từ ngữ chỉ người: *mẹ*
- Từ ngữ chỉ con vật: *cá*
- Từ ngữ chỉ đồ vật: *thuyền, bướm, lưới*

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Luyện tập về câu kể, câu hỏi

a) Bài tập 1. Tìm câu kể, câu hỏi trong bài đọc

- GV nêu nhiệm vụ: Tìm trong bài đọc 1 câu kể, 1 câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân.
- HV trao đổi trong cặp đôi.
- Một số HV nêu kết quả; HS khác nhận xét.
- GV chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Câu hỏi: *Có ba sào ruộng khoán với hai sào vườn tạp, lấy gì mà nuôi con ăn học đây?*
- Câu kể: Là những câu khác trong bài.

b) Bài tập 2. Đặt và trả lời câu hỏi cho bộ phận câu in đậm trong bài đọc

- GV nêu nhiệm vụ.
- HV làm việc theo cặp: 1 người hỏi – 1 người đáp.
- Một số cặp HV báo cáo kết quả trước lớp (có thể hỏi – đáp).
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng:

Đáp án:

• Chị Na rất lo lắng khi cầm giấy báo	• Chị Na thế nào?
đỗ đại học cho con.	
• Được Chi hội trưởng Phụ nữ gợi ý, chị Na viết đơn vay vốn để làm VAC.	• Được Chi hội trưởng Phụ nữ gợi ý, chị Na vay vốn để làm gì?

• Vợ chồng chị bàn nhau bố trí vườn, ao chuồng cho thật hợp lí.	• Vợ chồng chị Na làm gì?
• Tôi chỉ biết bỏ sức ra làm, còn vợ tôi tính toán cả đấy!	• Ai bỏ sức ra làm? Ai tính toán?

c) Bài tập 3. Viết lại một câu hỏi, một câu đáp (câu kể) trong bài tập 2

- GV giao nhiệm vụ.
- HV làm việc cá nhân: Viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- GV nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- GV nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa E, Ê và câu ứng dụng (*Ước gì em hoá thành mây / Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm.*)
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa E, Ê; hướng dẫn cách viết.
- GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê. Chú ý điểm giống nhau, khác nhau giữa E và Ê.
- HV làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa E, Ê theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- GV hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Ước gì em hoá thành mây / Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm.*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- HV hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Viết: Điền thông tin vào tờ khai in sẵn

a) Chọn thông tin phù hợp (cho sẵn) thay vào chỗ trống trong mẫu đơn đăng kí học nghề

- HV đọc đề bài (đọc cả mẫu và các thông tin cho sẵn).

- GV nêu yêu cầu: Đọc mẫu đơn; chọn thông tin cho sẵn điền vào vị trí phù hợp để hoàn chỉnh đơn.
- HV làm bài trên phiếu học tập.
- HV đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến.
- GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- <i>Quảng Phú, ngày 10 tháng 4 năm 2019</i>	
ĐƠN ĐĂNG KÍ HỌC NGHỀ	
Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú Tôi tên là: Nguyễn Văn Minh Nam (nữ): Nam Sinh ngày Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú: Xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ở hiện nay: Xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế Tôi làm đơn này đăng kí tham gia khóa học kĩ thuật chế biến món ăn do Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Phú tổ chức. Tôi xin hứa sẽ tuân thủ nghiêm túc các quy định của lớp học. Tôi xin trân trọng cảm ơn.	
Người làm đơn Nguyễn Văn Minh	

b) Viết đơn xin xác nhận tạm trú theo mẫu

- HV viết đơn xin xác nhận tạm trú theo mẫu (cách thực hiện tương tự như trên).
- GV có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 8.
- GV nêu yêu cầu về nhà:
 - + Viết *Bản đăng kí tham gia thi đua xây dựng danh hiệu gia đình văn hoá.*
 - + Chuẩn bị Bài 9.

BÀI 9. VÀO NGHỀ (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong câu chuyện *Vào nghề*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: Tất cả những điều lớn lao đều bắt đầu từ những việc rất bình thường.

2. Nói và nghe: Kể được câu chuyện *Vào nghề*.

3. Viết:

- Viết đúng chính tả bài *Đoàn thuyền đánh cá* (hai khổ thơ cuối) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng có bắt đầu bằng s / x hoặc có dấu hỏi / dấu ngã.

- Viết được 2 - 3 câu nêu ý kiến của bản thân về câu chuyện đã đọc.

4. Biết bày tỏ thái độ tích cực trong công việc, biết hướng tới mục tiêu tốt đẹp của cuộc sống.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ viết sẵn các câu hỏi gợi ý cho hoạt động luyện nói và nghe.

III. Gợi ý hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

HV làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Bạn đang làm nghề gì (hoặc thích nghề gì)?
- Nghề đó có gì thú vị, có ích lợi như thế nào?
- Cần chuẩn bị những gì để có thể làm tốt nghề đó?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- GV hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- GV hướng dẫn HV luyện đọc lời nhân vật.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

GV tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- GV nêu từng câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Vì sao Va-li-a mơ ước trở thành diễn viên biểu diễn tiết mục “Cô gái phi ngựa, đánh đàn”? (Vì cô bé thấy diễn viên xiếc biểu diễn tiết mục đó vừa xinh đẹp, vừa dũng cảm.)

(2) Trước khi trở thành diễn viên, Va-li-a đã làm những công việc gì ở rạp xiếc? (Cô bé quét sân và rác bẩn trên sàn chuồng ngựa.)

(3) Theo bạn, nhờ đâu mà Va-li-a trở thành một diễn viên như em hằng mong ước? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: Vì cô bé chăm chỉ, chấp nhận khó khăn, không nề hà những công việc vất vả,...)

(4) Bạn hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu nói “Cái tháp cao nào cũng phải bắt đầu xây từ mặt đất lên.”? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: Mọi việc dù lớn lao bao nhiêu cũng bắt đầu từ những điều nhỏ bé / bình thường. / ...)

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Câu chuyện trên cho thấy Va-li-a là cô bé như thế nào? Tìm 5 từ ngữ phù hợp

+ GV nêu yêu cầu.

+ HV thảo luận theo cặp; tìm các từ ngữ

+ Một số HV nêu ý kiến; HV khác bổ sung; GV nhận xét.

VD: *nỗ lực, chăm chỉ, quyết tâm, cần cù, nghiêm túc, giàu ý chí, giàu nghị lực,...*

- Bài tập 2. Đặt 1 – 2 câu nêu nhận xét về những nỗ lực và thành công của Va-li-a.

+ GV nêu yêu cầu.

+ HV làm việc cá nhân: viết câu vào vở.

+ Một số HV báo cáo kết quả.

+ GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện

- GV nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Vào nghề*.

- HV làm việc nhóm: dựa vào gợi ý, từng thành viên kể chuyện.

- Một số HV kể chuyện trước lớp; cả lớp góp ý, bổ sung.

- GV nhận xét.

b) Trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện

- GV giao nhiệm vụ.

- HV dựa vào gợi ý, nói suy nghĩ của mình (nói trong cặp / nhóm và nói trước lớp):

- GV nhận xét, bổ sung thông tin; nhận xét tiết học.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- GV nêu yêu cầu: nghe – viết *Đoàn thuyền đánh cá* (2 khổ thơ cuối)
- GV đọc mẫu đoạn thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.
- GV nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ.
- GV đọc, HS viết vào vở.
- GV hướng dẫn HV soát lỗi và chữa bài (nếu cần).

b) Làm bài tập

- + GV nêu yêu cầu của bài tập (1 hoặc 2).
- + HV làm việc cá nhân, sau đó đổi chiều bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + GV yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + GV mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

- Bài tập 1, VD: *chim sẻ - xẻ gỗ; sa xuống - xa nhà; nước sôi - đồ xôi; dao sắc - cái xắc;...*
- Bài tập 2, VD: *ngã ba đường - ba ngã đường; chìm nổi - nổi niêm; chim sẻ - sẽ đến; nhấc bổng - bổng nhiên;...*

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc truyện *Thưa chuyện với mẹ* và trả lời câu hỏi

- HV đọc yêu cầu của BT và các câu tục ngữ.
- HV đọc thầm truyện *Thưa chuyện với mẹ* và các câu hỏi.
- HV trao đổi theo cặp.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng:

- Cương xin mẹ điều gì? Vì sao mẹ chưa đồng ý với đề nghị của Cương?
(Cương xin mẹ cho đi học nghề rèn. Mẹ không đồng ý vì sợ Cương không chịu được vất vả; vì cho rằng nghề rèn không xứng với gia thế quan sang của gia đình.)

- Cương đã thuyết phục mẹ như thế nào? (Cương thuyết phục mẹ: Ai cũng phải có một nghề; nghề nào cũng đáng trọng như nhau. Chỉ những ai trộm cắp hay ăn bám mới đáng bị coi thường.)
- Bạn có tán thành với ý kiến của Cương không? Vì sao? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân.)

b) Viết 2 – 3 câu nêu ý kiến về việc chọn nghề (việc làm)

- GV giao nhiệm vụ.
- HV viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp
- GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- HV sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. Củng cố, dặn dò

- HV nhắc lại các nội dung đã học ở bài 9.
- GV nêu yêu cầu về nhà:
 - + Liệt kê những việc bản thân cần thực hiện để làm tốt công việc của mình.
 - + Chuẩn bị Bài 10